



VŨ QUANG HÙNG
dịch & phỏng tác

TRUYỆN ĐỌC ĐÊM KHUYA

Tập I
Vụ Án Mạng
Hoàn Hảo



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

VŨ QUANG HÙNG
dịch và phóng tác

TRUYỆN ĐỌC ĐÊM KHUYA

TẬP 1: ÁN MẠNG HOÀN HẢO

ebook©vctvegroup
23-04-2018

LỜI MỞ ĐẦU

Truyện trinh thám luôn là một thể loại được các bạn đọc giả yêu thích. Tính chất hấp dẫn của thể loại truyện này không còn phải bàn cãi. Cốt truyện gay cấn, bố cục chặt chẽ, tiến triển nhanh, gọn, bất ngờ, cách xử lý thông minh, chính xác... là ưu điểm của thể loại truyện trinh thám. Tuy nhiên, không phải độc giả nào cũng có đủ thời gian và sự tập trung để theo dõi một cốt truyện điều tra gay cấn kéo dài.

Chính vì vậy, NXB Trẻ sẽ mang đến cho bạn những trải nghiệm mới với bộ sách “Truyện đọc đêm khuya”. Không còn những câu chuyện căng thẳng kéo dài. Không tốn nhiều thời gian cho theo dõi cho một quá trình điều tra căng thẳng. Bộ sách này quy tụ những câu chuyện trinh thám ngắn gọn, súc tích, nhưng không kém phần gay cấn. Mỗi câu chuyện là một tình huống khác nhau, đầy bất ngờ và lôi cuốn.

Với bộ “truyện đọc đêm khuya” do tác giả Vũ Quang Hùng dịch và phóng tác, NXB Trẻ hi vọng sẽ mang lại món ăn tinh thần tuyệt vời trước khi ngủ cho các fan của truyện trinh thám.

LỘ HÌNH PHÚT CHÓT

Đúng 11 giờ sáng một ngày tháng Bảy đẹp trời, Karen Holden hít một hơi thật sâu, bước ra khỏi cổng nhà tù nữ tại phía Tây Orange. Cô tự nhủ ít ra đó cũng là một ngày tốt để cô khởi đầu cuộc sống mới.

Có một trạm xe buýt cách cổng nhà tù không xa, cô đứng chờ khoảng mười phút thì xe đến. Cô lên xe cùng với một phụ nữ da đen mập mạp cũng vừa ra khỏi nhà tù. Chỉ còn hai ghế trống cạnh nhau và bà mập vừa ngồi xuống vừa hỏi Karen:

— Cô cũng vừa ra tù?

— Vâng.

— Cô ở trông bao lâu?

— Hai năm.

— Sao bị dính vậy?

— Lấy chút đỉnh tiền nơi tôi làm thủ quỹ. Tòa xử hai năm tù, ba năm thử thách.

— Thì ra cô còn phải thử thách. Cô đã tính làm gì chưa?

— Chưa biết.

— Trước hết phải kiếm một chỗ ở tạm, rồi tới trình diện nhân viên quản lý những người còn trong thời gian thử thách. Họ có thể giới thiệu việc làm cho cô đấy. Chúc cô may mắn. Tôi phải xuống ở trạm tới.

* * *

Karen muốn được căn hộ một phòng tại chung cư gần ngay khu trung tâm. Lối xóm chẳng ai buồn chú ý đến cô cũng như quá khứ của cô. Riêng tay quản lý chung cư tên Felix Lottner tỏ ra nịnh đầm khi cứ lảng xảng quanh cô. Anh ta mở cửa phòng, liền thoảng:

— Phòng đủ tiện nghi. Cô coi nè: giường nệm, bàn ăn, lò sưởi, tủ lạnh... Cô tính thuê bao lâu?

— Tôi cũng chưa rõ.

— Một trăm đô một tháng, nhưng tôi lấy trước hai trăm vì cần đặt tiền cọc nữa.

Karen đưa tiền ra, lưỡng lự:

— Ông cho tôi biên lai được không?

— Dĩ nhiên là được.

Cô đóng cửa, cài khoá sau khi Felix bước ra. Cô đến bên cửa sổ nhìn xuống phía dưới. Có một khu chợ phía bên kia đường. Cô không thích nghĩ nhiều về căn phòng, hy vọng mình không ở đây lâu.

Mấy ngày cuối tuần nhanh chóng trôi qua và sáng thứ Hai cô đọc mục tuyển người trên nhật báo. Sang thứ Ba cô nghĩ đã đến lúc tìm gặp nhân viên quản lý những người đang trong thời gian thử thách như cô.

Anh ta tên Tom Rosso, trông giống một thầy giáo hơn là nhân viên quản lý. Anh hay mỉm cười thân thiện và cặp mắt xanh thường chớp chớp sau mắt kiếng khi anh nói.

— Chào cô Holden. Mời cô ngồi.

Cô ngồi đối diện anh bên kia bàn, đưa mắt nhìn quanh bốn bức

tường trống trơn:

— Cảm ơn.

Tom mở tập hồ sơ của cô, vừa đọc vừa hỏi:

— Chà, đã hai năm cô mới trở về cuộc đời thường. Giờ cô có chỗ ở ổn định chưa?

— Tôi muốn một căn hộ chung cư nhỏ – Cô nói địa chỉ, dù biết mình đã ghi trong hồ sơ.

— Cô không định về ở với gia đình sao?

— Tôi đã 28 tuổi và cha mẹ tôi hiện đang sống ở California. Tôi thích ở lại đây và tự lập hơn.

— Tốt lắm. Còn việc làm thì sao?

— Bữa qua tôi mới bắt đầu tìm việc. Tôi chưa quen với mọi thứ.

— Có một công ty may mặc ở Passtown đang cần thuê người.

— Tôi thích việc ở văn phòng hơn. Tôi vốn có kinh nghiệm về chuyện này.

— Rồi, cứ thông thả. Nếu cô cần gì thì gọi điện cho tôi hay – Anh ta ghi chú lên hồ sơ – Hàng tháng cô phải đến đây trình diện. Thêm vào đó, có thể một buổi tối nào đó trong tuần tôi sẽ tới chỗ cô ở xem thử phòng ốc ra sao. Cô là một phụ nữ hấp dẫn. Tôi nghĩ cô sẽ dễ kiếm được việc làm.

* * *

Chiều Chủ nhật, cô đang quét rác thì tay quản lý chung cư đi ngang:

— Chào cô!

— Ồ, chào ông Felix, ông làm tôi giật mình.

— Xin lỗi. Cô thấy phòng ra sao? Có phần nào gì không?

— Không, mọi thứ đều được cả.

— Tôi thấy cô ở nhà suốt ngày, chưa có việc làm hả?

— Tôi đang cố tìm.

Felix mỉm cười, để lộ chiếc răng gãy, đặt một bàn tay lên cánh tay trần của Karen:

— Đây...

Karen lùi lại, giọng lạnh băng:

— Bỏ tay ra ngay, ông Felix!

Tom Rosso đến thăm cô vào chiều thứ Tư. Anh ta có vẻ thoải mái hơn lúc ngồi trong văn phòng. Tom nói với cô:

— Cô dọn nhà sạch, gọn lăm. Chúng tôi thích vậy, nó chứng tỏ cô ưa cuộc sống mới.

— Tôi cũng không định ở đây lâu. Tay quản lý chung cư có thói quen tệ hại là đặt bàn tay lên người tôi. Tôi muốn đi khỏi đây ngay khi tôi kiếm được tiền kha khá.

— Chưa có hy vọng tìm được việc à?

— Tôi biết tôi mới ra tù chưa được hai tuần. Nhưng tôi bắt đầu cảm thấy thất vọng.

— Đúng là còn quá sớm. Cứ cố đi và tôi bảo đảm sẽ giúp cô. Công ty may mặc vẫn đang cần người đấy.

— Không, cảm ơn. Hồi ở tù họ bắt tôi đập máy may mãi khiến tôi đâm ngán. Tôi thích làm việc gì khác, công việc văn phòng hoặc

ngoài trời cũng được.

Karen chột kêu lên:

— Bây giờ tôi quên mời anh uống nước. Anh dùng nước ngọt hay nước trái cây?

Tom Rosso gõ kiếng:

— Nước ngọt được rồi.

Karen lấy chai coca-cola rót ra ly:

— Buổi chiều mắc thăm tôi khiến anh về nhà trễ. Anh có gia đình chưa?

— Ly dị. Tôi có hai đứa con trai nhỏ và tôi ghé thăm chúng vào cuối tuần – Lúc cô đặt ly nước trước mặt Tom, anh đưa bàn tay phải lên và chỉ cô thấy đồng tiền xu trong lòng bàn tay – Cô nhìn thử coi – Anh nắm tay lại rồi mở ra: Đồng tiền đã biến mất.

Karen ngạc nhiên:

— Anh là một nhà ảo thuật!

Tom cười:

— Tôi học vài trò vật để giỡn với mấy đứa con. Chúng thích lắm và gọi tôi là ảo thuật gia.

Anh uống hết ly nước, cảm ơn cô và hứa trước khi ra về: - Tôi sẽ cố tìm việc làm giúp cô trong tuần tới.

* * *

Một tuần sau, Tom Rosso điện thoại cho Karen vào buổi xế:

— Tôi đang ở gần nhà cô. Tôi ghé thăm cô có tiện không?

— Tôi đang mong tin của anh.

Mười phút sau Tom đến, câu đầu tiên của anh ta là:

— Cô tìm được việc làm gì chưa?

— Chưa. Nhưng điều tôi lo nhất bây giờ lại là chỗ ở. Tay quản lý Felix Lottner lại quấy rầy tôi. Mới khi sáng hấn vừa nói chuyện vừa lại sát bên tôi. Hấn làm tôi ốm.

— Có lẽ tôi phải gặp hấn.

Karen lắc đầu:

— Tôi chỉ muốn đi khỏi đây. Hễ có việc làm ra tiền là tôi kiếm chỗ khác ngay.

Tom ngồi xuống ghế, mở sổ tay:

— Tôi vừa kiểm tra lại và tôi nghĩ có một người có thể giúp cô việc làm. Tên ông ấy là Adam Irving, làm luật sư. Adam chuyên biện hộ những vụ tai nạn.

— Tôi làm việc tại văn phòng luật sư?

— Theo tôi biết, có khá nhiều công việc. Nhưng ông ta trả lương khá. Địa chỉ của Adam đây. Sáng mai cô có thể gọi điện thoại đến ông ấy.

— Tôi không biết làm cách nào đền ơn anh.

— Chờ có việc làm rồi hãy nói đến trả ơn cô Karen ạ.

Sáng hôm sau cô gọi điện thoại đến Adam Irving. Ông ta hẹn gặp cô vào lúc ba giờ chiều. Đó là một người đàn ông thấp, mập, để ria mép, trạc 40 tuổi với đôi mắt sắc, hơi ti hí. Ông ta không tỏ vẻ gì khi Karen cho ông biết cô đã ở tù. Ông nói:

— Tôi có việc làm cho một phụ nữ trẻ. Lương khởi đầu hai trăm đô mỗi tuần, chưa kể tiền thưởng.

— Công việc gì? Trong văn phòng?

— Làm việc bên ngoài nhiều hơn, lúc đầu. Cô phải tìm hiểu về người tiêu dùng trong các siêu thị.

— Nghe thú vị đấy. Khi nào tôi có thể làm việc?

— Mai được không?

— Tốt lắm!

Cô gọi điện thoại đến Tom Rosso báo tin cô đã tìm được việc làm. Anh tỏ ra vui vẻ, bảo:

— Xin chúc mừng cô. Nếu có gì trục trặc cô cứ gọi cho tôi.

Karen bắt đầu công việc vào 9 giờ sáng hôm sau. Chính Adam Irving lái xe đưa cô đến một siêu thị và đưa cho cô tờ giấy mẫu với một lô câu hỏi cần điền vào. Công việc cuốn hút cô suốt ngày trừ nghỉ chút xíu ăn trưa. Irving đến đón cô vào khoảng hơn 3 giờ chiều, hỏi:

— Công việc ra sao, cô Karen?

— Tôi vừa làm xong.

— Tốt. Chúng ta qua quán cà-phê nói chuyện.

Vừa uống cà-phê, Karen vừa chỉ cho Irving những mẫu giấy cô đã làm xong và những ghi chú của cô.

— Cô ghi chú gì vậy?

— Một ngày bình thường. Nhưng có một phụ nữ bị vấp té nơi quầy bán thực phẩm cho chó và bị trẹo mắt cá chân.

— Cô chứng kiến tai nạn?

— Tôi nghe tiếng loảng xoảng và chạy tới chỗ bà ta bị té. Họ giúp bà ấy đứng dậy, nhưng bà đòi gặp quản lý siêu thị. Bà yêu cầu ông ta báo cáo lên trên nếu vết thương của bà nghiêm trọng.

— Cô có nghĩ bà ấy làm bộ không?

— Không. Mắt cá chân bị trẹo thì đau lắm chớ.

Adam Irving gật đầu:

— Cô có ngạc nhiên không nếu tôi nói với cô rằng tôi đại diện cho bà ta để kiện siêu thị?

— Kiện? Tai nạn mới xảy ra cách nay vài giờ mà.

— Có sao đâu. Người đàn bà ấy, tên Clair Gleason, là thân chủ của tôi.

Karen lắc mạnh đầu làm như cố hiểu cho ra mớ bòng bong:

— Tôi chịu chẳng thể hiểu nổi.

— Đến văn phòng và tôi giải thích cho cô nghe.

Bước vào văn phòng của Irving, Karen thấy người phụ nữ bị té trong siêu thị đã có mặt. Cô do dự rồi lên tiếng:

— Xin chào. Tôi là Karen Holden.

— Còn tôi là Clair Gleason. Rất vui được gặp cô.

— Tôi đã gặp bà bữa nay ở siêu thị. Mong bà không bị thương nặng.

Clair cười khẩy:

— Tôi sẽ không sao nếu nhận được 20.000 đô-la.

Karen quay sang Irving:

— Ông kiện siêu thị đòi bồi thường 20.000 đô?

— Nói đúng ra là bà Gleason kiện. Tôi chỉ là luật sư của bà ta.

— Bà... bà có bị thương thật không?

— Có lẽ tôi bị vài vết bầm.

— Bà đã té nhiều lần?

— Thịnh thoảng.

— Nhưng phải đi khám lấy giấy chứng nhận của bác sĩ, rồi chụp X quang.

Irving trấn an cô:

— Chúng tôi sẽ có đủ giấy tờ cần thiết. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, siêu thị rất ngán chuyện ra toà nên công việc được giàn xếp ổn thoả.

Karen hiểu ra. Cô ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi Gleason:

— Bà có được nhận đủ 20.000 đô-la không?

Irving trả lời câu hỏi này:

— Chúng tôi đòi 40.000 đô và thường thì nhận được phân nửa sau khi dàn xếp. Bà Gleason sẽ được 10.000 đô. Số còn lại dĩ nhiên phải trả cho luật sư – Ông ta dừng lại vài giây rồi hỏi – Cô có muốn thử không, Karen?

— Tôi ấy à? Tôi mới ra tù, còn đang trong thời gian thử thách.

— Nhưng cô vẫn có quyền kiện. Và lại, mọi chuyện sẽ được giàn xếp ổn thoả để không ra toà.

— Tôi sợ... tai nạn xe hơi...

— Không có vụ xe hơi nào đâu. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng đòi việc dễ thôi, có thể là trượt té trên sàn nhà ướt. Gleason có thể dạy cô cách té.

Karen cắn môi:

— Tôi có thể kiếm được 10.000 đô không?- Cái đó còn tùy...

— Để tôi suy nghĩ thêm.

— Tôi muốn biết nội trong ngày mai.

* * *

Gleason dạy cô cách té.

Công việc chẳng mấy khó khăn sau vài lần thử. Karen tưởng tượng các nghệ sĩ trên sân khấu và trong phim hẳn cũng tập té như vậy, nếu họ không có người đóng thế. Khi còn bé, Karen đã muốn trở thành một nghệ sĩ, nhưng cuộc đời luôn có những khúc ngoặt không theo ý muốn của mình.

Cô được dẫn đến một cửa hàng bán thuốc tây và bánh kẹo lớn. Gleason đã quan sát kỹ phía trước quầy tính tiền luôn được lau chùi sạch sẽ vào những ngày mưa, nên sàn nhà khá trơn. Họ có bảng báo hiệu cho khách, nhưng bảng này lại thường đặt lệch sang một bên rất khó nhận thấy.

Gleason bước vô cửa hàng trước, đẩy bảng báo hiệu khuất sau một quầy kẹo. Karen đợi năm phút sau mới chạy qua cơn mưa vô cửa hàng. Cô bước vội, vừa đi vừa giữ nước khỏi áo khoác. Cô chợt trượt chân và vội đưa tay bám vào chiếc máy bán kẹo đúng như Gleason đã bày cho cô. Việc xảy ra quá nhanh và bất ngờ. Một người bán hàng chạy tới đỡ cô đứng dậy, tưởng cô bị thương nặng. Một người kêu lớn “Chris!” và một phụ nữ trẻ tóc vàng, rõ ràng là người chịu trách nhiệm về an ninh của cửa hàng, chạy đến. Bà ta nhẹ nhàng hỏi:

— Cô đứng dậy nổi không?

— Tôi... tôi chắc là được, nhưng lưng tôi đau quá. Nền nhà trơn trượt.

— Có bảng báo mà. Cô không thấy sao?

Karen đưa mắt nhìn quanh khi cô đứng dậy:

— Tôi chẳng thấy bằng báo nào cả.

— Đây này, sau quầy kẹo. Chắc ai quên không đẩy nó ra phía ngoài.

— Lung tôi đau quá. Tôi đi không nổi.

— Có cần gọi xe cứu thương không?

— Không. Có lẽ nghỉ một lát tôi sẽ đỡ.

— Để tôi giúp cô vô văn phòng. Tôi phải viết tường trình về việc này.

Tại văn phòng, Chris vừa điền vô một mẫu giấy, vừa hỏi Karen. Xong cô ta đưa tờ giấy cho Karen:

— Tôi chắc cô đã khá hơn nhiều. Tôi sẽ đưa cô hai trăm đô-la nếu cô ký vô tờ giấy này, cam đoan không làm phiền hà chúng tôi nữa.

— Tôi... để tôi xem – Cô dợm đứng dậy, xoay lưng, rồi lại ngồi xuống – Tôi nghĩ tốt nhất hãy đợi qua ngày mai coi thử lưng tôi còn đau hay không đã.

Chris nhìn cô, cố giữ bình tĩnh:

— Cứ làm những gì cô cho là tốt nhất. Nhưng đây là số tiền nhiều nhất chúng tôi có thể đưa cho cô nếu không có kiện cáo.

Karen rời cửa hàng, bước chậm chậm, mặt nhăn nhó và hơi lê gót. Cô nói với Gleason và Irving đang đợi cô trong xe hơi:

— Họ đề nghị đưa tôi hai trăm đô.

Irving bảo:

— Đó là con số ban đầu. Mai cô trở lại cửa hàng, gặp tay quản lý. Nếu gặp may, hấn sẽ chi cho cô hai ngàn đô.

* * *

Tuần sau Karen đến văn phòng của Tom Rosso, nói với anh:

— Tôi thấy rắc rối với công việc mà anh giới thiệu cho tôi.

Anh ta cau mày:

— Sao cô gọi điện thoại nói với tôi rằng cô nhận việc?

— Thì tôi đã nhận việc làm. Nhưng có điều gì đó không ổn. Thoạt đầu không đáng gì, nhưng giờ đây... Tom mỉm cười:

— Tôi nói cô nghe, Karen. Bữa nay tôi khá bận, nhưng buổi tối tôi có thể ghé ngang nhà cô và cô sẽ kể cho tôi. Như vậy có gì bất tiện không?

— Không. Mời anh tới.

Tom đến sau bữa tối chút xíu, mang theo cả chiếc cặp da làm việc. Anh giải thích:

— Tôi từ văn phòng ghé thẳng đây. Cô gặp rắc rối gì nào?

Karen hơi lúng túng:

— Tôi nghĩ tôi phải kể với anh bởi anh là người đã giới thiệu tôi với Adam Irving.

— Tất nhiên. Tôi biết Adam đã từ nhiều năm nay. Tôi mong ông ta không sàm sỡ với cô như tay quản lý chung cư.

— Không, không – Và cô nhanh chóng kể mình đã gặp Clair Gleason và sự cố tại cửa hàng – Tôi đã gặp người quản lý nhưng ông ta không chịu bồi thường nhiều hơn 500 đô-la. Tôi dọa kiện lấy mười ngàn.

Mặt Tom đanh lại. Anh đứng dậy, đi tới đi lui:

— Tại sao giờ đây cô lại đến với tôi?

— Tôi cho rằng mình chưa làm gì bậy vì tôi vẫn chưa cầm một đồng nào. Nhưng nếu cửa hàng trả tiền, liệu tôi có vi phạm gì không? Tom Rosso thở dài, rút tập hồ sơ mang tên cô từ trong cặp ra:

— Tôi mến cô, ngay từ lần đầu gặp cô. Việc khiến cô ngồi tù hai năm có thể xảy đến với bất cứ ai. Giờ cô đã mãn án và đang khởi đầu cuộc sống mới. Chắc chắn tôi không ủng hộ điều Adam Irving làm, nhưng mặt khác ông ta đã giúp rất nhiều người có công ăn việc làm sau khi ra tù. Ông ta không phải là người xấu.

— Vậy theo anh tôi có thể cứ tiếp tục công việc?

— Cô phải tự quyết định. Tất cả những gì cô nói với tôi đều không ảnh hưởng đến thời gian thử thách của cô.

— Tôi thấy dễ chịu khi nghe anh nói, như vừa cất gánh nặng. Anh uống nước nhé?

— Nước ngọt?

Karen hơi mắc cỡ:

— Bữa nay tôi có cả bia đấy.

Cô rót hai ly bia, và trong lúc đưa ly cho Tom cô nghĩ anh ta đụng tay vào người cô, nhưng có thể đó chỉ do vô tình. Cô nhìn tập hồ sơ của mình, cố đoán thử xem trong đó có những gì. Tom làm như đoán được ý nghĩ của cô:

— Hồ sơ viết cô còn độc thân. Cô có bạn trai chưa?

— Chưa, sau hai năm ở tù. Người tình cũ bỏ đi và người mới thì chưa – Karen bỗng đứng dậy – Tôi có thứ cho anh ăn...

— Tôi phải đi liền giờ – Tom uống cạn ly bia và đứng dậy.

Karen cầm tập hồ sơ trên bàn đưa cho anh, có vài tờ giấy trong tập tuột ra, rớt xuống đất. Cô kêu lên “Ồ, xin lỗi”, và cúi xuống lượm vật rơi, trong đó có một tấm ảnh của cô. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì một nhân viên quản lý người được tạm tha đương nhiên có ảnh của cô, nhưng đây lại là bức ảnh chụp cô vừa ra khỏi trại giam, lúc đang ở trước nhà tù. Tom tỏ vẻ luống cuống:

— Tôi... tôi muốn biết những người tôi phải chịu trách nhiệm.

— Anh chụp ảnh?

— Người khác chụp giúp.

Karen đoán:

— Chắc Clair Gleason cũng bị chụp ảnh?

— Tại sao cô nghi thế?

— Bà ấy nói bà biết anh.

— Vây nè. Tôi có rất nhiều người phải quản lý...

— Và anh giới thiệu Gleason đến Irving?

Tom mỉm cười:

— Có thể. Sao, có gì quan trọng không?

— Ông Irving sử dụng bao nhiêu phụ nữ?

Tom vẫn mỉm cười:

— Tôi không để ý. Có vấn đề gì vậy?

— Có phải họ đều đang trong thời gian thử thách giống như tôi không?

Tom đưa tay ôm ngang eo Karen:

— Hãy tin anh đi, họ không giống em.

Karen cựa mình thoát khỏi vòng tay Tom:

- Tôi không muốn vô tù trở lại.
- Không đâu. Anh cam đoan với em.
- Vậy tôi nên làm gì bây giờ?
- Cứ để anh nói chuyện với Irving.

* * *

Karen tiếp tục đến văn phòng Irving hàng ngày. Tay quản lý của hàng cũng đến để cố dàn xếp. Irving bảo cô:

— Trong khi đang tiến hành dàn xếp, cô đừng nên gây ra một “tai nạn” nào khác. Họ có thể kiểm tra lại và phát hiện sự việc.

— Ông Tom Rosso có nói gì về tôi với ông không?

— Không có gì đáng lo cả. Cô không gặp bất kỳ nguy hiểm nào.

Lúc này tôi đang lo cho Clair Gleason hơn. Cả tuần nay không thấy bà ta đâu.

Cuối cùng tay quản lý của hàng đề nghị bồi thường Karen ba ngàn đô-la và Irving quyết định cô nên đồng ý vì “không tệ so với chuyện đầu đầu. Nếu chúng ta đòi quá nhiều có thể gây nghi ngờ.”

Nhận đủ tiền, Karen gọi điện thoại đến Adam Irving thì được cô thư ký nhắn cô có thể mang tiền lại thẳng nhà ông ta vào tối hôm ấy vì giờ này Irving đang bận giải quyết một việc rất quan trọng. Bảy giờ rưỡi tối hôm ấy, Karen mang chi phiếu đến nhà Irving, theo địa chỉ cô thư ký đã nói với cô. Đó là một căn hộ lộng lẫy nhìn ngay ra công viên.

Ông ta ra mở cửa, bảo: “Mời vào!” và vội đến bên chiếc điện thoại. Ông ta nói một hồi khá lâu trong khi Karen kiên nhẫn đứng chờ. Rồi

Irving đặt máy xuống, đến bên cô:

— Tom Rosso đang trên đường tới đây. Chúng tôi gặp rắc rối. Cô kiểm lại chi phiếu chưa?

— Chi phiếu đây.

Irving liếc qua, đưa lại cho cô:

— Tốt. Cứ giữ lấy và chúng ta sẽ chia tiền sau. Chúng ta chưa thể tiến hành công việc vào lúc này.

— Tại sao?

Irving chưa kịp trả lời thì đã có tiếng gõ cửa và Tom Rosso bước vào. Anh ta đi vội, khẽ gật đầu chào Karen và quay sang Irving:

— Có chuyện gì vậy?

— Cóm đã tóm Clair Gleason. Một cô gái vừa báo với tôi.

Tom lầu bầu:

— Anh nghĩ liệu cô ta có khai gì không?

Irving nhún vai:

— Tôi đã cân nhắc mọi khả năng. Tôi muốn lấy phần của mình trong kết quả tiền. Tôi nghĩ tốt nhất là tôi ra nước ngoài một thời gian.

Tom nhìn Karen:

— Còn cô gái này?

Irving chăm chăm ngó cô:

— Cô sẽ không khai gì chớ, cô gái?

— Tôi... tôi...Tom gằn giọng:

— Còn anh, anh có khai gì không? Nếu Clair Gleason khai ra anh, cảnh sát sẽ bắt anh phun ra sạch mọi thứ đấy.

— Dễ gì! Anh cứ việc chia phần cho tôi và thế là xong.

Tom Rosso mỉm cười:

— Hẳn là vậy – Anh ta đưa cao bàn tay – Hãy nhìn đây – Một đồng tiền xu hiện ra – và giờ nó biến mất nè – Đồng tiền chạy đâu mất tiêu.

— Hãy bỏ trò hề đó đi, Tom.

— Nó lại hiện ra nè – Một khẩu súng ngắn tự động nhỏ xíu chợt xuất hiện trên tay Tom. Mũi súng chỉ ngay con mắt trái của Adam Irving và viên đạn xuyên qua đích ngắm.

* * *

Karen như bị điên:

— Chúa ơi, Tom, anh giết chết ông ta rồi!

Tom trấn an cô:

— Đừng sợ, tiếng súng rất nhỏ, không ai nghe thấy đâu.

— Tôi không muốn vô tù trở lại. Tôi sẽ chết nếu lại bị bắt.

— Đừng lo. Em không bị bắt đâu. Anh đã từng nói với em vậy rồi mà.

— Nhưng Irving chết mất rồi!

— Chúng ta sẽ chuồn ra nước ngoài trước khi tử thi của Irving bị phát hiện. Em sẽ ở với anh đêm nay và sáng mai anh sẽ lấy hết tiền trong két trên đường đến sân bay.

Anh phải đỡ cô và cho cô uống chút rượu whisky trong nhà Irving để cô trấn tĩnh lại. Cuối cùng anh lấy tấm mền phủ lên xác Irving

theo yêu cầu của Karen và họ cùng rời nhà Irving. Cô hỏi:

— Còn các cô gái khác thì sao?

— Mặc xác họ. Anh chỉ lo cho em thôi.

Màn đêm đổ xuống khi họ trở về nhà của Tom Rosso. Karen vẫn hy vọng mơ hồ rằng sẽ có vợ Tom đợi ở cửa. Nhưng quả là anh ta sống một mình. Câu chuyện ly dị vợ của Tom hoá ra là thật. Cô cuộn mình trên ghế bành trong khi Tom điện thoại đến hãng hàng không đặt hai vé máy bay đi London bằng thẻ tín dụng của anh ta.

— Chúng ta sẽ ở tạm London và dùng tên giả trong khi anh đăng ký bay tiếp đến một hòn đảo nào đó.

— Em không có thẻ thông hành.

— Anh luôn có vài thẻ thông hành dự trữ đề phòng trường hợp khẩn cấp. Em chỉ việc điền vào thẻ và chút nữa anh sẽ chụp cho em tám ảnh lấy liền, dán vào thẻ, đóng dấu giả lên là xong ngay.

— Anh có vẻ thành thạo công việc quá.

— Anh nghĩ đến tất cả mọi khả năng. Để anh đi sắp xếp đồ đạc, sáng mai có thể lên đường sớm. Quần áo của em ra sao? - Em không biết nữa... Tom quyết định:

— Anh sẽ mua cho em nguyên một tủ quần áo mới khi đến London. Quay về nhà em rất nguy hiểm.

— Phải. Thu ký của Irving biết em đến nhà ông ta tối nay. Nếu họ thấy xác của ông ta, thế nào họ cũng đến nhà kiểm em.

Tom sắp đồ vào một chiếc va-li duy nhất và chuẩn bị một chiếc cặp táp lớn, trút hết mọi thứ trong ấy ra. Xong anh ta chụp ảnh và lo làm thẻ thông hành cho cô đến khi thẻ hầu như hoàn hảo.

— Anh nghĩ mọi việc đều đầu vào đó cả rồi. Em uống gì không?

— Có bia trong tủ lạnh không? Anh uống bia nhen.

Họ cùng ngồi uống bia trong khi Tom kể:

— Anh hoàn toàn dựa vào các cô gái ở tù ra đang trong thời gian thử thách, đặc biệt những cô gái đẹp và ngây thơ như... em. Có lúc bọn anh có đến mười sáu cô chuyên giả bộ bị thương tại các siêu thị hoặc bị tai nạn xe cộ. Bọn anh luôn thay đổi người và địa điểm. Hiện giờ bọn anh có mười cô thôi. Adam Irving giữ hồ sơ và mọi thứ. Hắn có một trương mục nhỏ, còn phần lớn là tiền mặt, bỏ trong két gởi tiền ở ngân hàng mà chỉ anh và hắn có chìa khoá.

— Nhiều không?

— Gần năm trăm ngàn đô. Bọn anh dành dụm mấy năm nay rồi.

— Anh có cần thiết phải giết Irving không?

— Anh chưa khi nào tin hắn. Toàn bộ công việc là do ý đồ của anh, vậy mà hắn còn qua mặt anh dìm bớt tiền. Hừ! Đáng đời hắn – Rồi anh hỏi – Em vô giường ngủ với anh nhen.

Karen rùng mình:

— Đừng. Đừng bắt em ngủ với anh đêm nay. Em vừa nhìn thấy anh giết người. Có thể ở London. Nhưng đêm nay thì khoan đã.

— Anh chiều em, em có thể ngủ ở ghế bành.

Karen gạt đầu và Tom đưa cô tắm mền. Cô quấn mền thật chặt, hỏi:

— Khoảng mấy giờ sáng mai chúng ta phải thức dậy?

— Bảy giờ. Máy bay cất cánh lúc 11 giờ, nhưng anh còn phải ghé ngân hàng lấy tiền trong két.

Tom vô phòng ngủ và Karen tắt đèn. Tom thêm:

— Tiếng anh ngáy hơi lớn, không làm phiền em chớ?

— Em đã quen, sau hai năm ở tù ngủ chung phòng với nhiều người.- Còn việc nữa, nếu chuông điện thoại reo, đừng trả lời.

* * *

Họ đến ngân hàng lúc chín giờ rưỡi. Karen ngồi chờ trên một chiếc trường kỷ trong khu để kết gởi tiền trong lúc Tom Rosso hí hoáy lo lấy kết ra, trút sạch tiền vào chiếc cặp trống. Khi đã ngồi trong xe hơi, anh mở cặp chỉ cho cô thấy các gói toàn giấy bạc một trăm đô-la.

Họ mua vài số báo buổi sáng. Không thấy tin tức gì về việc Adam Irving bị ám sát. Chắc cái chết của tay luật sư này chưa bị phát hiện. Tom lái xe đến sân bay, nắm chặt tay Karen, nói với cô mọi việc như vậy đều thuận lợi. Anh gởi xe tại chỗ gởi dài hạn. Karen đi bên anh lại gần máy dò X quang và phát hiện kim loại. Cô hỏi nhỏ:

— Anh không mang theo súng trong người chứ?

Tom lắc đầu:

— Ngủ gì dấu trong người để máy phát hiện. Đêm qua em ngủ ngon giấc chứ?

— Anh ngáy quá trời. Chắc anh ngủ ngon hơn em. Từ đây đến London bay bao lâu?

— Gần bảy giờ. Và với khác biệt về múi giờ, chúng ta sẽ hạ cánh vào quãng gần nửa đêm.

Karen đã nhận ra những người đến sân bay theo yêu cầu của cô qua điện thoại lúc nửa đêm khi hôm. Cô nắm chặt cổ tay Tom Rosso ngay phía trên chiếc cặp và nói thật rành rọt. Cô muốn anh nghe rõ

từng tiếng:

— Tom Rosso. Tôi là trung úy Karen Holden thuộc biệt đội cảnh sát hoá trang. Tôi bắt ông về các tội giết người, tổ chức lừa đảo và giả mạo giấy tờ. Ông có quyền giữ im lặng cho đến khi gặp luật sư... Cô vẫn mong mình trở thành một diễn viên mà.

(Theo “*Now you see it*” của Edward D. Hoch)

ĐỐT QUÁ KHỨ

Thứ Hai ngày 18-3-1991, lúc 6 giờ 30 tối. Anne-Marie R., 42 tuổi, trở về căn hộ, trên tay đầy các gói, hộp linh tinh vừa mua ở siêu thị. Tất cả đều rất bình thường. Căn hộ của chị nằm ở tầng ba của cao ốc đang xây dựng dở dang, ngay tại con đường huyết mạch của thành phố. Chị bước ra khỏi thang máy, đến trước căn hộ, bỏ các gói hàng xuống, tìm chìa khoá. Và thăm kích bùng nổ.

Một người đàn ông đội mũ trùm đầu chợt xuất hiện, dùng tay phải bịt miệng chị khiến chị không kêu lên được, và vật chị ngã xuống sàn. Tay kia gã cầm chai xăng tưới lên người chị, rút quẹt máy, bật lửa. Rồi gã bỏ chạy trong lúc nạn nhân cháy bùng bùng như ngọn đuốc sống, la hét. Cuộc tấn công chỉ kéo dài vài giây.

Nghe tiếng la, một bác sĩ có phòng khám bệnh ở tầng dưới, vội lao lên dập tắt lửa. Anne-Marie R. cố nói được có vài tiếng:

— Một người đàn ông bịt mặt... tưới xăng lên tôi và đốt...

Chị bị phỏng nặng ở đầu và ngực. Bác sĩ vội gọi xe cấp cứu. Nhưng không kịp. Anne-Marie R. chết một giờ sau trong cơn đau khủng khiếp.

* * *

Cảnh sát lập tức vào cuộc để truy tìm thủ phạm. Những ghi nhận ban đầu không có gì đáng phấn khởi. Cao ốc còn đang xây dựng nên

rất nhiều người có thể lui tới. Lại có đến hai bác sĩ mở phòng mạch ngay tại cao ốc nên người ra vào càng nhiều hơn. Mặt khác, cao ốc xây dựng dở dang còn là nơi tạm cư của những kẻ vô gia cư. Đó là chưa kể số công nhân xây dựng tới lui mà chẳng ai để ý.

Mặt khác, không thể coi đây là vụ giết người qua đường như một số người nhận định ban đầu. Việc đem theo chất lỏng dễ cháy chứng tỏ hung thủ có chủ đích; và nhất là cái chết dễ sợ khiến người ta nghĩ tới một vụ trả thù. Có lẽ đi sâu vào cuộc sống của nạn nhân sẽ tìm ra lời giải thích.

Tuy nhiên, thoát xem qua, cuộc đời nạn nhân chẳng có gì đặc biệt. Anne-Marie là giáo viên dạy gia chánh tại các khoá học đặc biệt; cuộc đời chị không hề có tai tiếng. Nhưng có thể qua chị, tên sát nhân muốn nhắm vào chồng chị.

Gérard R., 46 tuổi, là bác sĩ sản khoa. Có khi nào ông đã làm hại đến sản phụ hoặc thai nhi? Trong nhiều ngày, cảnh sát thăm hỏi bạn bè của Gérard. Họ coi lại cả các hồ sơ trong bệnh viện mà ông từng đảm nhiệm chức vụ trưởng khoa sản. Nhưng không. Công việc chuyên môn của ông không hề có một sơ suất nhỏ nào.

Tìm trong quá khứ của cặp vợ chồng này không dẫn đến kết quả, cuộc điều tra quay trở lại các phương cách thông thường.

Cảnh sát sàng lọc hồ sơ của những kẻ bị chứng điên loạn đốt nhà. Công nhân xây dựng cao ốc được lần lượt gọi hỏi. Họ có đến cả trăm người nên phải tốn nhiều thời gian.

Đến lúc này, căn cứ duy nhất là từ lời khai của viên bác sĩ chạy đến cứu nạn nhân. Trong một thoáng, ông đã gặp tên sát nhân đang bỏ chạy. Gã mặc áo xanh công nhân – điều này giải thích vì sao cảnh sát phải gọi hỏi hàng trăm công nhân xây dựng. Thời gian ông nhìn

thấy hắn rất ngắn, nhưng ông cho rằng có thể mình miêu tả gần đúng: trạc 30 tuổi, cao, tóc vàng, ốm, mặt dài. Chân dung robot được vẽ ra và in trên báo. Mặc dầu vậy, cuộc điều tra vẫn dậm chân tại chỗ. Đã hai tuần trôi qua mà không có thêm chi tiết nào mới.

Nhưng đó chỉ là mặt nổi, đối với công chúng. Bởi cảnh sát không nói hết với báo chí. Người ta đã tìm ra các chỉ dẫn chủ yếu: một vỏ chai whisky (dùng đựng xăng) có dấu vân tay và một vé xem đấu vật mang tên “G.”.

Thoạt nhìn, mọi việc tưởng chừng đơn giản và dễ giải quyết: hung thủ tên G. và gã để lại dấu tay. Thực tế vẫn còn nhiều rắc rối và việc bắt giữ chưa thể thực hiện. Trước hết, dấu vân tay không nằm trong số những kẻ đã có hồ sơ theo dõi. Thứ nữa, số người mang tên G. có đến hàng mấy trăm trong vùng. Không thể gọi tất cả những người trùng tên này lên thẩm vấn vì vừa kéo dài thời gian, vừa đánh động đối tượng.

Việc phát hiện một chứng cứ mới có vẻ là yếu tố quyết định. Người ta tìm thấy một chiếc áo công nhân màu xanh bị vất bỏ bên lề đường. Áo mang chữ viết tắt của một hãng tẩy rửa. Vậy mà, người quản lý của hãng này có tên Michel G.

Cảnh sát đến nhà tay quản lý vào sáng ngày 8-4. Ông ta chối bar bãi. Hơn nữa, khuôn mặt ông ta khác hẳn với chân dung robot: ngoài 40 tuổi, nhỏ con, mặt tròn, ria mép màu nâu, gần như không có tóc. Có điều dấu tay trên chai rượu whisky đúng là dấu tay của Michel G.

Michel không còn cách nào khác là thừa nhận chai rượu, vé xem đấu vật và chiếc áo xanh công nhân là của ông ta, nhưng chối rằng những thứ đó ông ta để trong xe hơi và bị đánh cắp.

— Tại sao ông không báo cảnh sát?

— Tại những thứ đó chẳng đáng sợ gì.

Và rồi, bỗng nhiên ông ta phun ra:

— Phải, chính tôi. Nhưng tôi chỉ muốn làm mất cô ta biến dạng, không muốn giết chết Anne-Marie.

Đến đây, Michel G. ngừng lại. Ông ta không khai tiếp mình quen biết nạn nhân hồi nào, ở đâu, và tại sao lại đốt cháy chị. Mãi về sau Michel mới chịu khai nhận đầy đủ. Nếu ông ta chậm khai ra, chẳng qua vì rất khó nói.

— Tất cả đều bắt nguồn từ “vấn đề” của cá nhân tôi.

— Vấn đề gì?

— Vấn đề rất tế nhị...

Quả thực, vấn đề rất tế nhị: Michel G. bị bắt luyến.

* * *

Bắt đầu tại Montpellier. Trong một dạ hội Michel gặp AnneMarie – một phụ nữ khác trùng tên – và ông ta cưới cô. Năm 1980, hai người mở hãng tẩy rửa. Công việc phát đạt nhanh chóng: năm 1991 họ đã có 12 công nhân.

Khổ thay, đó chỉ là về mặt nghề nghiệp, trong cuộc sống lứa đôi lại khác hẳn. Mọi việc đang hoàn toàn suôn sẻ với Michel thì bỗng ông ta bị bắt luyến. Ông ta đi hỏi thăm các chuyên viên, điều trị đủ cách, nhưng tất cả đều vô ích.

Cho nên từ tháng 6-1990, vợ ông ta có nhân tình. Với Michel, thế giới đổ sụp. Ghen tuông pha lẫn xấu hổ, ông ta bỗng nhớ lại một kỷ

niệm mà từ bao lâu nay ông đã chôn vùi theo năm tháng...

Cách nay 17 năm, vào năm 1973, ông đã từng tha thiết yêu Anne-Marie, cô này sau trở thành bà Anne-Marie R.

Khi ấy Michel còn là sinh viên. Ông gặp Anne-Marie đang còn độc thân. Thật là cú sét ái tình. Hai người say đắm yêu nhau được bốn năm thì bỗng nhiên, không có lý do, Anne-Marie cắt ngang. Sau đó, hoặc vì muốn xoá bỏ dĩ vãng, hoặc cho là chẳng đáng gì đối với mình, Anne-Marie không giữ lại bất cứ một kỷ vật nào, dù ảnh hay thư – điều này giải thích tại sao các nhà điều tra không khám phá được gì về quá khứ của nạn nhân.

Riêng Michel vẫn giữ ảnh của Anne-Marie. Đây là vết thương lòng bí mật của ông ta. Vào tháng 6-1990 vết thương bộc phát. Cuộc sống tình cảm thứ hai thất bại khiến ông ta nhớ lại mối tình đầu. Ông ta nhìn lại tám ảnh xưa, thù hận. Chính cô ta đã khiến ông trở thành bất lực (!). Michel cầm tám ảnh đi hỏi ba nhà thầy bói xem có phải cô ta đã ếm bùa ông không. Cả ba đều thống nhất ý kiến, mỗi người phán một câu:

- Phải. Chính cô ta đã trù ếm ông.
- Người trong ảnh là một con quỷ cái.
- Phải đốt cháy nó!

Vậy là Michel G. bỏ công sức ra làm “thám tử” để tìm người tình năm xưa mà nay ông ta chỉ biết tên và tám ảnh cũ. Sau nhiều tháng, kỳ diệu (và bất hạnh) thay, ông ta tìm ra!

Trước ngày gây án, Michel chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cần thiết: mũ trùm đầu, chai xăng, hộp quẹt máy. Suốt cả ngày 18 ông ta theo dõi nạn nhân. Khi thấy Anne-Marie R. trở về nhà một mình, Michel ra tay hành động, rất bình tĩnh.

Chỉ mãi đến khi ngọn lửa bùng lên, Michel mới hốt hoảng bỏ quên vỏ chai rượu whisky dùng đựng xăng; và sau đó lại cởi bỏ áo quăng bên đường – mà nếu không có những vật chứng này, chắc hẳn các nhà điều tra đành phải bó tay.

(Phóng tác theo một truyện của Bellemare)

PHÒNG SỰ CHẾT NGƯỜI

Deborah W., cô gái xinh đẹp tóc hung, đang làm việc cho một chương trình truyền hình Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha, lo kiểm chủ đề chương trình cho ngày hôm sau. Hôm nào cũng vậy, vừa chấm dứt chuyên mục *Nếu như bạn muốn* là cô phải nghĩ ngay tới câu hỏi muôn thuở đặt ra với các nhà báo: “Mai ta sẽ làm gì?”. Phải, cô sẽ quay cảnh nào, trực tiếp càng tốt, để hấp dẫn khán giả xem truyền hình?

Bỗng chuông điện thoại reo vang. Deborah nhắc máy. Một giọng đàn ông, âm sắc Cuba đặc sệt, yêu cầu được nói chuyện với người có trách nhiệm trong chuyên mục nổi tiếng *Nếu như bạn muốn*. Deborah tự giới thiệu. Khách xác định mình là người rất thích loạt chuyên mục này, một “fan”. Nhưng ông gọi điện thoại bữa nay không nhằm ca ngợi người dựng chuyên mục. Ông đang gặp một vấn đề nan giải, và ông tin rằng người phụ trách chuyên mục có thể giúp ông giải quyết – một vấn đề cá nhân, đã xảy ra trong thực tế cuộc đời, rất sống động.

Theo linh tính, ở đầu dây bên kia, Deborah cảm nhận đây có thể trở thành một chủ đề để phát sóng. Cô yêu cầu người gọi, Vincente J., kể lại câu chuyện của ông. Đồng thời, do phản xạ nghề nghiệp, Deborah bấm máy ghi âm toàn bộ cuộc đàm thoại. Nhờ vậy cô có thể thông thả nghe lại và cân nhắc được tất cả các sự kiện. Deborah đúng là một nhà báo chuyên nghiệp, có khả năng kết nối các sự kiện, tiên đoán phản ứng, nhờ thế có thể dựng nhiều cảnh quay trực

tiếp sinh động. Tiếc thay lần này...

Ở đầu dây bên kia, Vincente kể lại câu chuyện buồn của ông, từ lúc bắt đầu. Ông nhớ khá lộn xộn mọi tình tiết. May thay, Deborah giúp ông sắp xếp lại, nhấn mạnh những điểm cần thiết. Quả là một thảm kịch.

... Những năm đầu mới đến Florida cùng với vợ tên Margarita, ông như sống trên thiên đường. Đã vậy họ còn cho ra đời một cháu gái tuyệt vời nữa chớ: Pilar với mái tóc nâu và lúc nào cũng tươi cười, hẳn sẽ trở thành một thiếu nữ xinh đẹp trong tương lai. Mọi việc đều suôn sẻ, Vincente làm bảo vệ cho một nhà nghỉ sang trọng, còn Margarita là thợ làm đầu. Tiền kiếm được đủ cho họ trang trải. Pilar lớn dần. Margarita bắt đầu lui tới với số bạn bè mà bà ta tự chọn, và họ không phải là những người Vincente thích.

Cuộc sống trong gia đình không còn êm ả nữa. Hai vợ chồng nhận thấy tham vọng cá nhân của họ khác hẳn nhau. May thay, còn có Pilar nối kết họ. Nhưng rồi đến lúc Pilar cũng không đủ sức hàn gắn họ nữa, có phần ngược lại là khác: Ai cũng muốn giáo dục con theo cách riêng của mình. Vincente thích để con “tự quyết” nhiều hơn trong khi Margarita muốn “áp đặt”.

Tóm lại, họ ly dị. Vincente đầy thất vọng khi toà tuyên bố Pilar, lúc đó 14 tuổi, được trao cho mẹ chăm sóc. Mỗi lần thăm con, Vincente mang theo đủ thứ quà bánh, đồ chơi, quần áo... Nhưng Pilar bắt đầu hư hỏng. Cô hay đi chơi với những bạn trai cùng trang lứa. Thảm kịch bắt đầu từ đó...

Kể đến đây, Vincente khóc nức nở ở đầu dây bên kia. Deborah vừa an ủi, vừa khuyến khích ông tiếp tục câu chuyện. Đồng thời cô ghi chú những điểm quan trọng.

... Một ngày đẹp trời nọ, Pilar gọi điện thoại với giọng hoảng hốt, mời cha đến ngay nhà của Margarita vì có chuyện khẩn cấp. Vincente vội vàng đến nơi, thấy khuôn mặt xanh dờn của cô con gái yêu quý. Ông lập tức linh cảm có chuyện chẳng lành. Pilar thú thật với cha rằng cô đã mang bầu – một thiếu niên cũng mang dòng máu Mỹ – La-tinh hơn cô có vài tuổi. Làm gì bây giờ? Margarita vẫn chưa hay biết gì cả. Vincente định tự mình sẽ kể lại với người vợ cũ. Ông sẽ cố kể sao cho khéo.

Nhưng, từ nơi làm đầu trở về, với các nguyên tắc giáo dục của mình, Margarita hoàn toàn không phản ứng như Vincente dự kiến. Mặc dù Vincente nói với bà rằng con gái họ đang trong tình trạng khủng hoảng nặng, tốt nhất nên gọi hỏi và nghe con trình bày, rồi từ từ giải quyết một cách nhẹ nhàng – và Margarita hứa sẽ hành động như vậy – nhưng thực tế bà ta làm khác hẳn. Lúc giáp mặt con gái, Margarita không dần nổi cơn giận, thẳng cánh tát Pilar nhiều lần. Và đó mới chỉ là màn dạo đầu. Trừng phạt tiếp theo của bà mẹ nghiêm khắc là cấm con ra khỏi nhà, cấm gặp mặt bạn trai, hăm dọa... Pilar như bị giam lỏng. Người duy nhất an ủi cô lúc này là cha cô lại nằm ngoài tầm với của cô. Nhưng điều tệ hại nhất vẫn chưa xảy ra...

Vincente tiếp tục câu chuyện – và đến lúc này. Deborah chợt nghe thấy từ ký ức của cô một âm thanh vang lên. Cô nhớ mình đã đọc đâu đó trên báo... – Một sáng kia, chuông điện thoại reo vang, có giọng nói lạ yêu cầu ông đến nhà người vợ cũ ngay. Tại đây, ông đối diện với thảm kịch: Pilar, thiên thần, niềm hy vọng của ông, nằm duỗi dài bất động trên băng-ca, tám đốm màu xám phủ trên người.

Cô đã tự sát bằng một phát súng ngắn bắn ngay tim.

Vincente, cùng với nỗi buồn mệnh mang, cảm thấy thù ghét Margarita. Sau khi cự nự khá nặng lời với vợ. Vincente nộp đơn kiện Margarita. Ông cáo buộc bà đã đẩy Margarita đến chỗ tự sát. Nhưng rồi người ta lịch sự báo với ông rằng đơn khiếu kiện của ông không được chấp nhận. Vẫn quyết định phải trả thù cho Pilar, Vincente tìm kiếm một giải pháp khác, và ông nghĩ chương trình truyền hình *Nếu như bạn muốn* có thể giúp ông. Deborah cũng nghĩ vậy.

Cô hẹn gặp ông tại một quầy rượu ở F..., thành phố nơi xảy ra thảm kịch, để chuẩn bị bắt tay vào một loạt phim hấp dẫn. Còn gì khiến khán giả truyền hình say mê hơn là nỗi đau khổ của người cha đang sẵn sàng báo thù cho con gái mình? Cô càng tỏ vẻ hân hoan hơn, khi trong lần gặp tại quầy rượu, cô nhận thấy người bảo vệ nhà hàng, còn đang điên lên vì giận, mang theo trong túi áo vết một khẩu súng ngắn.

Với linh tính nghề nghiệp của một nhà báo, Deborah biết rằng loạt phim truyền hình trực tiếp sắp tới của cô sẽ có nhiều hành động, diễn biến bất ngờ để thu hút khán giả. Cô đề nghị, làm như tình cờ, quay hình Vincente vào đúng lúc ông ta đặt vòng hoa (do đài truyền hình mua) lên nấm mộ vừa xây xong của Pilar. Nấm mộ mà, theo phong tục La-tinh, có gắn tấm ảnh của người quá cố được tráng men. Những hình ảnh đẹp tạo ấn tượng. Hơn nữa, theo Deborah tìm hiểu và được biết, Margarita cũng suy sụp từ khi con gái bà tự sát, ngày nào cũng đến thăm mộ. Giả thử Margarita và Vincente tình cờ gặp nhau ngay tại nơi an nghỉ của Pilar thì còn cảnh phát hình trực tiếp nào hay hơn! Và chẳng, chính Deborah cũng không biết nên khuyên Vincente giải quyết ra sao, hai người gặp nhau có thể sẽ nảy ra cách giải quyết.

Đã đến giờ thực hiện. Mọi việc diễn ra đúng như dự kiến.

Vincente, nét mặt đau buồn, đặt vòng hoa trên mộ Pilar. Phóng viên thu hình điều khiển ống kính zoom để quay rõ những giọt nước mắt chảy dài theo đôi gò má nhăn nheo của ông. Deborah, tay cầm micro, đọc lời bình thích ứng làm mũi lòng khán giả đang theo dõi trên màn ảnh nhỏ. Bỗng nhiên, đúng như Deborah từng hy vọng, một chiếc xe hơi ngừng lại cách đó không xa. Margarita bước xuống xe, vẫn mặc bộ đồ toàn một màu đen như mọi ngày. Deborah, với phản ứng tuyệt vời, vội quay sang Margarita, đặt các câu hỏi. Margarita, ngạc nhiên trước sự xuất hiện của các phóng viên truyền hình, từ chối trả lời: bà đến đây để thăm mộ con bà chớ không phải để được phỏng vấn. Bà yêu cầu mọi người hãy để bà một mình với nỗi buồn của bà.

Theo hướng dẫn của Deborah, phóng viên ghi hình chuyển ống kính sang Vincente. Ông đang quỳ trước mộ bỗng thình lình đứng phắt dậy, chạy về phía Margarita. Máy quay phim lia theo, lia theo, micro ghi hết các tiếng động, hơi thở hỗn hển của Vincente, lời trách móc của Margarita “Hãy để tôi yên! Mặc tôi!”. Tất cả đều được ghi lại, tay Vincente thọc vô túi áo vét, rút khẩu súng ngắn ra, chia thẳng. Nhiều phát súng nổ. Margarita té xuống, sọ bay mất do các viên đạn tiếp tục trúng đích, thi thể bà co giật... rồi Vincente gục xuống khóc nức nở sau khi đã giết vợ...

Phóng sự truyền hình trực tiếp năm 1993 trên đài được đưa vào biên niên sử về kết thúc bất ngờ nhưng tệ hại nhất, cũng như về ý kiến tu vấn tồi nhất.

(Phóng tác theo “*Scoop Mortel*” của Bellemare)

CÁI NHỌT CỦA ODETTE

Cả ba ngồi trong phòng đợi của bác sĩ Shatterton: Ông Cuplet nhỏ con, vẻ mặt tươi cười. Bà Cuplet cao gầy, cau mày lo ngại. Cô con gái Odette 13 tuổi xinh đẹp, tóc vàng, có một cái nốt bọ ở cổ. Họ là khách duy nhất trong phòng đợi. Một người hàng xóm cho họ biết đây là bác sĩ mới mở phòng mạch ở gần nhà họ nhất. Và lại cái nốt bọ đâu có gì mà phải đi xa, kén chọn bác sĩ.

* * *

Trong lúc ấy, tại đường hầm tâm thần ở Rockland, một phụ nữ trung niên chạy lăng xăng hết phòng này sang phòng khác, mặt xám xanh vì lo lắng. Bà hỏi phòng y vụ:

— Tôi không yên tâm chút nào. Tại sao ông lại thả em tôi ra?

— Đâu có ai thả. Ông ta có quyền ra vô tùy ý. Nếu ông ta không thích vô đường hầm nữa thì chúng tôi đành chịu... Nếu bà thắc mắc gì, xin hỏi bác sĩ Roger.

* * *

Bác sĩ Shatterton mở cửa bước ra phòng đợi, mời họ vô phòng khám. Ông mỉm cười dễ thương:

— Có điều gì không ổn nào?

Vừa hỏi ông vừa đưa cặp mắt nhỏ đen trên gương mặt hồng hào nhìn ba người đối diện, và ngừng lại nơi Odette:

— Cô bé, phải không?

Odette vén mái tóc vàng lên, đưa tay chỉ cái nhọt bọc trên cổ.

— Chỉ có vậy thôi sao? Bộ không có bệnh gì nữa hả? – Giọng bác sĩ Shatterton có vẻ thất vọng.

* * *

Tại đường hầm tâm thần Rockland, người phụ nữ trung niên đứng trước bác sĩ Roger, càng lúc càng lo lắng:

— Nhưng rốt cuộc, thưa bác sĩ, để em tôi thực hành là việc vô cùng nguy hiểm. Ngay lúc tôi đang nói chuyện với ngài đây, biết đâu em tôi đang khám bệnh.

— Đừng lo, thưa bà. Căn bệnh không ngăn em bà là một bác sĩ giỏi.

— Và nếu em tôi cứ muốn giải phẫu thì sao? Ngài hẳn biết đó là nỗi ám ảnh của em tôi. Shatterton luôn mơ ước được phẫu thuật. Trước khi đưa em tôi vô đây, cậu ta cứ loay hoay với con dao mổ mãi nên tôi sợ...

— Đừng sợ thái quá do cường điệu bệnh của em bà.

* * *

Bác sĩ Shatterton cầm kiếng lúp nhìn cái nhọt bọc trên cổ Odette:

— Phải, phải, chiếc nhọt đã chín rồi. Không sao đâu. Bây giờ cô bé chịu phiền kéo quần xuống tôi coi nào.

Ông bà Cuplet nhìn nhau ngạc nhiên thì bác sĩ Shatterton tiếp:

— Thưa ông bà, tôi muốn kiểm tra thêm vì máu cô bé này có thể bị nhiễm độc.

Odette đỏ mặt, nhìn cha mẹ, thấy họ chần chừ, không dám từ chối đề nghị của bác sĩ, cô bé lấy tay trái giữ quần, tay phải kéo áo thun lên quá rốn. Bác sĩ đưa tay nhấn nhấn vào phía bụng dưới của cô.

* * *

Ra khỏi đường đường tâm thần, chị bác sĩ Shatterton vội đến trụ sở cảnh sát:

— Em tôi bị điên, đã bị giam nhiều lần. Nó cứ muốn trở thành bác sĩ giải phẫu và tiến hành mổ xẻ. Nó đã rời đường đường tám bữa nay, hẳn để mở phòng khám. Không thể để như vậy.

— Khoan đã... Em bà có phải là một bác sĩ không?

— Phải.

— Có bằng đảng hoàng?

— Phải.

— Vậy thì việc gì phải lo.

* * *

Bác sĩ Shatterton xác định sau khi khám:

— Con gái của ông bà bị đau ruột thừa!

Bà Cuplet kêu lên:

— Trời! Vậy sao?

Ông Cuplet bảo:

— Nó có bao giờ bị đau đầu. Phải không, Odette?

— Tất nhiên không vì bệnh chưa phát ra. Mà hệ phát là nguy hiểm lắm. Cho nên cần phải giải phẫu ngay.

* * *

Do chị bác sĩ Shatterton cứ nằn nì mãi, ông cảnh sát trưởng đành nhắc máy điện thoại:

— A-lô, bà Beacks? Tôi là cảnh sát trưởng Rockland đây. Tôi gọi bà theo yêu cầu của chị bác sĩ Shatterton. Hình như bà đã có chuyện... có kỷ niệm với em của bà ấy?

— Đúng vậy. Tôi bị cảm cúm, đến phòng bác sĩ Shatterton khám.

Ông ta bắt tôi uống một hơi sáu ly rượu.

— Rồi... ông ta có làm gì bà không?

— Lúc ra về, tôi say đến nỗi giả sử ông ta có hiếp tôi tôi cũng chẳng biết nổi.

— Xin cảm ơn bà Beacks.

Ông cảnh sát trưởng đặt điện thoại xuống, quay sang bà Shatterton:

— Hơi man man, nhưng đâu có gì ghê gớm!

* * *

Ông Cuplet kiên quyết:

— Không, bác sĩ... Không giải phẫu, ít ra là lúc này.

— Chỉ lo cho cái nhọt bọc thôi?

— Phải. Chỉ cái nhọt bọc.

— Ông làm rồi. Lùi một bước là để nhảy xa hơn. Nhưng, theo ý ông, tôi sẽ chỉ chăm sóc cái nhọt bọc. Một giờ nữa trở lại đây, ông sẽ thấy mọi việc đều tốt đẹp.

Ông Cuplet nói với vợ:

— Tôi phải về, nhưng bà đừng rời phòng khám. Không hiểu sao tôi thấy ngại tay bác sĩ này quá.

* * *

Cảnh sát trưởng lại nhắc điện thoại:

— A-lô, nhà thuốc tây Brogan? Cảnh sát trưởng Rockland đây. Bác sĩ Shatterton vừa mở phòng mạch ở phía nam thành phố. Ông có biết tay này không?

— Ông ta điên nặng. Sao họ lại thả ông ta ra?

— Sao?

— Trước khi vô dương đường, Shatterton mua rất nhiều ê te ở nhà thuốc của tôi, không biết để làm gì. Cuối cùng tôi mới rõ ông ta uống mỗi sáng một cốc vại ê te, pha với chanh. -Trời!

* * *

Bác sĩ Shatterton chạy vội ra cửa sau, lên vô quán rượu gần phòng khám, vớ lấy một anh chàng vừa tu hết chai bia thứ sáu:

— A! Tôi đang cần phụ tá cho một ca mổ khẩn cấp.

— Trả bao nhiêu?

— Năm đô-la. Nhưng phải theo tôi ngay, rửa tay và khoác áo choàng trắng lẹ lên!

* * *

Theo yêu cầu của chị bác sĩ Shatterton, cảnh sát trưởng tiếp tục kiểm tra:

— A-lô... Bà Denow phải không? Cảnh sát trưởng Rockland đây. Bà nghĩ sao về bác sĩ Shatterton?

— Ông bác sĩ bị mất dây... Một hôm tôi bị nổi mề đay, đến nhờ khám, ông ta đòi cắt một bên ngực của tôi. Tôi phải đánh lộn với ông ta mới giữ được ngực còn nguyên vẹn để ra về. Xin ông hãy tin rằng tôi nói thực.

* * *

Bác sĩ Shatterton để ê te vào một cục bông gòn lớn, bảo Odette:

— Chút xíu là xong liền. Tôi sẽ cho cô bé ngủ. Nào, hãy đếm 1... 2... 3...

Đếm đến 10 thì Odette mê man, bác sĩ ra lệnh cho “phụ tá”:

— Cởi đồ cô bé ra, nhanh nào!

Nửa giờ sau, ông cảnh sát trưởng gõ cửa phòng khám của bác sĩ Shatterton. Người ra mở cửa là một phụ nữ cao, gầy.

— Bác sĩ Shatterton đâu?

— Tôi không biết. Tôi dẫn con gái tôi tới đây khám bệnh. Ông ta đang mổ nhọt bọc của con tôi ở trong phòng mổ.

Chị bác sĩ đi theo ông cảnh sát trưởng kéo tay ông, chạy vô hành lang:

— Phòng mổ ở đâu, mau lên!

Họ hốt hoảng dừng lại trước cảnh tượng kinh hoàng: Trên chiếc bàn trong nhà bếp là cô bé gái xinh đẹp nằm dài, bụng bị mổ toác hoác đầm đìa máu. Bác sĩ Shatterton có vẻ khoái chí vì vừa thực hiện ca đại phẫu thuật.

Khi xe cấp cứu đến, cô bé đáng thương Odette chỉ sống thêm được ít phút vì động mạch chính của cô đã bị cắt đứt.

(Phóng tác theo một truyện của Bellemare)

ÁN MẠNG HOÀN HẢO

Thật khó để thực hiện một vụ giết người hoàn hảo. Những can thiệp cố ý hoặc tình cờ thường khiến vụ việc càng thêm phức tạp và do đó dễ tìm ra thủ phạm. Nhưng không phải không có ngoại lệ, ít nhất là một lần. Tôi khẳng định điều này do thực tế bản thân đã trải qua.

Tôi đã gặp người thiếu phụ ấy tại một tiệm tạp hoá. Tôi không để ý gì đến bà ta cho đến khi nghe bà hỏi mua một hộp đạn súng săn cỡ 12 với giọng rất tự nhiên. Ở ngôi làng hẻo lánh Hambleton này nào mấy ai hỏi mua đạn săn, nhất là phái nữ, nên tôi liếc nhìn thử. Bà ta chắc mới tới làng lần đầu, khoác chiếc áo màu xanh lá cây, khuôn mặt chẳng có gì đặc biệt.

Và lại, tôi đang lo giải quyết vụ Edward Nantucket. Nói đúng hơn là nghĩ cách cho gã tiêu đời. Có thể bạn đã từng đọc báo nói về hắn: Một trong bốn vị anh hùng thuộc đội cảm tử thực hiện nhiệm vụ bí mật hồi Pháp bị chiếm đóng – hoặc ít ra, hắn đã kể như thế và mọi người đều tin – và là kẻ duy nhất sống sót. Ba người kia gồm Robinson, Challenger, de Virac đều đã hy sinh.

Có điều Robinson là em ruột tôi. Trước khi qua đời, Robinson đã kịp thu hết hơi tàn kể với một lính Mỹ rằng chính Nantucket đã bán đứng đồng bạn cho Gestapo và nhờ chuyển lời lại với tôi. Tôi không đủ chứng cứ để đưa Nantucket ra toà, nên tôi quyết định tự mình sẽ thực thi công lý. Nhưng tôi lại bị tật đi cà nhấc từ hồi nhỏ nên công việc không dễ dàng chút nào.

Cơ may dường như đến với tôi khi Nantucket mua một ngôi nhà lộng lẫy cách nơi tôi ở chỉ hơn 2 cây số. Hắn chẳng để ý gì đến dân làng mà chỉ lo hưởng thụ cuộc sống xa hoa, khoái đi săn, đi câu làm ra vẻ quý tộc, và chắc chắn không thể ngờ có tôi đang âm mưu giết hắn. Nhưng vấn đề là phải giết hắn sao cho giống như một tai nạn để không ai nghi ngờ. Tôi thích nhất là cho một cành cây gãy rớt trúng ngay đầu hắn khiến hắn hấp hối, đủ thời gian cho tôi đến bên hắn, thì thầm: “Mày có nhớ Robinson không? Tao là em anh đó!”.

Rồi ngày cuối cùng của Nantucket cũng tới. Sáng hôm ấy thời tiết thật tuyệt vời. Tôi nghe vài ba phát súng đầu đó trong rừng, phía bên kia cánh đồng. Tôi lặng lẽ cất bước về phía ấy. Tôi tìm ngay ra dấu vết của gã. Tôi lượm được vài vỏ đạn còn nóng nhưng chưa nhìn thấy hắn thì đã nghe tiếp một tiếng nổ dường như lớn hơn mấy phát súng trước đó.

Theo hướng của tiếng nổ, Nantucket đang trên đường trở về. Và nếu hắn đi trở lại con đường mòn mà hai hôm rồi hắn đã sử dụng, ngang qua phía dưới một cây sồi lớn thì mọi chuyện sẽ “xong ngay”...

Tôi cố đi nhanh hết cỡ, tuy vẫn thận trọng, về hướng ấy. Nhưng tôi đã không gặp may. Nếu hắn đi theo con đường mòn hai hôm trước, hắn tôi đã nhận ra hắn. Tôi bất giác buột miệng chửi thề. Hắn khi vượt qua một hàng rào hắn đã theo lối mòn khác trở về nhà. Tôi rất rành địa thế nơi đây. Bất mãn khiến tôi không thêm thận trọng nữa. Bỗng tôi đứng sững lại: Một bóng người khoác áo xanh đang thấp thoáng gần bên hàng rào, bên cạnh là Nantucket, mình gập lại, vắt qua hàng rào, đầu cúi xuống, máu ướm đầm một bên mặt.

Đó là thiếu phụ mà tôi đã gặp trong tiệm tạp hoá. Bà thở hổn

hեն, mặt tái xanh, một bên má có vết xước, mắt lộ vẻ hoảng hốt. Nghe tiếng chân, bà ngược mặt nhìn tôi như dò hỏi.

Liệu hấn bị thương có nặng không? Tai nạn mà tôi hằng mong đợi rốt cuộc đã xảy ra. Cầu trời cho hấn còn đủ thời gian để nghe tôi nói...

— Nantucket! – Tôi gọi nhỏ.

Không nghe trả lời, tôi sờ tim, bắt mạch hấn. Nantucket đã chết thẳng cẳng!

Người thiếu phụ hỏi tôi giọng run run:

— Ông ta tên Nantucket à?

— Phải. Vừa xảy ra chuyện gì vậy?

— Tôi thấy ông ta leo qua hàng rào này, và khẩu súng cướp cò, phát nổ.

Tôi gật đầu, đưa mắt nhìn quanh. Một mẩu dây kềm gai rỉ sét phía trên hàng rào móc vào cò súng của Nantucket. Hấn hấn đã đeo súng không khoá chốt an toàn, leo qua hàng rào mà không để ý đến mẩu kềm gai này.

Tôi nói:

— Ông ta chết rồi. Phải báo cảnh sát và gia đình. Bà biết nhà ông ta chớ?

Thiếu phụ gật đầu và vội vàng chạy. Tôi nói với theo:

— Không cần phải vội. Chẳng giúp gì được cho Nantucket nữa đâu!

* * *

Tôi nhìn xác Nantucket và nguyên rủa mình không gặp may. Rồi tôi coi lại mẩu dây kềm gai đã móc vào cò súng. Hoàn toàn ngẫu nhiên, tôi kéo thử mẩu dây. Thật ngạc nhiên khi nghe tiếng đập của kim hoả. Tôi ngỡ mình nằm mơ. Súng săn không thể nào bắn tiếp nếu không cho đạn lên nòng tiếp (súng săn kiểu cổ khoảng năm 1950).

Tôi nhìn theo hướng viên đạn đã bắn ngay thái dương Nantucket. Nơi đây có một bụi cây rất rậm rạp, đầy gai. Tôi nhớ lại người thiếu phụ, áo khoác màu xanh lá cây, má có vết xước. Tôi cũng nhớ lại bà ta đã mua đạn súng săn... Phải chăng trong lúc Nantucket leo qua hàng rào, bà ta đã phục kích sẵn trong bụi gai, nhả đạn đúng lúc? Diễn biến tiếp theo hết sức đơn giản: Bà ta chỉ việc chạy đến chỗ nạn nhân, móc mẩu dây kềm gai vào cò súng của Nantucket. Thảo nào tôi nghe tiếng nổ sau cùng dường như lớn hơn những tiếng súng ban đầu.

— Tôi đã báo cảnh sát xong rồi.

Người thiếu phụ đã quay lại. Tôi thiếu điều muốn vặn cổ kẻ đã dám xen vào làm hỏng kế hoạch của tôi, nhưng dầu sao bà ta cũng đã giúp tôi thanh toán kẻ thù. Tôi lịch sự xưng tên và hỏi lại tên bà.

Bà đáp:

— Tôi là goá phụ de Virac.

Thì ra tôi không phải là kẻ duy nhất biết về chuyện phản bội của Nantucket. Virac đã có một người vợ, và bà ta cũng biết rành chuyện này.

Tôi quay lại hàng rào, bên xác chết, coi lại xem sợi dây kềm gai có móc vào cò súng hay chưa. Phen này có kéo dây cũng không sợ súng nổ tiếp. Đúng là một tội ác hoàn hảo.

(Phóng tác theo “*Règlement sans frais*” của Milward
Kennedy)

NHÂN CHỨNG BẤT NGỜ

— Bà cố thêm một lần nữa xem sao. Chuyện rất quan trọng.

— Tôi đang cố, thưa bác sĩ. Nhưng tôi không thấy gì hết, ngoài ánh mắt của con gái tôi.

— Có phải chính ánh mắt này khiến bà sợ? Ánh mắt ấy có gì đặc biệt không? Có vẻ lo ngại không?

— Không. Chúng tôi đang nói chuyện. Bỗng đến một lúc nào đó, tôi thấy ánh mắt con tôi. Vậy thôi.

— Bà đang nghĩ gì vào lúc bà gặp ánh mắt của cháu?

— Cháu tám tuổi: Bỗng tôi nghĩ ra... Nhưng thật vô lý! Không phải do con gái tôi lên tám nên ánh mắt của cháu khiến tôi lo ngại.

— Tuy nhiên rất có thể... Câu trả lời sẽ do bà tự tìm ra. Tám tuổi gợi cho bà kỷ niệm gì?

— Không có gì... Hoặc cũng có... Nhưng điều gì đó hết sức mơ hồ và nó khiến tôi sợ!

— Bữa nay thế là đủ. Nhưng chúng ta đang đi đúng hướng. Bà sẽ tìm lại kỷ niệm đã quên là nguyên nhân của tất cả vấn đề...

Eileen L. ngồi dậy, lấy tiền trong ví trả Wilfried Tehorst, một bác sĩ tâm thần nổi tiếng ở Zurich.

Bà năm nay 31 tuổi, quốc tịch Mỹ, theo chồng sang sống tại Thụy Sĩ từ sau khi kết hôn. Từ nhiều tháng nay bà đến nhờ bác sĩ Tehorst khám do bị mất một phần trí nhớ khiến bà khủng hoảng thần kinh.

Việc phân tâm đang tiến triển tốt và sắp đem lại kết quả – ít ra đó cũng là điều bác sĩ Tehorst tin. Và ông không làm. Trong lần khám tiếp theo, bỗng Eileen la lên:

— Bác sĩ! Tôi biết tại sao tám tuổi khiến tôi hoảng sợ rồi: Đó là Susan.

— Susan nào?

— Bạn thân nhất của tôi. Susan đã bị giết chết.

— Bị giết chết?

— Bị cưỡng hiếp và bị giết... Phải chăng đây là nguyên nhân khiến tôi mất một phần trí nhớ?

— Chắc vậy. Hãy kể tôi nghe hồi nhỏ bà sống tại đâu.

— Lúc Susan chết, vào năm 1969, chúng tôi sống tại một thị trấn nhỏ mới thành lập thuộc California.

Và Eileen miêu tả thị trấn nằm kề bên Thái Bình Dương với những đầm lầy vừa được san lấp này. Bà nói về mẹ bà, Leah, và cha bà, George Thomas, làm nhân viên chữa lửa...

— Trước đây bà không nhớ gì về thị trấn này sao?

— Có chứ, nhưng rất mơ hồ. Giờ đây tất cả đều hiện ra rõ ràng. Kỳ thiệt, nhất là tôi thấy hồ chứa nước ngọt giữa khu rừng, một địa điểm rất dễ thương, tuy nhiên tôi sợ.

— Hẳn đã có điều gì xảy ra tại đây. Bà hãy nghĩ đến Susan. Có phải Susan đã nhìn bà với ánh mắt buồn rầu khiến bà lo sợ không?

— Không... Tôi không thấy Susan... Nhưng tôi nghe tiếng nói “Lỗi tại mi!”.

— Bà có nhận ra ai nói không?

— Tiếng của cha tôi... Ôi, khủng khiếp quá! Tôi không muốn tìm

hiếu thêm nữa.

— Phải tìm cho ra. Susan hẳn ở quanh đâu đó. Bà hãy cố nhìn cô ta. Tóc Susan màu gì? Cô ta mặc áo gì?

— Tóc vàng cột đuôi ngựa, mặc váy tím, áo choàng xanh nước biển... Tôi đang ngồi trong xe hơi, cùng với cha tôi. Ông dẫn tôi kiểm tra xem rừng có vấn đề gì về phòng cháy không.

— Bà và ông đang ở đâu?

— Kế bên hồ. Bỗng tôi thấy Susan đang đi dạo trong rừng. Tôi nói với cha tôi “Chỗ Susan đi ba!”.

Kỷ ức đã trở lại với Eileen, nhưng những kỷ niệm khủng khiếp khiến bà phải cố gắng mới thốt nên lời:

— Cha tôi ngừng xe. Ông kêu tôi lên ngồi phía trước, còn mình ông ở thùng xe phía sau với Susan. Tôi nghe tiếng Susan la hét... Rồi tôi thấy trong kiếng chiếu hậu Susan nằm dưới đất, giãy giụa... Cha tôi cầm vật gì trong tay không rõ...

Bác sĩ Tehorst không nói gì. Ông biết mình không nên can thiệp vào cơn ác mộng đang diễn lại trong kỷ ức của Eileen:

— Cha tôi và Susan ra khỏi xe hơi. Váy của Susan rách nát. Cha tôi cầm tay Susan. Cô bé khóc ròng. Tôi không rõ điều gì đã xảy ra. Họ đi vô khu rừng thưa. Tôi chạy theo. Cha tôi cầm một tảng đá lớn đưa lên cao... Ôi, ghê quá!... Chính vào lúc ấy Susan nhìn tôi. Tôi chưa bao giờ thấy một ánh mắt như thế. Vừa đau khổ, vừa thất vọng, và nhất là không hiểu, không hiểu gì cả. Susan đưa tay lên che mặt khi cha tôi nện tảng đá xuống...

Eileen phải dừng lại để thở, rồi tiếp:

— Giờ thì cha tôi quay lại phía tôi. Ông cầm tay tôi, siết mạnh làm tôi đau, bảo: “Lỗi tại mi!” Và thêm: “Tại con muốn chửi bạn con

theo. Nếu con nói ra, ta sẽ giết con như đã giết bạn con!”... Vừa về tới nhà là tôi lên cơn sốt, phải nằm liệt giường rất lâu. Khi tôi qua cơn bệnh, bạn bè cho tôi hay Susan đã biến đâu mất. Tôi vẫn hy vọng rồi Susan sẽ trở về, nhưng mãi lâu về sau, người ta tìm thấy xác Susan.

— Và bà đã mất trí nhớ trong cơn sốt?

— Tôi nghĩ có thể trước đó, khi ngồi trên xe hơi trở về nhà.

— Cha bà có bị nghi ngờ không?

— Không, không hề... Bác sĩ, có phải tôi thực sự chứng kiến tội ác, hay chỉ do tưởng tượng?

— Đó là vấn đề. Theo tôi, bà đã chứng kiến, nhưng có thể một phần từ tưởng tượng.

Eileen đã phục hồi trí nhớ, nhưng đồng thời bà bị giằng co giữa lương tâm và trách nhiệm. Bà có nên tố cáo cha ruột mình không? Câu hỏi này, ngày còn thơ bà đã không thể giải đáp. Không biết nên nói ra hay im lặng, bà đã tự ẩn mình bằng cách mất trí nhớ khiến câu hỏi biến mất.

Lần này bà hỏi ý kiến chồng. Ông khuyên:

— Hãy nghĩ đến sức khoẻ của em. Nếu nói ra, em phải thẩm vấn, đối chất đủ thứ. Rồi phải nghĩ đến con nữa chứ.

Con gái, Eileen nghĩ. Bà nghĩ đến cô bé gái ngây thơ trong rừng, với mớ tóc vàng cột đuôi ngựa và chiếc váy tím... Một tội ác đáng ghê tởm. Nhưng có thật cha bà đã phạm tội hay không? Chợt Eileen nghĩ tới Janice, chị bà. Từ khi mẹ bà qua đời, mỗi khi gặp chuyện, bà đều nhờ Janice cho lời khuyên. Bà gọi điện thoại đến Janice. Giọng chị bà khẳng định:

— Chắc chắn là ổng. Chị vẫn nghĩ chính ổng là thủ phạm. Khi

còn là một thiếu nữ, chị luôn sợ và đề phòng ông. Ông nhìn chị với ánh mắt lạ lẫm...

Eileen không do dự nữa. Bà đáp máy bay về California. Bà sẽ đối diện với quá khứ.

* * *

Cảnh sát trưởng vô cùng kinh ngạc khi nghe Eileen khai câu chuyện cách nay đã hơn 20 năm. Ông giở sổ tra cứu lại. Chuyện xảy ra vào ngày 22-9-1969. Thi thể Susan được phát hiện hai tháng sau đó. Cuộc điều tra đi vào ngõ cụt. Người ta kết luận thủ phạm là một tên bạo dân tình cờ ghé ngang thị trấn.

Eileen kể đúng về địa điểm bên bờ hồ, nơi cô bé đã bị hiếp, đúng cả về trang phục của nạn nhân, và nhất là về bàn tay phải của nạn nhân bị dập nát trong cú chỉ cố đưa tay lên đỡ tảng đá. Bác sĩ giải phẫu pháp y ghi rõ chi tiết này. Như vậy lời kể của bà hoàn toàn chính xác.

Cảnh sát viên Bill Hensel, người từng điều tra vụ án này nay đã nghỉ hưu, được mời đến gặp Eileen. Ông nói:

— Tôi chưa khi nào nghĩ rằng thủ phạm là kẻ tình cờ đi ngang thị trấn mà phải là kẻ sinh sống tại đây. Nhưng khi ấy tôi đã hỏi rất nhiều người, và không ai cung cấp được chi tiết nào.

George Thomas F. ra toà vào đầu năm 1991. Nhân chứng chính, dĩ nhiên, là Eileen, con gái ông. Các quan toà tin bà. Họ tin ở sự thật, sau hơn 20 năm, bỗng trỗi ra khỏi tiềm thức của một người mất trí nhớ. Thủ phạm bị kết án tù chung thân. Còn Eileen được coi là nhân chứng kỳ lạ nhất trong lịch sử ngành cảnh sát và ngành tư

pháp.

(Theo “*Le souvenir maudit*” của Bellemare)

CẢNH SÁT, CẤP CỨU!

Francois G., 43 tuổi, đưa mắt nhìn qua cửa sổ, gọi chồng:

— Anh nhìn kìa, hình như có người trong ga-ra Peugeot!

Thật vậy, đối diện với nhà họ, trong ga-ra do M.P. làm chủ có vẻ không bình thường. Vào giờ này ban đêm mà trong nhà lại có ánh đèn. M.P., chủ ga-ra, một con người mầu mực, không bao giờ làm việc vào ban đêm. Ông ta chỉ làm việc đúng tám tiếng, rất hiếm khi nghỉ ngơi sau 8 giờ tối, dù khách hàng hối thúc cách mấy...

Francois chăm chú quan sát mặt tiền ga-ra, nhận ra thêm một chi tiết còn kỳ lạ hơn: cửa sổ nơi phòng có ánh đèn hình như bị bể kiếng. M.P. không khi nào để văn phòng ông ta có cửa sổ bể kiếng cả. Sau hai phút suy nghĩ, Francois quyết định, mặc dù đã khuya lắc khuya lơ – hay đúng hơn vì đã khuya lắc khuya lơ – gọi điện thoại báo với cảnh sát: “Theo tôi thấy, có chuyện bất thường đang diễn ra ở ga-ra Peugeot số... đường...”.

Một lát sau, xe cảnh sát dừng lại êm ru trước ga-ra. Bốn nhân viên đại diện cho pháp luật xuống xe không một tiếng động. Sau khi triển khai đội hình chớp nhoáng, họ nhanh chóng làm chủ tình hình và bắt quả tang tại chỗ hai tên đạo chích đang cạy máy thu thanh gắn trong những chiếc xe Peugeot ở ga-ra.

Trong lúc đó, ông M.P. , chủ ga-ra, được cảnh sát báo tin, cũng vừa đến hiện trường. Cuối cùng, Francois, người hàng xóm tốt bụng có tinh thần cảnh giác cao được cảnh sát mời qua và giới thiệu hai

người làm quen với nhau. Khen ngợi, chúc tụng, cảm ơn rối rít trước khi mọi người ai về nhà nấy ngủ, trừ hai tên trộm bị tống vô tạm giam.

Kể từ sau sự kiện ấy, Francois luôn nhớ lại với vẻ hài lòng pha chút hãnh diện về bốn phạm công dân của mình. Quan hệ giữa ông với chủ ga-ra Peugeot ngày càng thắt chặt và ông M.P. hoàn toàn tin nơi ông bạn láng giềng khi có chuyện.

Gần hai năm đã trôi qua... Một buổi tối tháng Tư, Francois cùng với vợ và cậu con trai Cédric 13 tuổi trở về nhà sau khi ăn mừng sinh nhật mẹ ông. Đã quá nửa khuya.

Vừa bước xuống xe, một cách máy móc, Francois đưa mắt nhìn ga-ra Peugeot. Ông chợt nhủ thầm: “Coi kìa, sao giờ này ga-ra còn ánh đèn? M.P. không thể nào làm việc khuya đến thế.” Và ông tự nhiên nhớ lại sự cố cách nay hơn hai năm, nghĩ tiếp: “Lại bọn đạo chích nữa! Mình phải cho chúng biết tay!”

Lập tức Francois gọi điện thoại báo với cảnh sát. Đã có kinh nghiệm, ông cung cấp tất cả những tình tiết cần thiết như địa chỉ gara, kể cả họ, tên, số điện thoại của ông. Rồi, thay vì lên giường ngủ, ông lại xuống đứng đợi ở ngoài đường, ngay trước cửa nhà ông. Một phần do hiếu kỳ, một phần do muốn tận mắt chứng kiến phần kết thúc của sự cố mà chắc chắn lẽ phải – trong đó có ông – sẽ thắng lợi vẻ vang nên ông mới quyết định chờ cảnh sát tới, ngay kế bên ga-ra. Đêm tối đen và thời gian chậm chạp trôi...

Bỗng nhiên, Francois nhận thấy một xe hơi lạng lẹ chạy đến, không bật đèn đóm gì cả, ngừng lại không xa ga-ra Peugeot là bao. Francois, vốn rất bình tĩnh, lúc này bỗng sinh nghi. Ông đang chờ một toán cảnh sát xuất hiện như trên phim ảnh, rất dễ nhận dạng,

nhưng chiếc xe này không nói lên được điều gì. Biết đâu đó là xe của bọn đồng loã với tên trộm trong ga-ra, nay đến tăng cường cho đồng bọn?

Chỉ một mình chống lại nguyên một băng trộm, có thể là cướp không chừng, Francois tự biết chẳng cân sức chút nào. Ba người mặc quần áo dân sự từ trên xe hơi đã bước xuống, từ từ tiến về phía Francois, chẳng ai mở miệng! Francois càng hoảng. Ông ước lượng khoảng cách và nhận thấy lúc này mà ông chạy vô nhà mình thì không thể nào kịp nữa. Ba người trang bị vũ khí thừa sức ủa vô nhà khiến ông không thể kịp đóng cửa. Trong nhà, vợ và con trai ông dễ dàng trở thành con tin để trao đổi. Mọi việc tương tự đã từng xuất hiện trên các trang báo cũng như trên màn ảnh vô tuyến.

Trong một tích tắc, Francois tự nhủ cách tốt nhất nên làm bây giờ là bỏ chạy, dẫn dụ bọn người vừa xuống xe hơi đuổi theo ông, lôi kéo họ càng xa nhà ông ở càng tốt. Nghi sao làm vậy, Francois chạy vắt giò lên cổ, biến vào màn đêm.

Nhưng những người ngồi trên xe hơi đã kịp phát hiện có một người đàn ông hình như đang đứng đợi ai đó đáng vẻ rình mò. Ba nhân viên cảnh sát, bởi đúng họ là cảnh sát, đại diện cho pháp luật, rút ngay được kết luận: gã bỏ chạy này chắc chắn là một thành viên của băng trộm mà có người vừa báo với họ qua điện thoại. Đây chắc là tên đứng canh me, cảnh giới cho đồng bọn yên tâm hành nghề.

Không dễ gì để tên trộm tẩu thoát, cả ba nhân viên quyết liệt đuổi theo Francois, rút súng cầm tay. Chưa hết, tại nhà Francois, vợ ông và cậu con trai Cédric này giờ theo dõi sự việc bằng cách nhìn qua cửa sổ, nay thấy Francois bỏ chạy, cũng đều nghi chòng, cha mình sắp sa vào tay bọn gangster đến nơi. Họ vội kêu cảnh sát đến cứu gấp. Cảnh sát trả lời mọi việc đang diễn biến thuận lợi, bảo đảm

sẽ bắt được bọn trộm: Ba cảnh sát viên mặc thường phục đã được phái đến ga-ra Peugeot. Cảnh sát nhấn mạnh gia đình cứ việc bình tĩnh ngồi chờ tin chiến thắng... Một lát sau, vợ Francois nóng lòng gọi điện thoại thêm một lần nữa, và vẫn được xác nhận tình hình diễn biến đúng như thế: cảnh sát đã lên đường đến hiện trường, hẳn giờ này họ đang thực thi nhiệm vụ.

Kết quả ba người có vũ khí, chính là ba nhân viên cảnh sát, rốt cuộc đuổi kịp và tóm được Francois mà họ nghĩ là tên cảnh giới cho bọn trộm. Khi đang ra tay hành động, họ nào phân biệt được ai với ai. Còn Francois ra sức đánh trả vì tưởng mình đang lâm vào tình thế nguy hiểm, do đó ông cũng nhận được nhiều cú “đáp trả” ra trò. Nhưng phía cảnh sát, vừa đông hơn, vừa có tay nghề hơn, lại có thể mạnh pháp luật nên tuy thoát đầu hơi bối rối trước tên đồng đảng băng trộm dám cả gan đánh lại nhân viên công lực và hung dữ đến vậy, cuối cùng cũng cùng được tay đối tượng.

Vậy là Francois, hai cổ tay bị còng, được đưa vô bệnh viện để bác sĩ khâu 15 mũi ngăn máu chảy làm ông hết thấy đường. Nhân quan của người dân lương thiện này nhìn lộn màu hoàng yến thành màu xanh tím và màu da cam thành màu ô liu! Ngoài ra hàng xương sườn của ông ê ẩm hết ráo, còn may chưa chiếc nào bị cảnh sát đập gãy.

Người ta giải thích với ông, có hơi trễ, rằng lẽ ra ông cứ đứng yên tại chỗ vì ba người đàn ông mà ông tưởng là đồng đảng của bọn đạo chích chính là ba thành viên của đội chống tội ác (la brigade anticriminelle – BAC). Họ nói với ông rằng, ông có thể phân biệt, dù trong đêm tối, và nhận ra băng tay màu đỏ họ mang, cũng như đáng lẽ ông phải nhận ra chiếc xe hơi có gắn chữ “cảnh sát” phản quang. Về phần cảnh sát, sở dĩ họ có hơi nặng tay với ông vì Francois cũng

chẳng phải tay vừa: một trong ba nhân viên đội BAC phải nghỉ làm việc hơn hai tuần vì những vết thương do ông gây ra.

Tuy nhiên Francois vẫn đâm đơn kiện cảnh sát. Chỉ có bọn trộm trong ga-ra Peugeot là hưởng lợi: Nhân lúc “phe ta” đánh lộn với “phe mình”, cả bọn chuồn êm. Riêng ông M.P., chủ ga-ra, từ đó không còn hoàn toàn tin tưởng nơi ông bạn láng giềng tốt bụng nữa.

(Theo “*Au Secours police!*” của Bellemare)

NGƯỜI NỮ HOẠ SĨ

Jane Smith phát hiện mình là một họa sĩ khi 57 tuổi, sau khi con bà đã ra ở riêng và chồng bà đã bay sang Bahamas sống với một cô diêm.

Sau khi tốt nghiệp lớp học vẽ, bà chính thức bước vào con đường nghệ thuật. Bà biết, về mặt lý thuyết, với trường phái ấn tượng điều quan trọng không phải là phong cảnh màu nhạt hay đậm hoặc sắp xếp những bông hoa mẫu đơn ra sao, mà là gây cảm giác mạnh cho người thưởng lãm khiến họ xúc động.

Vậy mà chẳng ai chú ý đến tranh của bà, cũng chẳng ai mua tranh của bà.

Jane mở phòng trưng bày riêng, triển lãm chung với nhiều người, nhưng chẳng ăn thua gì. Bà chuyển chỗ ở đến New York, thuê một phòng trong khách sạn rẻ tiền, thủ thời vận. Nhưng thế giới nghệ thuật tại đây cũng vẫn đứng đưng trước những tác phẩm của bà.

Bà hiểu ra rằng đó không phải thứ bà muốn vẽ. Nó quá đơn giản, quá thực, quá “trần trụi”. Phải vẽ thứ gì khác kia. Và bà vắt óc tìm hiểu... Một buổi tối kia, khi vô tình nhìn mình trong kiếng, bà chợt hiểu ra: Tranh của bà chính là bà, một phụ nữ lão thì, vừa mập vừa thấp, da nhăn nheo, xấu xí, ăn mặc lôi thôi lếch thếch.

Nói cách khác, tranh của bà thiếu sinh lực, thiếu gợi tình. Bà không ghi được cá tính nào trong tranh.

Vấn đề là thiếu một người mẫu. Bà vô phòng tắm, cởi hết quần

áo, quần khăn tắm che mái tóc muối tiêu. Một họa sĩ thành công nhìn ra sao nhỉ? Bà thử phác thảo một Jane Smith mới: cao hơn, thon thả mảnh mai hơn, trẻ hơn, gợi cảm hơn, tóc vàng óng. Bỗng một nỗi buồn menh mang xâm chiếm tâm hồn. Bà thở dài, đặt bút chì xuống.

Chợt có tiếng gõ cửa. Jane nhớ bà không gọi bồi phòng. Và bà không có bạn bè tại thành phố New York này. Vậy ai kiếm bà? Qua ổ khoá, bà thấy một thiếu nữ cao, tóc đen, xinh đẹp, son phấn đầy mặt.

Trông cô ta... giống như một nghệ sĩ trẻ. Bà nói qua khe cửa:

— Cô tìm ai?

— Xin lỗi, Smith?

Jane mở cửa, mùi thuốc phiện thoang thoảng xộc vào mũi bà.

Cô gái lên tiếng:

— Thưa có phải phòng của John Smith? Hay tôi lộn phòng?

— Tôi nghĩ cô có chuyện hẹn làm ăn với John Smith?

— Thưa vâng.

— Hãy quên John Smith đi – Bà kéo cô gái vào phòng và đóng cửa – Tôi là Jane Smith. Đây cô gái, cô có muốn bước vào con đường nghệ thuật không?

Thoạt đầu cô gái chẳng biết gì cả, nhưng rồi trước lời trình bày say sưa của Jane, cô dần dần hiểu ra. Phải, công việc rất dễ dàng đối với cô. Cô gần như chẳng phải làm gì, nhưng có thể vừa kiếm được tiền bạc, vừa có cả danh vọng. Tại sao không thử liều với định mệnh một phen? Mà nào cô có mất gì? Vả lại cô cũng đâu có gì để mất?

Và thế là Jane bắt đầu một thời kỳ vẽ tranh mới với thành công

vang dội.

Trước hết Jane đưa cô gái đến tiệm làm đầu, nhuộm mái tóc cô vàng óng, nói từ nay cô sẽ mang tên Vita Brevis, bởi vì cái tên Jane Smith quá tầm thường. Rồi bà mua sắm cho cô quần áo đẹp, nữ trang, dẫn cô đến tất cả mọi gallery. Jane tự giới thiệu mình là người đại diện cho “ông hoạ sĩ Vita Brevis”. Họ thuê một phòng tranh, Vita làm bộ cầm cọ, trong khi Jane về nhà cũ, mang đến trưng bày những bức tranh xếp xó từ lâu nay, thay chữ ký Jane Smith bằng hai chữ tắt V.B.

Báo *New York Times* gọi những tác phẩm của nữ hoạ sĩ trẻ Brevis là “say đắm, năng động”. Tạp chí *Art News* khen “chân thực, đầy ấn tượng, có lẽ là những hoạ phẩm tiêu biểu nhất nước Mỹ vào cuối thế kỷ 20”.

Người ta tranh nhau mua tranh với giá cao. Phòng tranh chém phân nửa tiền, và Jane cùng với Vita chia nhau phần còn lại, dù vậy hai người vẫn thừa sức chi tiêu thoải mái, kể cả tiền ma tuý cho Vita. Thỉnh thoảng Jane bắt gặp Vita trên báo, chụp ảnh chung với các ngôi sao màn bạc hay vài nhân vật nổi danh khác. Những lúc ấy bà thường thở ra, vẻ buồn chán lẫn thất vọng, suy nghĩ mênh mông...

Rồi một bữa nọ Jane gọi điện thoại đến khách sạn sang trọng SoHo để lấy chữ ký của Vita trong hợp đồng mới, do hợp đồng cũ đã hết hạn. Phòng của Vita nằm trên lầu ba. Jane hồi này không thích gặp Vita chút nào. Bà ngày càng ghét cô gái, đúng hơn là ganh ghét. Bao nhiêu công sức của bà bỏ ra, cuối cùng Vita hưởng gần hết. Đã vậy, cô gái ngày càng tỏ thái độ coi thường bà. Hình như càng ngày Vita càng rơi vào con đường nghiện ngập khi có tiền một cách thoải mái. Bà cũng thường thấy Vita kết bạn với những gã bặm trợn, tóc

đuôi ngựa, cánh tay đầy những hình xăm văn vện.

Tuy vậy, bữa nay lúc Vita mở cửa cho bà, phòng không có ai khác; cũng không có mùi ma túy mà thay vào đó là mùi dầu lanh và mùi dung môi dùng pha màu vẽ.

Trong phòng ngổn ngang giá vẽ, cọ vẽ, vải bạt nhoè nhoẹt đủ thứ màu. Rồi hộp màu, thứ Jane thường dùng. Có một bức tranh – nếu có thể gọi đó là tranh – trên giá vẽ, phía góc bên dưới tay phải là ký tắt hai chữ V.B.

Vita đã bắt đầu vẽ thực thụ! Có lẽ từ chỗ được tặng bức, dần dần cô mang ảo tưởng mình có thể trở thành một họa sĩ thật sự chẳng?

Cô hỏi người mới bước vào:

— Bà có thích bức tranh này không?

Bà Jane thẳng thừng:

— Chưa thấy bức nào tệ hơn.

Vita ra vẻ coi thường:

— Bà có thể tha hồ chê, Jane. Nhưng nói thật cho bà biết, Roger Geldt, chủ gallery Mumford, đang năn nỉ tôi vẽ cho ông ấy một tác phẩm lớn.

— Tôi chưa từng nghe vậy. Nay, đừng bêu riếu danh tiếng họa sĩ của tôi đấy.

Cô gái cong cớn:

— Tôi đâu cần đến bà, bà hản du biết. Không có tôi bà chẳng là cái quái gì cả. Bà chỉ là người đại diện cho tôi, giống như loài đĩa hút máu ăn bám vậy thôi. Tranh của bà toàn thứ rác rưởi, rẻ tiền. Tôi vừa ngủ vừa vẽ cũng xong.

Jane giận quá, la lên:

— Đồ vô ơn bạc nghĩa, không có tôi, thì nay cô vẫn chỉ là một con diêm rẻ tiền hành nghề ở các khách sạn hạng bét!

Vita nổi sùng, chửi thề đúng kiểu gái diêm hạng bét:

— Con mẹ mày! Đồ chó đẻ!

Jane như điên lên, vớ lấy cây búa ở góc phòng.

* * *

Người ta phát hiện thi thể Vita nằm ngay trước bức tranh cuối cùng của cô, bị đập đến chết bằng một chiếc búa. Chắc hẳn thủ phạm là một tên lang thang nào đó. Bọn này vốn đầy dẫy tại New York.

Rất nhiều nhân vật thuộc thế giới thượng lưu đến dự đám tang của cô. Diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ, triệu phú... và chẳng ai mấy may chú ý đến một người phụ nữ lớn tuổi cũng có mặt trong lễ tang. Và Jane cũng chẳng chú ý đến họ.

Không, điều bà chú ý là người ta nói gì về bức tranh cuối cùng của Vita Brevis. Tờ *New York Times* viết “tuyệt vời”. Tạp chí *Art News* khen “diễn đạt mạnh mẽ của một tâm hồn nhạy cảm”. Bạn có thể thấy bức tranh này hiện đang treo tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại, ngay gần chỗ thang máy, bên phải.

Còn Jane, bà vẫn vẽ, trong một nhà để xe cũ, nhưng tranh của bà không bán được bức nào. Báo *Times* nhận xét: “Một bất chước thảm hại, bất chước tranh của Vita Brevis.”

(Phóng tác theo “*Ars Longa, Vita Brevis*” của Kate Gallison)

BÍ MẬT GIA ĐÌNH

Sau khi mẹ tôi qua đời một thời gian rất lâu, tôi mới tình cờ thấy quyển nhật ký của bà.

Tôi đọc lướt qua. Cũng như nhật ký của bao nhiêu phụ nữ khác: Chuyện yêu đương, chuyện chồng con, những nỗi vui buồn đời thường... Tôi đã định mang đốt quyển nhật ký cùng với số ít kỷ vật còn sót lại của bà thì chợt dừng lại, tay bất giác run run. Một khám phá bất ngờ khiến tôi sững sờ!

Tôi từng có một cô em gái mà tôi không hề hay biết ra đời vào một đêm tháng Ba trên giường của mẹ tôi tại ngôi nhà hồi ấy gia đình tôi thuê nằm trên đại lộ số 27 Minneapolis. Nhưng em tôi chết ngay khi vừa sinh ra và cha tôi cùng với vị bác sĩ của gia đình đã chôn em ngay trong ga-ra. Không có thêm bất kỳ một chi tiết nào khác.

Điểm đáng chú ý là mãi hơn ba năm sau khi sự kiện quan trọng này xảy ra mẹ tôi mới ghi vào nhật ký. Tại sao vậy kìa? Cha tôi, vốn là một người tính khí nóng nảy, hẳn đã không hài lòng chút nào với vị bác sĩ và cho rằng chính ông này đã gây ra cái chết cho em gái tôi. Còn mẹ tôi, một con chiên ngoan đạo, lo chăm sóc phần hồn của con gái mình hơn là phần xác, có lẽ đã nhiều lần cầu nguyện cho đứa con bất hạnh; thậm chí bà còn đặt tên em tôi là Vivian. Tôi nhớ lại, lúc sinh thời mẹ tôi luôn mang vẻ mặt buồn buồn mà tôi không hiểu tại sao.

Từ đó, em gái tôi, người chị em ruột thịt duy nhất của tôi, luôn

ám ảnh tôi. Nhưng không phải linh hồn em, mà là hài cốt em được chôn sâu dưới sàn ga-ra tại Mineapolis. Tôi còn nhớ ga-ra sàn rải than sỏi, mái bằng, với hai cửa sổ nhìn ra mấy chậu hoa dạ lý hương thơm ngát. Kế bên là một tảng đá lớn có bụi linh lan rậm rạp. Trèo lên tảng đá này, rồi bám vô khung cửa sổ, tôi có thể leo lên mái bằng ga-ra, và coi đây là nơi chỗ trú ẩn bí mật của riêng mình khi còn nhỏ, nào hay biết phía dưới kia, dưới sàn ga-ra, là bộ xương đứa em gái nhỏ bé của mình.

Tôi ao ước mình sẽ thuê ngôi nhà, thậm chí mua, và lấy xương em gái lên. Thi thể em đã được hai người đàn ông quấn trong khăn chôn ngay tại ga-ra. Ai đã đào hố chôn em? Hẳn là cha tôi vì tôi còn nhớ ông hay dùng cuốc, xẻng để vun bón cây trong khu vườn nhỏ kế bên ga-ra. Em tôi đã chết khi nào? Ngay trong bụng mẹ hay khi đã cất tiếng khóc chào đời? Sao mẹ tôi không chịu đến bệnh viện phụ sản mà lại sinh nở tại nhà?

Nhưng thôi, tôi sẽ không đặt câu hỏi nữa mà sẽ mang hài cốt của em gái tôi đặt giữa nấm mồ của ba mẹ tôi. Tôi cũng sẽ cho khắc mộ bia nho nhỏ trên đó ghi tên Vivian với ngày sinh và ngày mất của em. Hẳn tôi sẽ giúp ba mẹ tôi yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng, và cả đứa em gái Vivian chưa bao giờ thấy mặt cũng vậy.

Nhiệm vụ của tôi có thể là viễn vông, tôi tự nhận xét, nhưng tôi quyết làm đến nơi đến chốn.

Tôi sẽ gặp luật sư, nhờ ông ta dẫn gặp thẳng những người có trách nhiệm trong chính quyền Mineapolis. Tôi sẽ kể họ nghe toàn bộ câu chuyện, và đề nghị cấp phép cho tôi khai quật hài cốt của em tôi. Có giấy phép, tôi sẽ gặp người coi nghĩa trang, gặp chủ nhà. Tôi cũng sẽ mời một linh mục đến cầu nguyện cho linh hồn của em gái tôi... Nhưng trước hết, tôi phải trở lại thăm ga-ra đã. Tôi dùng xe

ngay trước ngôi nhà cũ, giới thiệu thật cách nay hơn 30 năm tôi từng cư ngụ ở đây, nay muốn tìm lại đôi chút kỷ niệm xa xưa. Bà Stoeffel, chủ nhà, vui vẻ dẫn tôi đi quanh khắp ngôi nhà. Nhà không sang sửa gì nhiều, nhưng khi bước vào ga-ra tôi giật mình: nền nhà đã tráng xi măng!

Tôi hỏi:

— Ga-ra được tráng lại nền khi nào vậy?

— Tôi không rõ, nhưng khi tôi dọn đến đây, cách nay 22 năm, nền ga-ra đã tráng xi-măng rồi.

Tôi chăm chú nhìn khắp nền nhà. Bộ xương của em tôi được chôn cất tại đâu nhỉ? Chợt tôi nhìn thấy nơi góc nhà có khắc tên hãng đã thực hiện công việc tráng nền này: A.J Anderson.

Trong khi tráng xi-măng liệu công nhân có đào xới nền nhà và phát hiện bộ xương của em tôi hay không? Họ đã mang chôn chúng tại đâu? Nếu phát hiện, liệu có cuộc điều tra nào được tiến hành hay không? Khi ấy tôi đang qua châu Âu du học nên rất có thể không hay biết gì về mọi sự việc vì ba mẹ tôi đã dấu tôi, cũng như đã dấu tôi về đứa em gái duy nhất của tôi.

Tôi lao vào tra cứu trong sổ niên giám điện thoại để tìm địa chỉ A.J Anderson. Không thấy trong niên giám, tôi lùi lại niên giám năm trước, năm trước nữa, và năm trước nữa... Cuối cùng, tôi đã tìm ra địa chỉ của hãng trong cuốn niên giám điện thoại cách nay 20 năm.

Tôi tìm đến địa chỉ này. Thì ra hãng đã đóng cửa kể từ đó, tuy nhiên mọi dữ liệu hoạt động của hãng đều được lưu trữ cẩn thận. Cô con gái của nguyên chủ hãng đã không ngại nề hà tìm giúp tôi và sau hơn nửa tiếng cô đã tìm ra: Việc tráng nền xi-măng ga-ra nhà số

4030 tại đại lộ 27 đã được thực hiện ngày 17-7-1963.

Tôi lại chạy đến thư viện, lục chồng báo cũ, đọc lại tất cả các tờ báo địa phương phát hành trong suốt tháng 7 và luôn cả tháng 8 năm 1963. Không, báo chí không nhắc một câu, một chữ nào về việc phát hiện bộ xương trong ngôi nhà tôi ở ngày xưa.

Yên tâm, tôi gặp luật sư kể lại toàn bộ câu chuyện và nhờ ông ta tiến hành mọi thủ tục cần thiết. Cảnh sát nói với tôi:

— Chúng tôi sẽ cho đào nền nhà.

— Tôi sẽ trả tiền.

— Nhưng đây là điều tra của cảnh sát. Chôn xác người dưới nền nhà là bất hợp pháp.

Luật sư chen vào:

— Cả cha mẹ nạn nhân, những người thực hiện việc chôn cất đều đã qua đời nên cuộc điều tra không còn cần thiết.

— Như vậy liệu có cần cảnh sát chứng kiến hay không?

— Tôi rất mong các ông hiện diện. Tôi muốn nhờ các ông giúp tôi nhận dạng thi thể.

Bà Stoeffel, chủ nhà, phải xin tạm nghỉ việc để có mặt trong khi cảnh sát đào bới nền ga-ra của nhà bà. Cuộc đào bới được tiến hành một cách có phương pháp theo chỉ dẫn của cảnh sát. Xi-măng cuốc lên đến đâu được xúc chuyển ra ngoài đến đó. Khi lớp xi-măng bề mặt đã được xúc hết, một chuyên gia vào cuộc. Ông ta cẩn thận đặt lớp đất vừa đào lên một tấm rây, sàng lọc còn muốn kỹ hơn cả một nhà khảo cổ. Thỉnh thoảng, ông còn quỳ xuống, dùng hai tay có bao gang nhẹ nhàng hót mớ đất cát lên. Dăm bảy cục xỉ than nằm lại trên rây còn được ông ngắm soi mãi trước khi cho chuyển ra ngoài cùng với đồng vụn xi-măng.

Hơn một giờ đồng hồ sau mới thấy có dấu vết của một thi thể nằm cách bề mặt khoảng hơn nửa thước.

Đó là một bàn tay, nhưng là bàn tay của một người đã trưởng thành!

Rồi đến một chiếc vòng đeo tay, lò mờ có chữ khắc trên vòng. Đội cảnh sát khoa học hình sự được mời đến. Có cả quần áo cũng của người lớn đã bị phân hủy nằm trên rây. Ảnh chụp liên tục. Ga-ra trở thành hiện trường của một tội ác. Cảnh sát hỏi tôi:

— Đây có phải những thứ anh muốn tìm hay không?

— Tôi cũng kinh ngạc chẳng kém gì ông.

Luật sư cũng há hốc miệng nhìn tôi, không nói nên lời...

Rồi nguyên bộ xương người lớn được phát hiện, với xương sọ mang một vết thủng, hình như dụng cụ gây án là một chiếc xẻng. Cuối cùng cũng đến bộ xương của một em bé sơ sinh, chôn cách xác chết kia khá xa. Hai ngày sau, tôi đứng kế bên linh mục trong khi ông ta đọc kinh cầu nguyện cho đứa em gái bất hạnh Vivian của tôi, trước khi em nằm an giấc ngàn thu giữa nấm mộ của ba mẹ tôi.

Còn xác chết người lớn kia? Chiếc vòng đeo tay xác định đó chính là vị bác sĩ riêng của gia đình tôi. Ông được coi là bị mất tích sau khi mẹ tôi sinh Vivian hơn ba năm. Không ai biết lý do cái chết của ông, nhưng riêng tôi, căn cứ vết xẻng đập trên sọ ông, tôi đoán chừng thủ phạm chính là... ba tôi. Rất có thể ba tôi quy trách nhiệm ông gây ra cái chết của Vivian; hay biết đâu ba tôi biết rõ giữa vị bác sĩ này và mẹ tôi đã có quan hệ gì đó nên mẹ tôi mới không chịu đến bệnh viện khi trở dạ em Vivian khiến em chỉ vừa kịp cất tiếng khóc chào đời đã vội già biệt thế gian này.

Phải, biết đâu chừng, nhưng dù sao đó cũng là bí mật của gia

đình tôi.

(Phóng tác từ “*Family Plot*” của Ralph McInerny)

CỔ MÁY THỜI GIAN

Có bóng người thoáng qua, đúng lúc Fred Newton hoàn thành cỗ máy.

Anh nhìn lên. Người khách không mời mà đến vừa bước vô cửa ga-ra chính là em chú bác ruột với anh, Rick. Fred hỏi:

— Ngọn gió nào đưa em tới đây vậy?

Rick đáp gọn lỏn:

— Đòi nợ.

Fred nhăn mặt. Anh nợ Rick rất nhiều tiền, một phần do anh đầu tư chế tạo cỗ máy này. Phần khác, lớn hơn nhiều, thật bất công, do ông nội của anh trước khi chết đã viết di chúc để lại gần như toàn bộ gia tài cho người con trai thứ, tức cha của Rick tên Christopher; trong khi cha anh, Harry, lớn hơn Christopher một tuổi, lại trắng tay.

Rick tò mò nhìn cỗ máy:

— Cái máy quái quỷ gì vậy?

— Máy thời gian.

— Thật vậy sao? Trông nó giống như chiếc tàu lặn mini với 4 bánh xe. Anh định làm gì với cỗ máy mới xuất xưởng này?

Một ý tưởng chợt loé trong trí Fred. Vậy mà anh tưởng cậu em họ cười nhạo anh khi thấy cỗ máy. Anh ướm thử:

— Máy có thể đưa chúng ta trở lại quá khứ hoặc nhảy tới tương

lai. Đây là kim chỉ thời gian chúng ta muốn tới. Nếu em thích, chúng ta cùng đi thử.

Mắt Rick sáng lên:

— Thích chó! Máy ngộ thiệt! Nhưng anh tính đi đâu?

— Lùi lại 70 năm, thăm ông bà nội của chúng ta và xem thử họ ra sao.

— Ý tưởng hay lắm. Có cần em phụ giúp gì không?

— Giúp anh đẩy máy ra khỏi ga-ra cái đã. Cách nay 70 năm chắc chưa có ga-ra này đâu.

Cả hai hì hục đẩy máy ra bãi cỏ. Fred ra dấu ngừng lại. Anh mở cửa máy, leo vào ngồi lên ghế trước, bảo Rick:

— Anh không định thiết kế máy chở hai người, nhưng chắc có đủ chỗ cho em đấy.

Rick vào theo, ngồi sau lưng anh. Có hơi chật, nhưng không sao. Fred bấm một chiếc nút, cánh cửa nhẹ nhàng đóng lại. Anh lại quan sát và bấm một nút khác. Đèn sáng nhấp nháy liên tục, hiện màu xanh xanh đỏ đỏ trên những tấm bảng điện tử trước mặt anh. Anh nhăm lút nhanh lại kế hoạch của mình: Giết chết ông nội anh trước khi ông kịp có Christopher, người con thứ hai, tức cha của Rick. Như vậy đương nhiên Rick cũng không hề hiện diện trên cõi đời này, và toàn bộ tài sản của ông phải thuộc quyền thừa kế của cha anh, do đó truyền tới anh.

Anh đưa tay xoay một chiếc nút và kéo cần sang số. Có tiếng u u trong khi cỗ máy rung lên nhẹ nhẹ và máy như trôi trong lớp sương mù dày đặc. Khoảng vài phút sau, mà tưởng chừng như vô tận, tiếng u u dừng lại cùng lúc với cỗ máy hết rung. Vừa mở nắp máy, Fred thoát đầu hơi loá mắt trước ánh mặt trời chói chang. Anh bước ra và

thấy mình đứng trên một bãi cỏ xanh mượt được cắt xén cẩn thận, cách xa anh khoảng 25 mét là một người đàn ông đang chạy đến.

Ông ta la toáng lên:

— Này, này! Sao lại cho xe chạy bừa lên cỏ của tôi vậy?

Fred không vội trả lời, anh chờ Rick ra khỏi cỗ máy, xong mới nhẹ nhàng khom người đưa tay rút khẩu P.38 mà anh giấu dưới ghế ra, nhét vội vào túi quần.

Lúc này người đàn ông đã tới gần. Ông ta trạc 30 tuổi, hơi mập và thấp, mặc chiếc áo sơ-mi màu mỡ gà, mà thoạt nhìn Fred đã nhận ngay ra chính là ông nội của mình nhờ những tấm ảnh anh đã xem qua. Ông tỏ vẻ giận dữ:

— Các anh làm hư hết cỏ của tôi mất! Có phải các anh tính chào hàng loại xe hơi đời mới hay không đấy? Khỏi, khỏi, hãy cắt đi! Chiếc Lincoln của tôi hãy còn tốt chán. Có nghe không? Cắt đi ngay cho!

Fred tiến tới sát bên ông, hỏi lại cho chắc ăn:

— Ông là James Newton phải không?

— Phải, ai mà chẳng biết tôi.

Fred không nói gì thêm, thỉnh thoảng đưa tay móc khẩu súng ngắn ra, nhắm ngay ngực ông nội mình, bóp cò liên tiếp ba lần.

James ngã gục xuống bãi cỏ. Máu loang rộng thấy rõ trên chiếc áo sơ-mi nhạt màu ông đang mặc. Trước diễn biến quá bất ngờ, Rick trợn mắt, há hốc miệng, chỉ biết đưa cả hai tay lên trời, kêu “Ôi! Đùng, đùng!” và vắt giò lên cổ bỏ chạy đi đâu không rõ.

Fred không thèm ngó ngang để ý gì đến cậu em chú bác ruột của mình: ông nội chết trước khi Christopher ra đời cũng có nghĩa con

của Christopher không có mặt trên thế gian này, và đương nhiên Rick sẽ tự động tan biến vào không khí!

Anh biết việc mình cần làm lúc này là chui mau vào cỗ máy để rời khỏi hiện trường trước khi cảnh sát kịp đến. Anh quăng khẩu súng bên xác ông nội vì lúc này anh không cần dùng gì đến nó nữa, giữ lại chỉ thêm phiền phức.

Rồi bỗng anh nghe có tiếng chân chạy về phía mình. Một phụ nữ quãng gần 30 tuổi, chiếc váy trắng lưng giữa đầu gối và mắt cá chân, tóc nâu nhạt, miệng há hốc vì kinh ngạc và sợ hãi.

Nhớ lại tám hình cũ, Fred nhận ngay ra bà nội của mình. Bà quỳ xuống cạnh xác chồng, khóc nức nở: “Ôi, Jim! Jim! Đừng chết! Làm sao mình em nuôi nổi Harry và Christopher!”

Sao lại có Christopher trong đó? Fred giật mình, ngưng di chuyển, đưa mắt nhìn qua bãi cỏ. Cách đó không xa mấy, trong bóng râm của ngôi nhà, một người vú em đang dẫn một bé trai lẫm chẫm tập đi, cạnh đó là chiếc nôi văng vẳng tiếng khóc của một em bé. Anh còn nghe thấy tiếng người vú kêu lên: “Harry! Coi chừng té! Còn Christopher, hãy nín đi, ngoan nào!”

Ồ, Harry, cha của anh, đã hơn một tuổi, có nghĩa Christopher, cha của Rick đã ra đời! Thế nghĩa là sao nhỉ? Chợt Fred rùng mình, cảm thấy xương sống lạnh buốt khi nghĩ ra nguyên nhân: Do chưa quen điều khiển cỗ máy thời gian, anh đã cho máy lùi lại sớm hơn một năm! Như vậy, việc anh vừa giết chết ông nội hoàn toàn không dẫn đến kết quả mong muốn.

Nhưng anh còn biết làm gì bây giờ? Đàng nào cũng thế thôi, phải chuồn gấp cái đã... Fred mở nắp cỗ máy, chui vào, chưa kịp ngồi xuống ghế đàng hoàng...

Có tiếng chân phía sau lưng. Fred quay đầu lại và nhận ra bà nội anh, mặt đanh lại, bà thét lên:

— Chính mi là thủ phạm!

Và bà đưa khẩu P.38, chính là khẩu súng Fred vừa quăng cạnh xác ông nội, nhắm ngay người Fred, bóp cò. Viên đạn trúng ngang bụng Fred khiến anh nằm vất người ngang tấm bảng điện tử điều khiển cỗ máy. Cánh cửa lập tức đóng lại, tiếng u u kéo dài và cỗ máy lại như trôi trong sương mù dày đặc.

Một lát sau, có lẽ là lâu lắm, Fred chợt tỉnh lại và anh vội bấm nút ngưng. Hầu như đã kiệt sức, Fred bấm nút mở cửa. Một mùi hôi thối nồng nặc xộc vào cỗ máy: Đầu một con khủng long đang lắc lư, lắc lư...

(Phóng tác theo “*Erasing footprints*” của John F. Suter)

GỖ ĐÚNG LÚC

Năm 1956. Điện thoại reo vang vào khoảng 23 giờ trong văn phòng cảnh sát thành phố Milan (Ý).

— Tôi vừa giết cha tôi – giọng nói đàn ông ở đầu dây bên kia.

— Anh là ai?

— Tôi tên Sergio Della Fano.

— Địa chỉ?

Đó là giọng của một thanh niên: hơi khó nghe, với hơi thở khó khăn. Rõ ràng anh ta đang xúc động ghê gớm. Nhân viên cảnh sát ghi địa chỉ trên một tờ giấy. Và xe hơi cảnh sát lập tức lao đi, còi hú vang.

Tại tầng lầu năm của một căn hộ xây theo kiểu thời Napoleon, một thanh niên trạc 19 tuổi, mặc áo sơ-mi, đang đợi họ. Anh ta ăn mặc khá tồi tàn, cao, gầy, cặp mắt thâm quầng, khuôn mặt tỏ ra lo sợ, nhưng dễ coi. Đứng cạnh anh ta là một phụ nữ, một “bà trưởng giả” mặt vuông, vai rộng, choàng chiếc áo khoác bằng lông thú. Một sợi dây chuyền ngọc trai đẹp nằm trên chiếc áo hở cổ. Có vẻ bà ta vừa tới, nhiều lắm là dăm bảy phút. Đó là mẹ chàng thanh niên, và là vợ nạn nhân – nữ bá tước Della Fano. Bà ta hẳn từng xinh đẹp, và sẽ vẫn còn đẹp nếu nhan sắc không bị béo phì đẩy lùi. Còn có một bé gái, mặc đồ ngủ, đang sắp trở thành một thiếu nữ. Cô 13 tuổi.

Mẹ cô bé bảo cô:

— Vô phòng con đi!

Sau hết, nằm dài trên tấm thảm trong phòng của ông ta, là nạn nhân, cha chàng thanh niên. Một người đàn ông 54 tuổi. Nếu chùi hết máu trên mặt ông, người ta sẽ nhận ra một nhà quý tộc truy lạc, mà chiếc áo vét nhân nhúm là một biểu tượng cho sự sa sút.

— Chính anh đã giết ông ấy? – viên sĩ quan cảnh sát hỏi chàng thanh niên.

Không thể thốt nên lời, người được hỏi chỉ biết gật đầu xác nhận.

— Bằng gì?

Chàng thanh niên, mặt tái xanh, chỉ chiếc bàn giấy.

Bà mẹ lên tiếng:

— Bằng thứ này! – Và bà chỉ vào một chiếc rìu nhỏ đâm máu nằm trên bàn.

— Kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.

— Nó chỉ tự vệ thôi, thưa ngài cảnh sát!

Bà mẹ hẳn từng có chiếc mũi nho nhỏ xinh xinh như chiếc kèn. Nay chiếc mũi giống như cái loa nằm giữa đôi gò má núc ních mỡ. Một chiếc mũi sẵn sàng chồm vào mọi thứ. Viên sĩ quan cảnh sát chặn ngang: - Xin lỗi bà. Tôi đang hỏi con trai bà. Chính anh ta phải trả lời.

Với vẻ xúc động, giọng chàng trai tỏ ra không mấy khẳng định, điều dễ thấy ở tuổi mới trưởng thành:

— Tôi cãi nhau với cha tôi, ông coi tôi như đồ... cuối cùng ông nhục mạ tôi. Ông dùng roi gân bò đánh tôi. Tôi đã tự vệ.

Bà mẹ không thể không nhảy đến cứu con:

— Thưa ngài cảnh sát, chồng tôi say rượu. Lúc tôi đi thăm bạn, ở nhà đối diện, ông ta đã uống rất nhiều rồi. Hầu như chiều nào cũng

thế.

Viên sĩ quan cảnh sát đã trọng tuổi, nhỏ con, khoác áo mưa, chiếc mũ kiểu xứ Basque sụp tận mắt giống như mũ đi bơi, bởi bên ngoài trời mưa như trút. Ông ta không rời mắt khỏi chàng trai, làm như không biết đến bà mẹ.

— Và anh đang cầm chiếc rìu này?

— Vâng. Tôi đang làm một chiếc xe ngựa bốn bánh cho em gái tôi.

— Chiếc roi gân bò hiện ở đâu?

Chàng thanh niên chỉ vào chiếc roi gân bò trên tấm thảm, cách chân tủ chỉ vài gang tay.

— Anh bị đánh vào chỗ nào?

— Vào lưng.

— Cho tôi xem thử được không?

Anh ta lúng túng cởi áo sơ-mi và đưa lưng cho viên sĩ quan cảnh sát thấy những vết vân đỏ rất đặc trưng. Vừa lúc ấy, chuông điện thoại trên bàn viên bá tước quá cố reo lên. Và viên sĩ quan cảnh sát nghe thấy những thông tin từ văn phòng của ông vừa thu thập được liên quan đến nạn nhân.

Bá tước Della Fano là người thừa kế chính thức của một gia đình danh giá và giàu có tại tỉnh Pissaro. Ông ta đã nhiều lần bị bắt do lái xe khi đang say rượu. Đó là một tay nghiện rượu có tiếng. Về phần nữ bá tước, tên hồi chưa lấy chồng là Marietta Ponti, vốn là một gái mại dâm, mới cách nay 5 năm bị kết án về tội lừa đảo. Bà ta cho đăng thông báo một phụ nữ người Brazil giàu với gia tài 400 triệu francs nay muốn kết hôn với một người Ý. Chỉ cần gởi cho bà ta 300 francs để làm phí liên lạc thư từ. Dĩ nhiên, bà ta là người phụ nữ

Brazil giàu có. Vụ lừa đảo này khiến chồng bà mất chức – khi ấy ông ta đang là quan chức trong Bộ Xây dựng.

“Một gia đình chẳng ra sao!” viên sĩ quan cảnh sát nghĩ khi gác điện thoại và ngồi xuống ghế bành.

Bà mẹ đã cởi bỏ áo khoác. Bà xuất hiện trong chiếc váy bằng vải mỏng màu hồng chạt cứng. Cậu con trai đã mặc lại áo sơ-mi. Hai người đứng trước mặt viên cảnh sát và có vẻ gì đó là lạ giữa họ. Ông đã có kinh nghiệm. Khi lấy lời khai trong một thẩm kịch như vậy, có những cảm xúc mà ông khắc sâu vào trí nhớ. Hàng ngàn chi tiết thẩm vấn không dễ làm quên những cảm giác ban đầu như vậy. Và, cảm giác của viên sĩ quan cảnh sát, do đâu không rõ, là cả hai là đồng phạm.

Ông lợi dụng lúc bác sĩ pháp y đến cùng với đội ngũ chuyên viên để đưa cậu con trai vào phòng riêng của cậu. Trên bàn là những tấm ván gỗ và một cây cưa, vài dụng cụ khác và những chiếc đinh vít bên cạnh bộ khung của một chiếc xe ngựa bốn bánh.

— Vậy là anh đang làm chiếc xe ngựa cho em gái. Anh có yêu em gái anh không?

— Rất nhiều!

Lời khẳng định có thể không hẳn đúng nếu không thấy chiếc xe ngựa bốn bánh. Một chàng thanh niên chẳng thích thú chút nào khi đóng chiếc xe ngựa. Vậy, nếu anh ta đóng xe, hiển nhiên là để làm vừa lòng cô em gái. Thật đáng kinh ngạc khi một chàng trai trẻ, rõ ràng nhạy cảm và dễ mến, lại dùng rìu bổ chết cha mình.

— Hãy nói cho tôi nghe về cha của anh.

— Thực ra đó không phải là cha ruột tôi. Cha ruột của tôi, là chú tôi.

— Em trai bá tước Della Fano?

— Phải.

— Sao anh biết?

— Chính mẹ tôi nói với tôi.

— Còn em gái anh?

— A! đó chính là con của ông.

— Anh còn có anh chị em nào khác nữa không?

— Có, một người anh.

— Anh ta hiện ở đâu?

— Ở trại tế bần.

Viên sĩ quan cảnh sát đã bỏ mũ ra. Ngồi trên giường, ông bảo chàng thanh niên ngồi xuống cạnh ông. Rồi, làm ra vẻ như một người cha tốt bụng, ông khôn khéo khiến anh ta khai ra hết mọi góc ngách.

Người cha pháp lý, bá tước Della Fano, có cách dạy con kỳ lạ. Ông ta, tùy lúc, hoặc bỏ mặc con cái, hoặc đối xử khắc nghiệt theo cách không giống ai.

“Mẹ mày là một mục điểm – đôi khi ông nói với con trai – Tao đã lỡ rước mục vô nhà.”

Có những lúc ông ta đánh con rất dã man, bắt con quỳ gối, khoanh tay để ông ta dùng roi da quất cho đến khi con hầu như ngất xỉu mới thôi. Ông ta thường uống rượu. Và khi đã xỉn, ông trở nên thô lỗ. Gia đình chẳng ra sao, và một nơi chẳng ra sao đối với chàng thanh niên có vẻ mơ mộng, dịu dàng và nhút nhát này. “Biếng nhác”, “láo khoét”, “đạo đức giả” là những tính từ nhẹ nhất giáng xuống cậu cùng với những cú quất bằng roi da. Cũng có đôi khi

người cha trên danh nghĩa này, vốn ngoan đạo, thuộc dòng quý tộc cổ xưa, đối xử rất tốt, rất công bằng với cậu. Ông còn biết rõ cả cô thợ may trẻ mà cậu con trai đem lòng thương yêu đã bị bà mẹ thẳng cánh đuổi cổ do ganh tị. Buồn rầu, cậu con trai đã toan tự tử. Lại có đôi khi, cha cậu nhốt cậu vào một chiếc tủ âm trong tường và bỏ mặc cậu ở đó nhiều giờ liền. Đôi khi, ông bắt cậu ở ngoài bao lon, cởi trần đội mưa.

Tất cả những chi tiết hành hạ này khiến tội ác mà chàng trai gây nên có vẻ hợp logic. Tuy nhiên viên sĩ quan cảnh sát muốn hỏi thêm vài điểm và ông muốn đối diện cả hai mẹ con, nhưng trước hết cần dựng lại hiện trường tội ác.

Căn hộ nay đã yên tĩnh trở lại sau khi bác sĩ pháp y và đội chuyên viên của ông ra về. Thay vào tử thi của bá tước, là hình vẽ bằng phấn trên tấm thảm. Viên sĩ quan cảnh sát nói với chàng trai:

— Anh hãy diễn lại sự việc cho tôi xem. Toàn bộ diễn biến kể từ lúc anh bước vô căn phòng cho đến khi anh gọi cảnh sát. Nào. Hãy cầm lấy chiếc rìu nhỏ trên bàn, ra khỏi phòng và khép cửa lại. Còn bà, bà ở lại trong này.

Cửa phòng đã khép, viên sĩ quan cảnh sát chờ một chút, rồi la lớn:

— Nào, vô đi!

Cánh cửa mở ra. Chàng thanh niên xuất hiện, vẻ đau khổ và ngượng ngịu, hơi buồn cười nữa là khác, với chiếc rìu nhỏ trên tay. Cả tay lẫn chân anh ta đều run lật bật, và viên cảnh sát nhận thấy nét buồn trên mặt anh, một anh chàng góc ghech đáng thương. Tuy nhiên ông khích động:

— Nào! Hành động đi!

Trong ba phút, chàng thanh niên đi tới đi lui, trong căn phòng, lúng túng, diễn lại thảm kịch với cách diễn của kẻ chẳng có chút năng khiếu mặc dù mẹ anh luôn phải nhắc nhở. Mắt anh mãi nhìn mẹ dường như dò hỏi: “Vây phải không?... Có đúng như vậy không?... Con không làm chớ?” Cuối cùng, đoán chừng mọi việc đã kết thúc, anh ta đi đến bên điện thoại, vớ lấy nó làm như chụp được chiếc phao cứu sinh. Viên sĩ quan cảnh sát lúc này bỏ dáng điệu của một người cha tốt bụng. Ông trở nên nghiêm khắc, quyền uy, có phần dữ tợn:

— Vây đây! Mọi người tính giỡn mặt tôi chắc! Sự việc không thể nào diễn biến như thế. Trước hết, tôi không tin anh đã bị cha anh đánh theo như anh vừa diễn, nếu không anh không thể nào với chiếc rìu tới đầu của ông. Lại nữa, không có lúc nào anh quay lưng lại phía cha anh. Như vậy, những dấu vết roi gân bò từ đâu đến?

Chàng thanh niên và mẹ nhìn nhau. Anh ta, như muốn xin lỗi bà. Bà, người ta thấy ngay bà nổi giận. Hẳn nhiên con bà đã không theo đúng những chỉ dẫn của bà. Chính vào lúc ấy, viên sĩ quan cảnh sát quyết định tung ra đòn quyết định. Một đòn may rủi, bởi chàng thanh niên sẽ lập tức có một luật sư, và những gì cậu ta nói ra bây giờ có thể phản lại ông. Thây kệ. Ông suy nghĩ giây lát và tung đòn:

— Chúng ta chỉ có ba người trong phòng này. Sergio Della Fano, tôi có một câu hỏi quan trọng đặt ra cho anh. Nhưng trước khi trả lời, hãy nghĩ kỹ. Anh vừa phạm một tội ác. Đừng nói dối nữa. Tất cả những lời nói dối, trước kia và bây giờ, sẽ chống lại anh. Đây là câu hỏi của tôi. Và anh hãy thề trả lời cho đúng: Anh đã từng có quan hệ tình dục với mẹ anh không?

Sét có giáng ngay vào căn phòng trên tầng lầu năm của ngôi nhà

theo kiểu thời Napoleon cũng không gây hậu quả hơn câu hỏi này. Bà mẹ, trong chiếc áo hở cổ màu hồng, da tái xanh. Cặp mắt bà quắc lên. Chỉ còn nghe được những tiếng động trên đường phố. Người ta nhận thấy những tiếng ồn, nhất là tiếng xe điện, chạy chuyển đầu tiên vào buổi sáng. Cuối cùng, bà mẹ kêu lên:

— Thật xấu hổ! Ông là con quái vật mới nêu câu hỏi như vậy! Đừng trả lời, Sergio, mẹ cấm con trả lời!

Chàng thanh niên cúi đầu, sụm xuống. Khuôn mặt cậu đột nhiên đỏ dần. Đôi mắt cậu càng thâm quầng hơn.

— Thưa bà, lần này, tôi yêu cầu bà để con bà tự do trả lời. Và lần này, tôi yêu cầu cậu lấy hết can đảm để không cần đến ý kiến của bà. Có hay không, Sergio Della Fano, cậu đã quan hệ tình dục với mẹ cậu?

— Có – rất cuộc chàng trai nói với giọng chỉ vừa đủ nghe – Chỉ một lần. Bà ấy muốn thực hiện nữa và nói với tôi rằng bà đã có cách phòng ngừa. Tôi không muốn. Tôi xấu hổ. Khi ấy tôi mới 17 tuổi.

— Nói láo! – Nữ bá tước hét lớn, mặt đỏ kè trong chiếc áo màu hồng. Nó nói láo! Chính nó đã muốn lạm dụng tình dục với em gái nó khi con bé mới 10 tuổi!

Lời cáo buộc bắn thiêu đã vượt quá giới hạn. Chàng trai đứng thẳng người dậy:

— Thật hết sức khả ố khi nói như vậy! Tôi kính trọng em gái tôi.

Và cậu bật khóc. Sống trong chốn gồm ghêếc này, với một bà mẹ như thế cậu không cách nào có nổi bộ thần kinh vững vàng. Nhưng viên sĩ quan cảnh sát đã có câu trả lời. Và ông có ý định riêng. Dầu sao, cuộc nói chuyện này không thể trình bày trước phiên tòa mở ra 18 tháng sau đó. Tòa chỉ xử dựa theo giả thuyết mà ai cũng từng

biết: bị cáo giết người do tự vệ chính đáng. Hơn nữa, chàng thanh niên có rất nhiều điều kiện để hưởng giảm khinh: kiểu dạy con, tình trạng say rượu của người cha, bà mẹ vô đạo đức... tất cả khiến cậu chỉ bị kết án tám năm tù giam.

Về phần nữ bá tước, bà được trả tự do ngay sau phiên tòa, và bà giắt cô con gái, cô ta cũng được hưởng một phần thừa kế, để qua Las Vegas, Mỹ, tiêu vung vút số tài sản còn sót lại của gia đình.

* * *

Viên sĩ quan cảnh sát nhỏ con với chiếc mũ kiểu xứ Basque, thậm chí không được mời tới dự phiên tòa để làm chứng, tuy vậy lại trở lại với vụ án theo cách mà ông không hề mong đợi chút nào. Sergio đã ngồi tù được hai năm, thì người bạn ở chung phòng trong tù với anh ta, được tha về, tìm đến ông:

“Thật là tệ hại, điều xảy đến với anh chàng ngốc nghếch ấy! Tôi muốn giúp cậu ta bởi cậu ta khiến tôi thương hại. Và cuối cùng cậu ta nói hết sự thực với tôi. Trước khi phạm tội, cậu làm việc trong một nông trại. Mẹ cậu, muốn xúi cậu về Milan, liền gọi điện tín nói bà đã kiếm được việc làm cho cậu. Tất nhiên, đó chỉ là cái cớ. Và anh chàng ngốc nghếch này bị bà mẹ áp chế hoàn toàn. Chính bà đã đẩy cậu đến chỗ giết cha. Chính bà là người sắp xếp tất cả mọi việc. Tối hôm ấy bà chẳng hề thăm bạn bè: bà mời bạn đến ngôi nhà đối diện căn hộ của bà. Khi ông chồng đã chết thảng thốt, cậu con trai bật đèn trong phòng ăn. Đó là ám hiệu mọi việc đã xong. Bà liền hân hoan trở về. Bà lấy roi gân bò đánh con khiến người ta tin vào giả thuyết tự vệ chính đáng và giải thích với cậu rằng nhờ vậy cậu sẽ

không bị kết án. Cũng chính bà đặt chiếc roi gân bò cạnh tử thi. Cho đến ngày xử án, bà còn viết thư cho cậu với lời lẽ: “Anh yêu... Con trai đáng mến”, và không ngừng lặp đi lặp lại những gì cậu nên nói, những gì không được nói. Bà thề với cậu rằng các luật sư đều rất lạc quan, rằng cậu sẽ ra khỏi tù do chỉ bị án treo. Và rồi, khi cậu đã lãnh án, thế là hết, không còn tin tức gì nữa ráo. Không thăm viếng. Không một trái cam trong những dịp lễ tết. Không một lá thư. Không mọi thứ, sao vậy? Bà lo rong chơi ở Las Vegas. Đồ rác rưởi, thứ phụ nữ ấy. Hãy nghe đây, ông sĩ quan cảnh sát, anh ta hết sức hối hận, chàng ngốc ấy, và thấy mình cần phải làm một cái gì đó.”

Đương nhiên câu chuyện không khiến ông cò nhỏ con đội nón xú Basque ngạc nhiên bao nhiêu, nhưng ông không thể làm được gì. Lại nữa, đó chỉ là lời kể của một người bạn tù ở chung phòng.

— Vụ án đã có phán quyết cuối cùng. Vả lại rốt cuộc anh ta đã giết người. Không thể nào lật lại vụ án để xử.

— Phải, nhưng còn cô bé em anh ta. Anh ta rất yêu cô. Cô sắp 16 tuổi. Và nếu cô bé cứ ở bên mẹ, thì số phận cô ta sẽ ra sao? Một ông anh trong trại tế bần, anh ta trong tù: còn cô gái, hẳn sẽ lăn lông lốc như trái banh ngoài hè phố! Cho nên tôi, tôi năn nỉ ông hãy tìm cách cáo buộc người mẹ, để giữ lại cô em gái cho anh ta. Và rồi, anh ta cũng có quyền trả thù chớ! Ít ra người ta cho phép anh ta làm điều này!

Ít ngày sau, viên sĩ quan cảnh sát đến nhà tù gặp Sergio Della Fano. Chàng trai thật thảm hại. Anh ta đã bị phỉnh gạt đến độ ông cảm nhận anh ta chẳng còn biết tin vào đâu nữa. Và anh ta chỉ chờ cô em gái cũng sẽ chịu chung số phận hẩm hiu tương tự. Nhưng viên sĩ quan cảnh sát cũng không mấy khó khăn thuyết phục anh ta viết thư gọi đến chánh án và thẩm phán tư pháp để tố cáo mẹ mình.

Nhưng cần có chứng cứ, thêm vào lời chứng của anh, để xác định bà bá tước quả thực có phạm tội trong cái chết của chồng bà.

— Bà ấy đã từng muốn tự tay mình giết ông, chàng trai tiết lộ.

— Bằng cách nào?

— Trước đó một năm, bà đã dùng hơi gas để mong làm ông chết ngạt ngay trong phòng của ông.”

Ít ngày sau, cảnh sát trưởng Harry Seidler, do INTERPOL cử đến Washington, thẩm vấn bà bá tước dễ sợ. Vẫn luôn bó cứng trong chiếc váy lằn này màu vàng nhạt, bà ta nằm uòn trên trường kỷ, bên hồ bơi của khách sạn Hilton ở Las Vegas. Khi Harry đề cập đến cáo buộc nghiêm trọng nhất, bà kêu lên:

— Đó là lời nói láo bần thiù! Tôi không thể nào khiến chồng tôi chết ngạt trong phòng của ông, làm gì có hơi gas!”

Nghe nói vậy, ông cảnh sát trưởng há hốc miệng, và, đầy thất vọng, ông gọi điện thoại, qua INTERPOL, đến ông cò nhỏ con đội mũ xứ Basque. Ông này, cách đó 9.000 cây số, nhắc ống nghe lên.

— Không có hơi gas trong phòng sao? Điều này khiến tôi ngạc nhiên vì anh chàng thanh niên kia sao lại bịa ra được câu chuyện như thế. Cứ ngồi cạnh bà ta, tôi sẽ chạy ngay vô nhà tù hỏi lại cậu ta. Rồi tôi sẽ gọi lại ông ngay.

Nửa giờ sau, ông cò, từ nhà tù tại Milan, gọi điện qua Las Vegas. Trước mặt ông là Sergio Della Fano, ốm nhom trong bộ đồ tù, mắt thâm quầng, vừa vẽ vừa giải thích. Và ông cò nhỏ con với chiếc mũ xứ Basque kêu lên qua điện thoại:

— Chắc chắn bà ta phạm tội! Bà nói láo đấy. Đã từng có hơi gas trong phòng của nạn nhân trước khi ông ta chết một năm. Sau khi thoát chết, chính ông bá tước đã cho gỡ ống dẫn hơi gas. Chàng trai

trước mặt tôi đang trình bày rõ việc này. Hơn nữa, người thợ gõ đường ống cũng đã xác nhận với tôi. Bá tước Della Fano từng nói với anh ta: ‘Làm vậy để bà bá tước không ám sát tôi được nữa!’ Ông có thể bắt giữ bà ta được rồi, ông bạn... Và làm ơn giam bà ta trong căn phòng khá nhất tại nhà tù của ông, trong khi chờ tôi sang dẫn độ bà ta.”

Bị bắt, bị trục xuất, nữ bá tước Marietta Della Fano, tên thời con gái là Marietta Ponti, đã bị kết án tối đa do đồng phạm trong vụ giết người. Nhưng điều chính yếu là đã gõ được cô bé thoát khỏi bà ta, và mọi người đều thống nhất ý kiến rằng gõ vừa đúng lúc.

(Phóng tác từ một truyện của Bellemare)

ĐÚA CON NGỒ NGHỊCH

— J Tôi vội buông tờ báo, quay sang vợ: Jeffrey đang về nhà anh à.

— Em nói sao?

— Sáng sớm con nó vừa gọi về lúc anh đang tắm. Nó đang lái xe rời trường học ở New Mexico.

Mẹ kiếp! Tôi bức bối nghĩ. Jeffrey là đứa con duy nhất của chúng tôi, và tôi yêu thương nó. Nhưng đây là trường đại học thứ ba mà nó bỏ học. Điều gì đã xảy ra với nó? Tôi nhìn đồng hồ:

— Sao nó gọi sớm vậy? Nó có nói gì nữa không?

— Nó nói nó bị đánh, do một tên vô lại, cho nên nó bỏ học.

Tôi chuyển từ bức bối sang thương hại:

— Nó có bị thương không?

— Nó không nói gì thêm, ngoài... nó yêu thương bố mẹ.

Trên đường lái xe đến chỗ làm, tôi nghĩ về con trai. Jeff bị đuổi khỏi trường đại học đầu tiên, tại New York, do học lực kém. Trường thứ hai, ở Long Island, yêu cầu nó nghỉ học trước khi đuổi nó. Tôi gặp khá nhiều khó khăn khi đưa nó vào trường đại học thứ ba, và nó phải qua học tốt tặn New Mexico, trường Albuquerque. Tôi thậm chí phải cho nó mang theo xe hơi, đóng hết học phí một lần một, và cho nó một mớ tiền để tiêu xài. Chúng tôi có sai trái gì chẳng khi quá nuông chiều con?

Trưa hôm ấy, vợ tôi gọi điện tới chỗ tôi làm, giọng nói chen lẫn tiếng khóc:

— Mike, cảnh sát vừa tới nhà. Jeffrey đã...

Bà không thể tiếp tục, tôi nghe có tiếng nói ào ào, và một giọng đàn ông trên điện thoại:

— Ông Mike? Tôi là cảnh sát hạt Nassau. Chúng tôi vừa nhận tin từ cảnh sát tuần tra xa lộ tại New Mexico cho biết con trai ông là Jeffrey đã tử nạn trong một tai nạn xe hơi. Chúng tôi đến nhà thông báo với gia đình. Tôi e rằng bà nhà xúc động quá mạnh. Ông có thể về nhà ngay được không?

Tôi về đến nhà thì cảnh sát đã tìm được số điện thoại của bác sĩ gia đình và mời ông tới chăm sóc cho vợ tôi. Tôi yêu cầu cảnh sát kể lại sự việc.

— Chúng tôi cũng không biết gì nhiều, thưa ông. Cảnh sát tuần tra xa lộ New Mexico phát hiện con ông trong sa mạc vào sáng nay. Thi thể bị cháy đen nên khó nhận diện, nhưng họ xác định được nạn nhân nhờ trái tim bằng vàng có chứa thông tin về y học (Medic Alert medaillon) mà nạn nhân đeo ở cổ. Họ gọi điện nhờ chúng tôi đến báo với gia đình.

— Còn chiếc xe hơi kia thì sao?

— Xe hơi nào nữa? Chỉ có một chiếc thôi, thưa ông. Xe của con trai ông bị trượt khỏi xa lộ và bốc cháy. Nếu có chiếc xe nào khác nữa, thì xe này đã biến mất khỏi hiện trường trước khi đội tuần tra có mặt.

Thảo nào vợ tôi chẳng bất tỉnh. Viên cảnh sát lịch sự cáo từ sau khi đưa tôi tờ giấy, nói: “Nếu muốn biết gì hơn, ông có thể tiếp xúc với viên cảnh sát này tại New Mexico”.

* * *

Ngồi trên máy bay đến New Mexico lòng tôi ngổn ngang cảm giác. Cũng có lúc tôi như cật gánh nặng vì từ nay khỏi phải lo cho con nữa. Nhưng tại sao tên vô lại nào đó đã đánh con tôi khiến nó phải bỏ học? Sao Jeff lại nói nó yêu thương bố mẹ – điều chưa khi nào thấy nơi nó? Phải chăng nó thật sự hối hận vì đã làm phiền cha mẹ quá nhiều? Liệu cái chết của nó có liên quan tới tên vô lại nào đó hay không?

Tôi thuê xe hơi và lái thẳng đến đại học Albuquerque. Gặp thầy hiệu trưởng chẳng khó khăn gì, nhưng rõ ràng ông không biết nhiều về sinh viên trong trường. Ông lật hồ sơ Jeffrey ra coi. Phải, Jeff đã rời trường với lý do “vấn đề cá nhân”. Không, ông chưa hề nói chuyện riêng với Jeff, ông cũng không nghe nói gì đến gã vô lại. Tôi hỏi phòng của con tôi trong ký túc xá và tên của vài ông thầy dạy Jeff.

Mấy ông thầy chẳng biết gì về Jeff hơn là hiệu trưởng. Tại nơi ở của Jeff, tôi nói chuyện với bạn ở cùng phòng với nó, và tôi kinh ngạc: Jeff đã không còn sống tại đây từ ba tháng nay. Nó đã rời phòng để cư ngụ trong một căn hộ chung cư với bạn. “Cháu không biết anh bạn ấy, nhưng có thể cho bác địa chỉ.”

Tôi hỏi về gã vô lại, bạn Jeff đáp: “Cháu không biết rành việc này, chỉ nghe nói xảy ra một âm mưu cướp của. Cháu thấy Jeff rời trường vào buổi xế trước khi... ”.

— Trước khi nó tử nạn?

— Vâng. Và mặt ảnh bầm tím. Jeff không nói nhiều về vụ việc vì chúng cháu không phải bạn thân.

Tất nhiên, anh chàng sinh viên này có vẻ không hợp với Jeff. Tôi tự hỏi thật ra mình muốn khám phá điều gì. Tôi phải thừa nhận tôi

cũng không dám chắc, nhưng tôi vẫn đến địa chỉ căn hộ nơi Jeff cư trú. Chung cư nằm trong một khu phố tồi tàn. Tôi bấm chuông. Không có tiếng trả lời, nhưng tôi có thể nghe tiếng nhạc văng vẳng bên trong và ngửi thấy mùi cần sa. Tôi gõ cửa thật mạnh. Cuối cùng một thanh niên với mái tóc dài bù xù hé cửa nhìn ra.

Tôi nói nhanh:

— Tôi là cha Jeff. Tôi muốn nói chuyện với anh đôi câu.

Anh ta mở hần cửa. Mùi cần sa nồng nặc hơn trong căn phòng bề bộn hết biết. Anh ta hỏi xẵng giọng:

— Ông muốn hỏi gì?

— Muốn biết tại sao con tôi lại bỏ học để về nhà, và khi... khi nào đã xảy ra tai nạn. Con tôi đã sống ở đây phải không?

— Phải. Nhưng Jeff đã chết, một mình.

— Con tôi đã bị đánh. Anh có biết gì về việc này không? Tôi chẳng để ý gì đến cần sa ma túy cả, nhưng Jeff có chơi mấy thứ này không?

— Khó nói. Riêng về vụ bị đánh, do hiểu lầm. Chuông reo, Jeff mở cửa, vài tên bặm trợn xông vào đánh Jeff. Hẳn là do nhìn lộn người.

Có lẽ bọn chúng muốn tìm ai khác.

Tôi hết giữ nổi bình tĩnh:

— Như anh chẳng hạn?

Gã mở cửa, chỉ tay mời tôi bước ra. Tôi muốn hỏi thêm vài câu, nhưng rồi bỏ đi trước khi không kèm chế nổi mình.

Tôi lái xe loanh quanh một hồi, rồi quyết định dừng trước trụ sở cảnh sát. Họ nói họ không thể giúp gì tôi. Họ không biết gì về mấy

tên vô lại, và tai nạn do đội tuần tra xa lộ xử lý. Tôi kể về những gì tôi thấy trong căn hộ chung cư nơi Jeff cư ngụ. Cảnh sát đáp:

— Ông Mike, tôi rất lấy làm tiếc về chuyện Jeff tử nạn. Nói thật với ông, có thể Jeff đã buồn lậu ma túy chỗ không chỉ cần sa. Nhưng hiện chúng tôi không mấy chú ý đến vài sinh viên tép riu mà muốn bắt con cá lớn hơn.

Tôi ngồi trong xe hơi tại bãi đậu xe. Điều lo ngại tệ nhất về đứa con trai đã được xác định. “Tên vô lại” có thể thuộc băng găngxtơ.

Ít ra chúng đã khiến Jeff hoảng sợ, và nó muốn quay về với gia đình, nơi tôi có thể bảo bọc, che chở cho nó. Tôi hy vọng cái chết của Jeff do tai nạn chỗ không phải do bọn găngxtơ đuổi theo cháu gây ra. Tôi vẫn không thể hiểu thật ra mình muốn khám phá điều gì. Tôi nắm tay, đâm mạnh vào tay lái, đưa xe đến tiệm ăn. Trời đã tối, tôi có cảm giác mình uống hơi nhiều. Lái xe mà không rõ mình muốn đi đâu, cho đến lúc tôi thấy xe ngừng ngay gần chung cư của Jeff. Tôi đậu xe phía bên kia đường, ngồi sau tay lái, cảm thấy mình thật ngốc nghếch. Tôi đến đây để làm gì? Chờ đợi gì? Nhưng ít nhất, tôi phải chờ rượu tan bớt cái đã.

Có bóng người đi ngang cửa căn hộ chung cư... Và, tôi đã nhìn thấy cái gì kia chứ? Tôi dụi mắt.

Chính là Jeffrey, phải, Jeff, con trai tôi!

Jeff tay ôm cặp bước ra khỏi căn hộ, đi ngang xe hơi của tôi. Trông nó khác hẳn: tóc cắt rất ngắn, lại để ria mép, và đeo kiếng mát, thứ nó rất ghét. Tất nhiên, tôi, cha nó, vẫn nhận ra nó.

Chợt tôi hiểu ra mọi chuyện. Tai nạn. Thi thể bị cháy đen (xác ai?). Trái tim vàng chứa thông tin y học. Gã vô lại. “Con yêu thương bố mẹ”.

Tôi nghĩ đến vợ tôi đang than khóc cho đứa con trai duy nhất. Tôi đã định mở cửa xe, theo nó, nói chuyện với nó. Nhưng tôi nhớ lại lời viên cảnh sát nói về bằng tội phạm. Bọn gangster có thể lúc này đây đang theo dõi tôi, và từ đó tìm ra Jeffrey. Tôi phải đến gặp cảnh sát. Nhưng rồi tôi nghĩ đến xác người chết cháy tôi đã chôn cất. Và tôi bỗng sợ đến gặp cảnh sát.

Tôi bỗng nhớ lại quyết định cho Jeffrey cơ hội cuối cùng. Tôi lái chiếc xe hơi thuê về sân bay và chờ chuyến bay gần nhất.

(Phóng tác từ “*Jeffrey*” của L. F. James)

TÊN GĂNGTỎ BIẾT TRƯỚC SỐ PHẬN

Ngôi nhà vang động với những tiếng nổ kinh hồn. Không có gì nổ nghe ghê rợn bằng tiếng động phát ra từ khẩu súng săn của nòng cò đạn 12. Không có gì ồn ào hơn và huỷ hoại hơn, ở khoảng cách gần. Bởi vì những viên đạn chì, thay vì được hướng dẫn nhờ chiều dài của nòng súng, lại văng ra tứ tung: đó là cái chết theo hình rẽ quạt. Tất cả mọi vật trong một góc từ khoảng 90 đến 120 độ đều bị huỷ diệt trong vòng 15 mét. Khẩu súng thậm chí không còn cả tầm bắn. Do vậy, kẻ dùng khẩu súng của nòng với đạn chì bắn trong một căn phòng, bằng cách nhấn vào hai cò súng, cũng gần như tung lựu đạn! Sử dụng thứ vũ khí này, phải là một tên khát máu hoặc một gã vô lại hạng bét – đó là tất cả những gì mà ông cảnh sát trưởng Carson City nghĩ thoáng qua. Ông vừa nghĩ vừa tự nhủ khẩu súng của nòng trong tay một ông lão 82 tuổi này trên thực tế không thể nào xảy ra được. Những ý nghĩ này diễn ra rất nhanh trong đầu ông cảnh sát trưởng Carson City, bang Nevada. Ông không có thời gian để suy nghĩ lâu.

Ông lặng lẽ bỏ ống nghe xuống. Ông hoàn toàn không mong đợi tin như vậy:

“Tối nhanh lên! Nhanh lên! Cha tôi điên mất rồi! Ông đang ở trên lầu một với một khẩu súng săn của nòng, và ông bắn vô bất cứ thứ gì trong nhà. Ông có nghe thấy tiếng nổ trong điện thoại không? A-lô! Tối nhanh! Chúng tôi không dám bước ra ngoài, ông rình chúng tôi nơi cửa sổ! Tôi để cổng ngoài mở sẵn! Ông sẽ thấy chúng

tôi trong tầng hầm!”

Trước khi gác điện thoại, ông cảnh sát trưởng Carson City còn nghe thêm hai tiếng nổ nữa trong ống nghe. Hiển nhiên, nhà Davidson đang biến thành hoả ngục. Điều gì đã xảy ra với ông già Davidson? Ở tuổi tám mươi hai?

Trong lúc cho còi hụ và chớp đèn xe, ông cảnh sát trưởng tự hỏi mình sẽ làm gì. Đây là một việc hết sức tế nhị: trong ít nhất 30 năm qua, ông già Willy Davidson là một trong những nhân vật được biết đến nhiều nhất tại thành phố thủ phủ bang Nevada. Ông kiếm bộn tiền nhờ kinh doanh khách sạn và vận chuyển. Khi người ta nói đến nhà “Davidson”, có nghĩa là muốn nói đến hai thứ: hoặc những khách sạn-xe hơi hạng sang, trong sa mạc, với TV và máy lạnh trong tất cả các phòng; hoặc những xe chở khách Davidson, gắn máy điều hoà, đưa du khách xuyên qua sa mạc Nevada như trong một giấc mơ. Davidson, đó là một tài sản khổng lồ. Nhưng dường như ông già Davidson đã mất quá nhiều tiền, mới đây, do lao vào việc chăn nuôi gia súc! Ở lứa tuổi 82, và vào năm 1969, ông muốn chơi trò tái chinh phục miền Tây, và việc này đã thất bại.

Ông cảnh sát trưởng nghĩ đến tất cả những điều này trong khi xe phóng nhanh hết cỡ về hướng nhà của gia đình Davidson. Rõ ràng, ông già đang muốn phá huỷ tất cả nhà ông với một khẩu súng của nòng. Nhưng ông có thể phá huỷ tan nát hết ráo, với điều kiện không giết chết con trai, con dâu và cháu nội!

Cổng chính ngôi nhà rộng mở. Đó là một ngôi nhà lộng lẫy, nơi người ta khó mà tưởng tượng có ông già 82 tuổi đang bắn bừa bãi vào mọi chỗ. Xe hơi của cảnh sát trưởng buộc phải giảm tốc độ trên những lối đi rải sỏi và tại các khúc quanh hai bên trồng thông. Ngôi nhà thật đồ sộ, theo kiểu thuộc địa Mỹ, với bậc tam cấp và hàng cột

vây quanh, toàn bộ kiểu kiến trúc toát lên vẻ phương nam. Người ta tưởng đâu ngôi nhà thuộc vùng Mississippi hay Alabama. Chẳng thiếu thứ gì. Ngay cả chiếc ghế xích đu dưới hàng hiên. Ông già Davidson đã cho dựng lại mẫu trang trí trong phim *Cuốn theo chiều gió*, nhưng ngay tại Nevada!

Ông cảnh sát trưởng, vừa mới khép cửa xe hơi, thì kịp thụp đầu xuống: Một cơn mưa mảnh kiếng rơi xuống nóc và và nắp ca-pô xe của ông; cùng với những mảnh kiếng, hình như có lẫn vài viên đạn chì. Một cửa sổ sát mặt đất tuyệt đẹp ở tầng một bay thành vô số mảnh vụn. Ông cảnh sát trưởng nhào đến nắp sau bậc tam cấp, rồi phóng tới lối dẫn vào tầng trệt và thấy mình đứng giữa tiền sảnh rộng mênh mông. Một tiền sảnh thật sự trong căn nhà của Scarlett O'Hara, với hai hàng bậc thang uốn cong hình tròn ốc dẫn lên lầu một. Làm như ông già đã mua lại mọi trang trí trong phim của phim trường Hollywood.

Con trai Davidson, người đã gọi điện thoại, không có mặt tại đây để đón ông: Chắc hẳn anh ta nấp trong tầng hầm, với vợ và cậu con trai lên tám, cháu nội đích tôn của ông già. Ông ta vẫn còn đang bắn ở phía trên. Thêm hai tiếng nổ nữa, từng phát một! Không thể nhầm lẫn, đúng là khẩu súng của nòng! Không một vũ khí nào khác có thể gây tiếng động tương tự, và hẳn ông chia súng xuống sàn, bởi vì trần nhà nứt ra và chiếc đèn bách đăng bằng pha lê chao đảo. Ông ta diên thật mất rồi.

Với ông cảnh sát trưởng, đây là một sự việc rất tồi tệ, bởi vì, dù ông có quyết định hành động theo kiểu nào, ông cũng sẽ bị chỉ trích. Ông già Davidson đã tặng hàng chục ngàn đô-la cho các công trình của cảnh sát, các hiệp hội sinh viên, cho công tác xã hội của thành phố, cho nhà thờ giáo phái Luther, cho nhà thờ Baptiste, cho câu lạc

bộ túc cầu. Davidson, đó là loại người thường ngồi ăn bữa tối với ông thống đốc và gây ảnh hưởng đến các cuộc bầu cử. Cho nên ông cảnh sát trưởng tự nhủ: “Dù thế nào ta cũng không nên cố tước vũ khí của ông ấy! Ta lại càng không thể bắn ông. Nghĩ đến cùng, chưa có mạng người nào bị giết cả. Ta chỉ việc cứ để gia đình ẩn trong tầng hầm cho chắc ăn, rồi thế nào cũng đến lúc ông già bắn hết đạn!”

Năm phút sau, ông cảnh sát trưởng tìm thấy cửa dẫn xuống tầng hầm. Và ông la lớn: “Đừng sợ! Tôi đây!”

Con trai ông già Davidson mở cửa: Robert Davidson, 32 tuổi. Trên nguyên tắc, anh điều hành mọi công việc của người cha. Vợ anh là Virginia, 27 tuổi, đứng sau anh trong bộ đồ mặc trong phòng. Cháu bé Wallace, 8 tuổi, bận quần áo ngủ. Cả ba đều có vẻ hoảng hốt. Ông cảnh sát trưởng hỏi:

— Đã xảy ra chuyện gì vậy?

Robert Davidson giải thích: cha anh chưa khi nào tỏ ra dễ chịu cả. Đó là một người dữ tợn, một nhà độc tài. Cùng với tuổi tác, tính chất này không dịu lại, trái ngược là khác. Ở tuổi 82, ông không thể chịu nổi việc mất tiền do chăn nuôi gia súc sau khi đã thành công trong lãnh vực khách sạn. Ông đổ lỗi cho con trai ông, hay con dâu ông, và khiến ông nổi giận. Thực ra, chính ông muốn tiếp tục điều khiển hết thảy mọi việc và làm những điều ngốc nghếch, bởi ông đã quá già. Từ khi góa vợ, ông không chịu nổi cuộc sống trong gia đình nữa và ông trở thành một ông già luôn lo lắng. Người ta không còn nhận ra ông là William Davidson từng được tất cả mọi người kính nể nữa. Ông đã trở thành con người khác hẳn.

Và ông đã lôi ra khẩu súng săn cỡ 22 của nòng giấu trong một chiếc rương cũ ở trên trang sát mái nhà mà ông luôn thủ chìa khoá!

Một thứ vũ khí của bọn găngxto! Và, từ khoảng một vài tháng nay, ông mang súng đi loanh quanh khắp nhà. Ông ngủ với súng. Những đầu đạn chì luôn bỏ trong túi bộ pi-gia-ma và trong áo khoác ngủ của ông. Đến nỗi gia nhân ai cũng đâm hoảng. Gia đình Davidson đến nước này vẫn không muốn gọi cảnh sát. Nhưng khi sáng, tại bữa điểm tâm, do một việc ngốc nghếch, tình hình bùng nổ. Ông già nói đã đến lúc cho cháu nội của ông vào ký túc xá. Đứa cháu, đang húp món cháo bắp, lên tiếng:

— Cháu không muốn vô ở ký túc xá!

Ông già Davidson quát :

— Mày phải làm điều tao biểu mày làm!

Và cô con dâu dám cả gan nói:

— Nó sẽ làm điều mà ba má nó biểu nó làm! Ông có thể nói với ngài thống đốc rằng ông nên làm gì, nhưng không phải với con về chuyện liên quan đến con của con!

Người ta khó có thể nói ông già 82 tuổi đã dồn bao nhiêu máu lên mặt: mặt Davidson trở nên tím ngắt. Đôi mắt ông biểu đạt một điều chưa từng thấy bao giờ. Ông đứng phắt dậy, leo lên tầng một, và quay xuống với khẩu súng cưa nòng trên tay. Họ chỉ có vừa đủ thời gian để đóng cửa và gọi điện thoại đến cảnh sát trưởng. Cánh cửa bay thành mảnh vụn! Hốt hoảng, họ chui vào ẩn nấp trong tầng hầm. Kể từ đó, ông già bắn vào bất cứ thứ gì quanh ông. Ông hẳn có cả một thùng đầy đạn.

Ba giờ sau, những tiếng nổ ngưng một khoảng khá lâu, ông cảnh sát trưởng đánh liều, thận trọng đi lên lầu một qua cánh cửa gãy nát. Cảnh tượng thật dễ sợ: Không còn một tấm kiếng nguyên vẹn, không còn một vật nào đứng thẳng. Không còn cửa sổ sát mặt đất,

và trần nhà thùng lỗ chỗ nhu chiếc rây.

Giữa cảnh đổ nát hoang tàn đó, là chiếc ghế xích đu: trong ghế xích đu có tiếng ngáy. Ông già Davidson, một khi còn thịnh nộ dễ sợ đã qua đi, cuối cùng đã ngủ ngon lành. Chiếc đầu với mái tóc bạc phơ của ông đu đưa nhẹ nhẹ, đôi bàn tay gân guốc vẫn nắm chặt khẩu súng săn hai nòng nằm vắt ngang đầu gối.

Ông cảnh sát trưởng tiến lại gần, thật nhẹ bước, cẩn thận né những mảnh tường vỡ và những mảnh kiếng. Khi còn cách chỉ một mét, và đúng lúc ông đưa tay ra, thì ông già mở một mắt, rồi con mắt bên kia. Với một cử động nhanh nhẹn không thể ngờ ở độ tuổi của ông, ông chia cả hai nòng súng đã bị cưa cụt về phía bụng dưới của viên cảnh sát trưởng và lên tiếng, giọng hết sức bình tĩnh:

— Anh tưởng đâu ta là con nít chắc? Anh có lý đấy, cảnh sát trưởng! Có điều ta sẽ nói với anh một chuyện: Anh có nhìn thấy nửa khẩu súng này không? Đây, khi ta có nó hồi còn trai trẻ, với nó và với viên đạn chì hai số không, ta đã cắt đôi hai vị cảnh sát trưởng và hai người phụ tá của họ đấy! Cách hai mét. Và anh cách ta có một mét. Sao bây giờ?

Bây giờ ông cảnh sát trưởng Carson City không dám nhúc nhích. Ông bỗng nhiên tự hỏi ông già giàu có, ân nhân của bang Nevada thực ra là ai, và đưa cả hai tay lên trời, mồ hôi tuôn ướt đầm trán. Ông già dễ sợ, trong chiếc ghế xích đu, đột ngột ra lệnh:

— Lùi lại, ngồi xuống giường! Cúi chùng những mảnh kiếng bể từ chiếc tủ gương! Ta không muốn anh bạn bị tổn thương, cảnh sát trưởng. Với điều kiện anh không được ngắt lời ta. Ta đang giận lắm đó! Và ta không chịu nổi những gì trái ý ta! Giờ thì, hãy nghe ta. Ta sẽ kể cho anh nghe về thời ta đang còn trai tráng!

Ông già Davidson kể với giọng chậm nhưng chắc nịch. Ông nói:

— Anh thấy khẩu súng hai nòng này chớ? Nó đã bị của nòng từ lâu lắm rồi! Chính xác là 46 năm. Lúc ấy người ta chưa chế tạo ra súng tự động. Nhưng ít người biết rằng với hai viên đạn chì bắn ra theo hình rẽ quạt lại có thể huỷ diệt hơn cả một khẩu tiểu liên! Và chẳng tốn bao nhiêu thời gian! Cho nên ta khuyên anh bạn, cảnh sát trưởng, đừng có bất cứ hành động nào. Cho đến khi ta kể xong. Và ta hy vọng anh bạn sẽ không kêu cứu viện, nếu không anh bạn sẽ là kẻ đầu tiên tiêu tùng đấy! Anh bạn hẳn đã thấy một con vật bị dồn đến bước đường cùng chớ? Đơn giản là một con chuột chẳng hạn? Nó giận đến phát điên! Này, cảnh sát trưởng, đó đúng là điều đang xảy đến với ta. Ta đã bị dồn tới tận hang ổ, vào lúc 82 tuổi, giống như một con chuột già. Và anh bạn có biết tại sao không? Bởi vì ta đã bị phá sản. Thành con trai ngu ngốc của ta và đứa con dâu ngu ngốc của ta không hiểu điều này. Ta muốn bắt đầu trở lại làm một cái gì đó, vậy mà chúng coi là thật tức cười khi lão già lụ khụ lại quyết làm! Chúng nó chỉ có thể làm những gì mà chúng đã học. Chúng nó không thể sáng tạo! Ta muốn lao vào đàn súc vật, anh bạn biết đấy... Điều anh bạn ít biết, là thịt trở nên quá đắt, ở Mỹ, khiến người ta không muốn mua nữa! Các nhà môi trường còn muốn đặt món bít tết làm từ cỏ! Bọn híp-pi bây giờ thậm chí cười nhạo cả hình ảnh của những chàng chăn bò và con bò! Ta không hiểu nổi thời đại bây giờ, cảnh sát trưởng. Ta muốn trở lại thời đại hoàng kim với những đàn súc vật, vào thời mà, người ta gọi là thời gì kia? Bob Dylan! Đúng rồi. Kết quả: ta không còn lấy một đô-la, cảnh sát trưởng. Ta không còn một đồng đô-la! Anh bạn hiểu chớ? Cho nên ta muốn phá nát tốp lêu này! Ta muốn phá mẹ nó hết! Nó không còn là của ta nữa.

Nghe bài diễn văn dài sọc này, ông cảnh sát trưởng của Carson City trợn tròn mắt. Luôn nằm trong chiếc giường bị những viên đạn chì phá nát, đối diện với ông già vừa mới tuần rồi còn được mời ăn bữa tối với ngài thượng nghị sĩ của bang, trong khi bản thân ông không được đặt chân vô nhà bếp, ông không thể nào hiểu nổi.

Ông già lại ngả lưng trên ghế xích đu, khẩu súng của nòng vẫn luôn chia ra phía trước. Ông cảnh sát trưởng suy nghĩ rất nhanh.

“Ông già này không chịu nổi tình trạng mình bị khuynh gia bại sản ở độ tuổi 82, sau khi đã được tất cả mọi người trọng vọng. Vậy ta phải tỏ ra kính trọng khi nói chuyện với ông ta. Ông ta không phải là lão già phát điên vì giận! Ông ta là Ông William Leonard Davidson! Và ta chỉ là một cảnh sát trưởng tầm thường! Ta phải hầu chuyện với ông ta như thế! Rồi ông ta sẽ cảm thấy thu giãn và cuối cùng sẽ bỏ khẩu súng quý quái với nòng bị cưa sát bá chỉ cách 20 cm theo kiểu quý quái, luôn chia vào ta một cách quý quái!”

Vượt qua nỗi sợ, ông cảnh sát trưởng rút cuộc thốt lên với giọng bình tĩnh:

— Thưa ông Davidson, dù ông có bị phá sản, đối với cư dân tại thành phố này, vẫn chẳng có gì thay đổi. Ông vẫn luôn là biểu tượng của thành công. Và ông thấy đấy, dầu có là cảnh sát trưởng, tôi nghĩ mình cũng sẽ làm như ông: thay vì bỏ mặc những gì mình đã kiếm được cho bọn chủ nợ chết tiệt, tôi sẽ phá hết ráo! Bắt đầu bằng túp lều con mẹ này! Ý tôi muốn nói ngôi nhà lộng lẫy này, mà ông đã xây dựng bằng công sức của mình.

Ông cảnh sát trưởng nuốt nước miếng và nói thêm, sau một lát im lặng:

— Ông thấy đấy, ông Davidson, rằng tôi hiểu ông. Bây giờ có thể

nói chuyện mà không cần đến khẩu súng của nòng này giữa chúng ta nữa! Ông hẳn để ý thấy tôi không mang theo vũ khí khi tới đây để nói chuyện với một nhân vật đáng kính như ông! Ông có muốn tôi cho gọi ông thống đốc, hay ngài thượng nghị sĩ chẳng hạn? Đó là những người bạn của ông! Họ sẽ giúp đỡ ông.

Vừa nói, ông cảnh sát trưởng vừa làm ra bộ ngồi dậy từ chiếc giường nát bấy kia. Và ông tưởng đâu đời ông tiêu tùng! Bỗng một cơn mưa thạch cao, từ trần nhà rơi xuống, trúng vào khắp người ông đúng lúc một tiếng động khủng khiếp vang lên. Ông già Davidson đã bắn một phát lên trần nhà. Chỉ một phát đạn. Gần như cùng lúc, ông già hạ khẩu súng của nòng về phía viên cảnh sát trưởng: ông muốn, khi bắn lên trần, cầm kẻ trước mặt mình cục cựa, và giờ đây ông hăm dọa đối thủ bằng viên đạn duy nhất còn lại.

Nhưng với ông cảnh sát trưởng như vậy là quá đáng: đe dọa đối với ông ta đã vượt quá nỗi sợ để biến thành giận dữ. Nỗi giận dữ khủng khiếp chống lại ông cảnh sát trưởng đã khiến ông ta khiếp sợ. Từ chiếc giường, ông chúi đầu nhào tới ghế xích đu, bụng dán xuống đất. Ông nắm lấy khúc gỗ cong của chiếc ghế, và dùng hết sức đẩy ngược lên!

Kinh ngạc về cú chúi đầu này vào đúng lúc hạ mũi súng xuống, ông già Davidson nhấn vào chiếc cò thứ hai của khẩu súng: những viên đạn chì cuối cùng tung toé khắp căn phòng! Nhưng viên cảnh sát trưởng đã hạ thấp thân hình. Và chiếc ghế xích đu lộn ngược ra sau. Ông già William Leonard Davidson bị lộn ngược cùng với ghế, mái đầu bạc trắng của ông giáng xuống sàn nhà gây tiếng động khô khốc.

Ông cảnh sát trưởng đứng dậy, lão đảo, ù tai do hai tiếng nổ, và trở xuống tầng dưới để gọi điện thoại cho tất cả mọi người: Nhân

viên của ông, ông tổng chuồng lý, ông thị trưởng.

— Đến ngay, tôi đã giết chết ông Davidson! Tôi không thể làm gì khác!

Ông thấy trước, ông cảnh sát trưởng tội nghiệp, mình sẽ bị buộc tội, hoặc ít nhất mất việc: ông cảnh sát trưởng tội nghiệp sao lại không thể giữ nổi bình tĩnh trước mặt một ông già, một nhà quý tộc đáng kính?

Chính vào lúc chôn cất ông già Davidson người ta mới tìm ra nhân thân của ông và người ta phát hiện ra nhiều điều: ông chưa hề bao giờ có tên Davidson. Tên thật của ông là Leonard Frisco. Cách nay 46 năm, vào năm 1923, ông đã giết chết hai viên cảnh sát trưởng, bằng khẩu súng cổ của nòng mà ông giữ trong chiếc rương. Bị bắt, ông trốn khỏi nhà tù Tucson, trong vùng Arizona, và ông chạy sang Mexico. Từ khi INTERPOL hình thành, người ta tìm ông trên khắp lãnh thổ Mexico và các nước thuộc Nam Mỹ. Nhưng ông đã tới nước Mỹ với tên giả William Leonard Davidson. Và trong 48 năm ông đã kiếm được một gia tài tại Nevada, lấy vợ tại đây, trở thành một nhân vật khá kính tại đây, bạn thân của nhiều người có uy tín. Ông không thể chịu nổi, ở tuổi 82, khi tán gia bại sản do lao vào chăn nuôi gia súc. Ông đã quá quen với con người tộc trưởng mới của mình, theo kiểu trong *Cuốn theo chiều gió*, có quyền để mắt đến tất cả mọi chuyện. Lại trở thành Leonard Frisco, kẻ chẳng ra gì, là vượt quá sức ông. Và ở độ tuổi 82, ông vẫn còn muốn tiếp tục lập sự nghiệp. Tuy nhiên ông đã có đủ thời gian để soạn thảo một chúc thu quỹ quái cho những người thừa kế ông.

“Quan niệm rằng tiền bạc chỉ là tài sản của người đã kiếm được tiền bạc, tôi cấm con trai hoặc cháu nội tôi đụng đến tài sản của tôi trước khi họ cũng kiếm được nhiều đó tiền. Mặt khác tôi cũng

khuyên con tôi đừng bao giờ tin viên công chứng xác nhận rằng tôi đã khánh kiệt. Ngay cả khi ông ta có bằng chứng, ông ta vẫn không biết, và không ai biết, tài sản của tôi để ở đâu. Tài sản ấy sẽ chỉ nhìn thấy được khi những người thừa kế của tôi biết cách hợp pháp hoá nó.”

Leonard Frisco Davidson không chỉ là một tên găngxtơ, không chỉ là một doanh nhân, không chỉ là một ông già tinh quái 82 tuổi... Đó còn là một triết gia.

(Phóng tác)

ĐẦU TƯ CHẮC ĂN

Cô bạn thân Sharon hỏi Jennifer Daly:

— Tối nay bạn đi nhảy với ai vậy?

— Này, đừng cho ai biết: với Simon Slocum.

Sharon tròn mắt:

— Ối! Cái anh chàng chán ngắt!

— Này, này... mình sẽ làm đám cưới với anh ta đấy.

— Đã hứa hôn?

— Không. Mình muốn nói anh ấy đã hỏi mình làm vợ, và mình đã nhận lời.

— Không thể nào. Chính bạn cũng từng chê anh ta chán ngắt.

Jennifer cân nhắc câu chữ:

— Cách nào đó, mình không suy nghĩ như nhiều cô gái khác. Mọi chuyện lãng mạn tình yêu đã qua rồi. Có lẽ mình thích thực dụng hơn. Mình muốn có một tương lai với cuộc sống dư dả...

— Thực dụng là sao? Mình không thể hiểu nổi. Anh ta là một thư ký quèn, cha là cảnh sát nghỉ hưu, nghèo kiệt.

— Một ông bác. Anh của mẹ Simon. Rất giàu, sống trong ngôi nhà mênh mông ngay tại trung tâm Buxton.

— Nhưng Jenny, bạn không thể kết hôn với anh ta dựa trên tài sản thừa kế. Biết đâu ông bác chẳng đổi ý, lập di chúc khác. Rồi biết chừng nào ông ta mới chịu đi đoong, không lẽ bạn cứ dài cổ chờ hết

năm này sang năm khác?

— Không, không lâu đâu, và ông ta không thể đổi ý.

— Sao vậy?

— Ông ta mắc bệnh Alzheimer, không đủ năng lực tinh thần để làm di chúc mới. Bệnh này không thể chữa và ông không còn nhớ nổi bất cứ ai. Bọn mình chỉ việc ngồi chờ để hưởng.

— Bạn có chắc ăn không, Jenny?

— Chắc như bấp rang. Người nữ điều dưỡng cho ông là bạn của mẹ mình, đã kể mọi chuyện qua một lá thư. Chính vì vậy mình mới “chăm” Simon.

Và kế hoạch của Jenny tiến triển ngon lành. Chắc ăn hơn, ngay từ đầu, cô nói với Simon rằng cô nghĩ chuyện làm tình không nhất thiết phải đợi sau ngày cưới, anh ta đồng ý ngay. Và ngay khi hai người ngủ chung, cô nghĩ chần chừ cô không phải người đầu tiên đến với Simon, nhưng chẳng sao... Có điều, anh ta là một tay bạo dâm.

Rồi họ tổ chức đám cưới, sau đó thuê một căn hộ chung cư nhỏ nhỏ. Jenny vẫn làm việc trong một tiệm uốn tóc, lương của hai người đủ để mua một chiếc xe hơi. Họ trang trí lại tổ ấm, nhưng mỗi người mỗi ý, và cuối cùng Simon nói:

— Tùy em, thứ này là đặc quyền phụ nữ.

Jenny ngẫm hiểu sẽ có những thứ đặc quyền dành cho cánh đàn ông, nhưng chưa rõ là thứ gì.

Tất nhiên, Jenny tế nhị không bao giờ nhắc tới ông bác của Simon để anh không nghi ngờ chút nào rằng cô lấy anh chỉ vì tiền. Nhưng chính Simon lại nhắc đến ông bác khi họ sửa lại căn bếp.

Simon lên tiếng:

— Sửa sơ thôi. Chờ khi ông bác anh qua đời chúng ta sẽ mua một ngôi nhà đang hoang hơn.

Jenny làm bộ ngạc nhiên:

— Ông bác nào?

— Ừa, anh tưởng em biết chứ, cô Mackenzie quen với mẹ em mà?

Vậy ra Simon đã biết ráo! Hay ít ra cũng nghi ngờ, rằng cô lấy anh chỉ nhắm vào tài sản mà anh thừa kế. Jennifer cảm thấy hai má nóng bừng, tuy nhiên cô cố giữ giọng bình thản:

— Gì vậy? Em đâu biết cô Mackenzie kenziếc nào!

Chuyện tạm dừng ở đây nhưng Jennifer biết rằng kế hoạch của cô đã gặp trục trặc. Càng ngày Simon hình như càng hành hạ cô nặng tay hơn mỗi khi họ làm tình. Điều tệ hơn là cô không dám tâm sự với ai. Cô bạn thân nhất là Sharon từ khi biết cô “bám” Simon đã tỏ ra lạnh nhạt hẳn, nay cô không đủ can đảm để thú nhận với bạn mình đã tính toán sai. Cô chưa bao giờ nói chuyện thầm kín cùng mẹ, và cô cũng thấy bất tiện nếu ngỏ lời với nhà tư vấn. Rốt lại, cô muốn biết, nếu ly dị trước khi Simon nhận thừa kế thì liệu cô có được chia chác gì sau khi anh ta hưởng gia tài của ông bác hay không.

Qua tham vấn luật sư, cuối cùng cô nhận ra nếu ly dị sớm thì cô trắng tay, còn nếu chờ Simon hưởng thừa kế xong mới ly dị, cô có nửa gia tài ngon ơ. Còn một cách nữa, nếu Simon chết – và cô không bị cáo buộc – cô sẽ nhận toàn bộ tài sản của ông bác để lại cho Simon. Nhưng làm cách nào để giết Simon mà không khiến ai nghi ngờ, không để lại dấu vết? Suy nghĩ chán, cuối cùng Jennifer quyết định cứ忍着 chịu đựng và chờ, nhất là sau khi cô đọc trong thư của

bạn mẹ cô gọi cho bà: “Tôi hết sức buồn báo cho bà biết rằng ông bác của bà đang suy yếu rất nhanh...”

Và ngày ấy cũng đến vào một sáng tháng Tư, qua cú điện thoại của Mackenzie, người nữ điều dưỡng cho ông bác. Họ lái xe đến Buxton, và Jennifer ngạc nhiên khi thấy Simon đã chuẩn bị đám tang một cách chu đáo. Anh bảo: “Từ lâu anh đã nghĩ đến ngày này và sắp xếp tất cả.” Có điều không thấy họ hàng của Simon tới. Họ luôn luôn, theo Jennifer, lạnh nhạt với cô, thật ra là lạnh nhạt với Simon; giờ thì cô hiểu ra vì họ ghét ông bác để hết gia tài cho Simon.

Mackenzie, mà Jennifer chưa hề gặp mặt, hoá ra trẻ hơn nhiều theo cô nghĩ (cứ tưởng bạn với mẹ cô ắt cùng lứa tuổi), tiếp họ với nét mặt nghiêm trang, hình như nhìn cô với vẻ tò mò, nhưng Jennifer lẩn tránh ánh mắt của người nữ điều dưỡng, sợ rằng Mackenzie phát hiện ra cô ta đã dự phần vào việc khiến cô trở thành vợ của Simon.

Luật sư tới vào sáng hôm sau, loan báo tin đầy phấn khởi: Di chúc được lập cách nay mười năm, khi ông bác của Simon còn đang kinh doanh và khoẻ mạnh nên hoàn toàn hợp lệ. Nội trong vòng trên dưới một tháng di chúc sẽ được công bố và toàn bộ tài sản của người quá cố đều thuộc về Simon để Simon tùy nghi sử dụng. Ngay trong lúc này, Simon có thể rao bán nhà, và nếu anh cần ứng tiền trước, ngân hàng của ông bác sẽ...

Nhưng Simon khoát tay trước sự thất vọng của Jennifer:

—Ồ, không. Đâu có gì gấp. Chúng tôi không muốn khoe của ầm ỉ. Chúng tôi có thể đợi mà.

Simon mời Mackenzie tới trước khi họ quay về New York và ngỏ lời cảm ơn cô đã chăm sóc tận tình cho ông bác trong những ngày

cuối đời. Jenny nghĩ điều này không cần thiết: Cô ta đã được trả tiền hậu hĩnh và không khó gì lắm để kiếm một nữ điều dưỡng tại Buxton. Đáng lẽ người cảm ơn Mackenzie là cô, vì nhờ cô ta mà cô mới quyết định lấy Simon, anh chàng chán ngắt, để chờ chia đôi gia sản.

Simon tỏ ra rất bình tĩnh khi nhận gia tài thừa kế khổng lồ. Và bây giờ anh mới chứng tỏ đặc quyền dành cho đàn ông: Mọi thứ mua sắm trong nhà phải do anh quyết định, nhưng trước hết phải kiếm một căn nhà vừa ý đã. Họ đến công ty mua bán bất động sản, nhưng kiếm một biệt thự rộng không dễ gì trong ngày một ngày hai. Họ ăn tối ở ngoài nhiều hơn, và Simon có một thẻ của Câu lạc bộ chơi golf. Có điều, đôi lúc Jennifer có cảm tưởng Simon như muốn “tra tấn” cô mỗi khi họ lên giường.

Jennifer muốn đi nghỉ mát một chuyến tại Haiti, và Simon đồng ý ngay, nói cô đặt trước khách sạn hạng sang đẳng hoàng.

Simon được luật sư báo cho biết mọi thủ tục nhận tài sản đã hoàn tất. Anh không hề hỏi Jennifer có muốn đi cùng anh để giải quyết mọi thủ tục và bán căn nhà của ông bác hay không. Jennifer cũng chẳng buồn hỏi, cô chỉ ngóng đến ngày ly dị. Rồi một sáng nọ, anh nói với cô trước khi một mình lái xe đi:

— Em đến công ty mua bán bất động sản, nói chúng ta sẽ mua căn nhà của Merriton ngay khi anh từ Buxton trở về.

Thế rồi một việc hoàn toàn bất ngờ xảy ra.

Từ Buxton, Simon gọi điện thoại về báo tin anh phải ở lại đây ba ngày để giải quyết dứt điểm mọi thứ. Thực ra Jennifer cũng chẳng để tâm đến việc khi nào anh ta về, thậm chí chẳng thèm gọi điện thoại đến khách sạn nơi Simon ở. Cô không phải loại vợ ấy với một

đám cưới vì mục đích như vậy.

Mãi năm ngày sau cô mới nhận được tin của Simon, đúng hơn là một bưu thiếp, từ sân bay Manchester, với nội dung:

“Bọn anh, anh và Mackenzie, đang bay đến Venezuela, nơi không ký hiệp ước dẫn độ cũng như bất cứ hiệp ước pháp lý nào với nước Anh. Rất vui vì đã hành hạ em trong mấy tháng rồi. Em tưởng anh không biết rằng em lấy anh chỉ vì muốn hưởng gia sản thừa kế của anh hay sao? Chính cô Mackenzie đã cho anh hay biết tất cả mọi âm mưu của em.”

(Phóng tác từ “A Sure-fine Speculation” của Robert Barnard)

BÉ YOLANDE VÀ GÃ

Yolande, một bé gái tóc vàng xinh đẹp, từ trường về nhà.

Chúng ta đang ở Flandres, vào tháng Mười, bầu trời u ám và mưa lâm râm, đáng lẽ Yolande phải bước dọc theo con đường sáng le lói nhờ những ngọn đèn lồng, nhưng cô đang vội. Mẹ cô đã dặn trước:

— Lúc sáu giờ con phải có mặt tại tiệm làm tóc của bà Gerille. Con phải làm đẹp trước khi đến thăm bà.

Vậy là Yolande quyết định dùng đường tắt – một con đường chạy xuyên qua cánh đồng và dọc theo bức tường của bệnh viện gần bên dòng kênh. Cô bé tự nhủ: “Nhân tiện mình nhặt lá cây dành cho bộ sưu tập trong trường.”

Mẹ cô từng dặn cô rất kỹ: “Con không được nói chuyện với bất cứ người lạ nào. Và nhất là khi có kẻ lạ đến gần hỏi, con không được trả lời, không được nhận kẹo, bánh, không được đi theo. Nếu đó là một người đàn ông có vẻ lịch sự, lại càng không được theo ông ta lên xe hơi. Đã có không ít bé gái bị mất tích trong trường hợp như thế.”

Yolande hiểu. Ở trường cô cũng nghe chuyện về những bé gái xinh đẹp tóc vàng. Vài bé còn bị “cuồng hiếp”. Cô chẳng hiểu tiếng này nghĩa là gì, nhưng có vẻ tồi tệ lắm.

Yolande, dưới chiếc dù nhỏ màu vàng, nhanh chân bước. Đi trong bùn không dễ, ngay dù có giày boots. Cô mong mình mau về tới nhà. Chìa khoá nhà cô bỏ trong túi.

— Cô bé! Cô bé! Cô bé đi dạo chơi hả?

Yolande giật mình: Người đàn ông gọi cô là một kẻ lạ mặt. Cô chưa bao giờ nghe giọng nói, cũng chưa bao giờ nhìn thấy khuôn mặt của ông ta. Vậy mà mọi người trong khu vực này, cô đều biết cả. Và lại, nếu đó là người quen, hẳn sẽ gọi cô là “Yolande” thay vì “Cô bé”.

— Cô bé! Chờ chút nào! Lại biểu!

Yolande bỏ chạy. Cô đã nhìn thấy căn nhà nơi mẹ cô và cô cư ngụ. Một ngôi nhà xám, nhỏ, chẳng đẹp đẽ gì, nhưng là “nhà” của cô. Người kia, đi theo Yolande, rảo bước nhanh hơn, nhưng gã bị trượt trong bùn và Yolande nghe tiếng chửi thề làm bầm.

Yolande chạy ào vào cổng. Không có ai trong nhà. Cô có vài giây để mở cửa. Cô đã rút chìa khoá cầm sẵn trên tay. Không được run. Tiếng bước chân vội vã vang lên sau lưng cô. Chắc chắn đó là gã đã hỏi cô khi nãy. Yolande vặn chìa khoá. Khi mở cửa bước vô nhà, cô hơi xoay người lại, nhận ra đúng là gã. Cô la lớn:

— Thưa ba con đi học về!

Gã tỏ vẻ do dự. Ánh mắt gã thoáng vẻ nham hiểm và nụ cười không thân thiện chút nào. Nhưng rồi gã rảo bước theo Yolande định vô nhà...

Yolande quyết định thật nhanh. Vặn hết sức, cô đóng mạnh cánh cửa. Hành động bất ngờ làm gã bị kẹt tay, gã la lên một tiếng, rứt tay lại, thời gian đủ để Yolande vặn khoá cửa.

Xong cô thở ra một hơi, ngồi xuống ghế trong phòng khách, nghe ngóng. “Nếu gã phá cửa thì sao? Không, không nghe động tĩnh gì.” Cô kéo ghế đến bên cửa, leo lên, nhìn qua ô trống phía trên. Rõ ràng gã đã bỏ đi.

Sau khi cất cặp, sắp xếp công việc, Yolande đưa mắt nhìn đồng hồ

treo tường: “Mình phải ra tiệm làm tóc gấp mẹ.”

Cô lại phải ra khỏi nhà, dẫn mình một lần nữa vào bóng đêm dọc theo những con đường tối nhờ nhờ đầy bất trắc cho đến khi tới đường lớn. Và nếu người đàn ông khi này vẫn đang chờ cô đâu đó...

Yolande quyết định. Cô ra khỏi nhà, khoá cửa. Không có ai. Màn đêm buông nhanh. Cô lại đi dọc con kênh đầy lau sậy.

May thay, dọc theo kênh có một người đàn ông đang giắt chó lững thững dạo chơi, con béc giê to đùng. Yolande tự nhủ: “Ta sẽ theo ông ta cho đến khi ra tới đường lớn.”

Nhưng con chó có vẻ tò mò tìm hiểu cảnh vật chung quanh. Cứ vài bước nó lại đưa chân lên ngửi, và chủ nó bước chậm lại. Kiểu này phải mất nửa giờ mới tới đường cái.

“Vậy mình khỏi cần phải chờ, trễ giờ mất.”

Và Yolande rảo bước. Bỗng nhiên cô phát run. Không phải trong mơ, cô nghe những tiếng kêu bị tắc nghẹn. Tiếng kêu từ phía bụi lau.

Yolande còn nghe rõ tiếng phụ nữ:

“... Cứu tôi với!... cứu!...”

Yolande nén sợ, bước lại gần nơi phát ra tiếng kêu. Cô thấy lơ mơ hai bóng người đang vật lộn. Không nghi ngờ gì nữa, cô nhận ra ngay gã vừa theo cô khi này. Nhưng cô không hiểu gã đang làm gì. Có vẻ gã đang đè lên người kia. Yolande nhận thấy hai chân phụ nữ đang vùng vẫy dữ dội. Cô lại gần thêm chút nữa. Và bỗng nhiên, cô hiểu ra thế nào là “cuồng hiếp”.

Gã đàn ông không hay biết gì đến Yolande, quần dài đã cởi ra quăng một bên, cố đè người phụ nữ xuống.

Yolande chợt nghĩ ra... Cô lẳng lặng cúi xuống bên chiếc quần, móc lấy chiếc ví. Rồi cô chạy hết tốc lực, về phía người đàn ông giắt chó. Ông ta vẫn đang lững thững đi dạo. Yolande vừa thở vừa nói:

— Phía đằng kia, bên bờ kênh, có một ông đang làm xấu với một bà. Cháu đã lấy được ví của ông ta. Cháu đi đây, cháu phải gặp mẹ cháu...

Và cô lại chạy, ra phía đường cái. Cô nghe tiếng bước chân của người đàn ông chạy về phía bờ lau, và tiếng ông ta giục con chó:

— Milord, nhào vô tấn công đi!

Rồi tiếng con chó béc giê sủa vang dội.

Ra đến đường cái, thay vì đến tiệm làm tóc, Yolande lại đi về hướng đối diện, đến chỗ có gắn tấm bảng “cảnh sát”.

Cảnh sát trực vô cùng ngạc nhiên khi nghe Yolande kể toàn bộ câu chuyện. Cô nhắc lại hai lần:

— Nhưng cháu trễ mất. Cháu phải gặp mẹ cháu lúc sáu giờ.

— Không sao. Chúng tôi sẽ chở cháu bằng xe hơi đến tiệm làm đầu.

Khi Yolande đặt chiếc ví của “ông xấu xa” lên bàn, khi cô kể làm cách nào cô lấy được chiếc ví ấy, các nhân viên cảnh sát không khỏi thán phục:

— Cô bé giỏi lắm! Xin giở nón chào!

Ít phút sau, Yolande từ xe hơi của cảnh sát bước ra. Mẹ cô hơi ngạc nhiên. Yolande không kể chi tiết, chỉ nói:

— Con thấy một chiếc ví bên đường và con đem nộp cho cảnh sát.

— Tốt. Có tiền ở trông không?

— Con không biết. Con không mở ví coi...

Sau đó hai giờ mọi việc mới rõ ràng đối với mẹ của Yolande. Bà trở về nhà cùng con gái thì có tiếng gõ cửa. Hai cảnh sát mặc đồng phục đứng ngay cửa.

— Xin chào. Các ông đến do chiếc ví mà con tôi đã lượm được?

— Không hẳn vậy. Cô bé có nhà không?

— Có. Để tôi gọi cháu.

Yolande nhận ra ngay nhân viên cảnh sát. Ông ta giải thích sự có mặt của mình:

— Nhờ cháu, chúng tôi đã bắt được “ông xấu xa”, kẻ đang cưỡng hiếp một phụ nữ trong bụi lau bên bờ kênh. Nhưng cháu phải nói cho chúng tôi biết xem đó có phải là kẻ đã theo cháu khi chiều tối và toan vô nhà cháu hay không...

Mẹ Yolande kinh ngạc:

— Nhưng Yolande, con không kể mẹ nghe chuyện gì đã xảy ra. Có chuyện gì vậy?

Yolande kể chi tiết về buổi tối đầy ắp biến cố. Nhưng viên cảnh sát chen ngang:

— Khoan. Bây giờ cháu hãy ra đứng ở cửa sổ. Cháu thấy xe hơi của cảnh sát không. Có một người đàn ông ngồi ở phía sau xe. Nhìn kỹ và nói cho chúng tôi biết có đúng là kẻ đã gọi cháu trên đường đi hay không.

Yolande chăm chú nhìn:

— Phải, đúng là gã.

— Yolande này, cô bé ghê thật. Nhờ cháu mà chúng tôi đã tóm cổ được tên đã tấn công đàn bà và thiếu nữ trong vùng này từ nhiều tháng nay. Và chuyện lấy chiếc ví, thực khó mà tưởng tượng nổi. Tôi

không biết nhiều người, nhất là cô bé gái mới mười tuổi mà lại bình tĩnh, gan dạ và mưu mẹo như cháu...

Chính vì vậy, trong những ngày tiếp theo, Yolande trở thành nữ anh hùng không chỉ trong nhà cô, mà còn trong cả trường, cả vùng, thậm chí trong cả nước Bỉ.

(Theo “*Yolande et l’homme*” của Bellemare)

CHÚNG CỬ HIỂN NHIÊN

Họ chở cô gái tới bệnh viện vào lúc nửa đêm. Còi xe cấp cứu hú vang. Cô dong dỏng cao, tóc vàng, trần truồng, chỉ mặc duy nhất chiếc áo choàng màu xanh, nằm bất tỉnh trên cáng. Người lái xe cấp cứu chỉ có thể nói về cô với y tá trực:

— Cô ta vẩy tay xin quá giang xe, và cô nhận ra mình sai lầm sau khi chui vô xe hơi.

— Sai lầm? Nghĩa là sao?

— Gã tài xế đội mũ trùm kín mặt.

— Lại là gã, phải không?

— Cô biết gã?

— Nạn nhân bị cưỡng hiếp mới đây nhất, trước khi chết đã kịp kể thủ phạm đội mũ trùm kín mặt. Anh lượm được cô gái ở đâu?

— Góc đường Powell và Echo.

— Cùng khu vực. Vậy mà cô ta còn nguyên vẹn và sống sót.

— May mắn tình cờ thôi. Đúng lúc xe cấp cứu chạy ngang, cô ta dù bị hấn lộn hết quần áo vẫn liều mạng đập tung cửa xe. Phên này thủ phạm chắc khó thoát.

* * *

Vừa tỉnh dậy sau ba ngày đêm hôn mê, cô đã thấy một nữ thám

tử ngồi cạnh chờ. Chị lịch sự tự giới thiệu:

— Tôi là nhân viên điều tra của cảnh sát, nữ trung uý Arlene Piper.

Cô gái cũng lịch sự không kém:

— Cảm ơn được gặp chị. Tôi là Iris Jean Salonel, thợ làm móng tay. Gã trùm mặt đầu rồi?

— Cô hãy yên tâm. Không có gã trùm mặt nào cả. Giờ tôi xin phép hỏi cô đôi câu.

— Cứ hỏi. Tôi sẽ trả lời nếu tôi biết.

— Gã tấn công cô trông ra sao?

— Tôi chưa bao giờ thấy mặt gã vì gã trùm đầu kín mít.

— Gã lái xe hơi loại gì?

— Tôi không rõ. Thậm chí không nhớ nổi tại sao mình vô đây.

Piper lật sổ:

— Để tôi giúp cô nhớ lại. Người lái xe cấp cứu kể rằng cô nói với anh ta cô xin quá giang một xe hơi tại khu đông-nam Powell. Một xe dừng lại và cô vô xe. Gã lái xe trùm kín mặt. Cô còn nhớ được gì không? - Ồ... Rất tiếc...

Piper gấp sổ lại:

— Cô Iris, cô đã bị tấn công. Tên tấn công cô có lẽ là gã đã từng đâm chết bốn phụ nữ sau khi cưỡng hiếp họ trong gần ba năm qua. Nhưng chúng tôi chưa biết gì về gã, bởi tất cả nạn nhân đều chết trước khi kịp khai ra bất cứ điều gì, ngoại trừ gã trùm kín mặt. Cô là người duy nhất thoát nạn. Cô giúp chúng tôi chứ?

— Nhưng tôi sợ...

— Cô không việc gì phải sợ. Chúng tôi sẽ có kế hoạch bảo vệ cô.

Mặt khác, chúng tôi tin chắc rằng, nhờ lời khai của cô, chúng tôi sẽ tóm được gã.

— Tôi tin chị. Có điều tôi chẳng nhớ được gì.

— Tôi sẽ giúp cô... Gã đi xe gì? Toyota? Honda? Hay Peugeot?

— Tôi... tôi không phân biệt được các loại xe.

— Khi cô lên xe, gã chở cô chạy theo đường nào?

— Đường Echo.

— Cô có nhớ được bảng số xe của gã không? Một số, hay một chữ cũng được.

Cô gái đưa hai tay ôm đầu một lát:

— Bảng số xe Oregon. Chữ đầu là D, hình như có một chữ H nữa. À, có một số bốn.

Nói đến đây cô ngắt xiu.

* * *

Lần tỉnh lại thứ hai Iris thấy sức khoẻ khá hơn nhiều. Cô có thời gian ăn tối xong mới thấy Piper xuất hiện. Chị vui vẻ:

— Chúc mừng cô đã tỉnh lại. Cô khá hơn không?

— Cám ơn. Tôi khoẻ nhiều. Công việc ra sao rồi?

— Chúng tôi đã tìm ra 16 xe hơi có đặc điểm như cô kể. Thế nào cũng tóm được gã. Giờ cô có thể tiếp tục giúp chúng tôi. Nệm xe bọc gì? Da, nhựa hay vải?

— Không, không bọc gì cả.

— Cô tả bên trong xe cho tôi nghe.

— Đó là xe hơi, một chiếc xe hơi. Tôi biết kể gì bây giờ!

— Phía cửa sổ sau xe có treo gì không?

— Tôi không để ý, vì ngồi trên băng trước.

— Trước xe có để gì không?

— Không... hình như không.

— Trên tấm che mặt trời?

— Không.

— Đừng trả lời lẹ vậ. Cô cứ nghĩ kỹ xem.

— Không, không cần nghĩ kỹ. Tôi nhớ ra tấm che mặt trời rồi – và giọng cô run rẩy – Khi tôi vô xe và thấy gã trùm mặt, thì cảm thấy lưỡi dao nhọn đã kề ngang hông tôi. Tôi vừa nói “Đừng, đừng” thì gã bảo “Câm miệng ngay!” và bảo “Mặt cô xanh lè, môi tái ngắt. Tôi không thích những cô gái như vậy. Tô lại môi coi!”. Và gã hơi ấn mạnh lưỡi dao. Tôi nói để soi kiếng xem thử, gã bảo có kiếng trên tấm che mặt trời, nên tôi kéo tấm này xuống, và lấy son môi ra nhưng run lập cập đánh rớt thỏi son trên sàn xe.

— Vậy là cô nghe tiếng gã, có gì đặc biệt không?

— Không, không.

— Gã có đặc điểm gì không, trên bàn tay, vết xăm chẳng hạn?

— Không, gã đeo găng tay, mặt trùm kín, lại trong tư thế ngồi. Tôi... tôi rất tiếc không giúp gì nhiều được cho anh. À, gã thuận tay trái.

— Vậy sao? Sao cô biết? Con dao không chưa đủ.

— Tôi cảm thấy như vậy, nhưng không biết diễn tả... Nếu một trong 16 tài xế của chị thuận tay trái thì là gã đấy. Tôi sẽ nhận dạng gã.

* * *

Ngày đêm thứ Sáu hôm ấy Piper tìm ra kẻ thuận tay trái trong số 16 chủ nhân chiếc xe nghi vấn. Một người đàn ông 37 tuổi tên Ed Tollefson. Cảnh sát cũng phát hiện khẩu súng Colt của gã và một chuyên gia kỹ thuật được phái đến tìm dấu vân tay của Iris trên xe hơi, hoặc bất cứ thứ gì có thể xét nghiệm DNA của cô gái để đối chiếu.

Sáng thứ Hai Iris được mời đến trụ sở cảnh sát.

Tollefson trông nhỏ con hơn nhiều so với cô tưởng. Đã vậy gã còn hói đầu, ưa pha trò và làm ra vẻ lễ độ, muốn hợp tác để lấy lòng cảnh sát. Tuy nhiên, do linh tính, cô biết ngay chính là gã, cô dám chắc điều này khi gã vừa bước vô phòng, làm như cô ngửi thấy mùi gã. Có một nữ luật sư đi cùng với gã. Iris thì thầm với Piper:

— Giọng gã hơi khàn hơn bữa trước, nhưng tôi vẫn nhận ra.

Luật sư nhìn cô:

— Để tôi nói cho cô biết tại sao chúng tôi lại tới đây: Để chứng tỏ thân chủ của tôi hoàn toàn vô tội. Cô chưa bao giờ gặp thân chủ của tôi và cô biết vậy. Thân chủ tôi cũng biết vậy. Bồi thẩm đoàn cũng biết vậy. Thân chủ tôi có chứng cứ ngoại phạm. Ngay cả lời chứng thân chủ tôi thuận tay trái cũng không được chứng minh.

Iris chăm chú nhìn đôi bàn tay của gã đàn ông, kêu lên:

— Nhìn tay trái của ông ta kìa!

Mọi người giật mình. Tollefson đưa hai bàn tay trước mặt luật sư, lật qua lật lại. Luật sư hơi bối rối:

— Có gì đâu, ông ta có thói quen gặm móng tay.

— Không đâu. Tôi là thợ làm móng tay nên tôi biết. Do ông ta thuận tay trái nên móng tay phải cắt rất gọn, đẹp; trong khi móng tay trái lại te tua.

Luật sư bật cười:

— Chỉ có vậy thôi sao? Thế thì buộc tội, giam thân chủ của tôi đi! Và xem thử tôi sẽ nhanh chóng lôi ông ta ra khỏi trại giam như thế nào!

Piper trầm tĩnh:

— Chưa ai cáo buộc ai về bất cứ tội gì – Và trong khi Iris tròn mắt nhìn chị, Piper tiếp – Ít ra, cho đến lúc này.

Luật sư đứng dậy:

— Nếu vậy, ông Tollefson, chúng ta về thôi!

Piper khoát tay:

— Khoan đã. Xin chờ ít phút – Chị bấm điện thoại, nói vô ống nghe – A-lô! Charlie phải không? Mọi việc ra sao rồi? – Chị nhú mào, đặt điện thoại xuống trở lại, quay qua Tollefson – Ông rửa xe hơi khi nào?

Luật sư nhìn viên trung uý cảnh sát:

— Trung uý, thân chủ của tôi sẵn lòng hợp tác với cơ quan điều tra, nhưng không phải để trả lời những câu hỏi vô văn.

Tollefson bỗng nhiên quắc mắt nhìn Iris. Cô nhận ra cặp mắt sau chiếc mũ trùm đầu. Gã cười cười:

— Hôm kia.

— Nghĩa là vào thứ Bảy, ngay sau lúc cảnh sát lần đầu tiếp xúc với ông?

Luật sư chen vào:

— Rửa xe vào ngày nào là quyền của thân chủ tôi!

— Rửa cả trong lẫn ngoài xe, khiến không còn một dấu tay, kể cả của ông?

Tollefson vênh mặt:

— Bộ tôi không được quyền rửa xe thật sạch cả trong lẫn ngoài sao?

Luật sư kéo tay gã:

— Ta đi thôi!

Tollefson mỉm cười gật đầu lịch sự chào Piper và nháy mắt với Iris:

— Rất vui được gặp cô. Hy vọng sẽ mời cô đi ăn tối.

Nhưng bỗng Piper đưa tay:

— Khoan. Hãy chờ thêm một phút.

Và chị quay sang Iris:

— Cô kể rằng cô đánh rớt thỏi son môi trong xe hơi?

— Phải, khi gã tài xế ra lệnh tôi tó lại môi.

Piper lập tức bấm số điện thoại:

— Charlie. Hãy kiểm tra thật kỹ dưới sàn xe ghế trước bên phải xem có thỏi son môi nào không.

Vẻ bình tĩnh của Tollefson chợt biến mất và mặt gã tái mét...

(Phóng tác từ một truyện của Charles Larson)

PHẢN PHÉ

Có một tiệm ăn nhỏ nằm về phía bắc văn phòng nơi tôi làm việc.

Tôi tới tiệm vào lúc 21g30. Tôi chưa bao giờ ăn tại đây nên không ai biết tôi, kể cả chủ quán, hầu bàn hoặc khách quen. Tôi còn cẩn thận đeo kiếng gọng đồi mồi, mặc áo khoác và đội chiếc mũ lưỡi trai sùm sụp gần đến mắt.

Đến 22 giờ tôi trả tiền ăn, rời quán. Sợ xe hơi bị nhận diện, tôi đi xe buýt. Xuống xe, vừa đi bộ đến văn phòng, tôi vừa quan sát xem thử có kẻ nào đáng nghi đang theo dõi tôi hay không, nhưng không, không một ai...

Văn phòng yên tĩnh và tối thui. Chùm chìa khoá của tôi có thể mở được cổng chính và cửa vào mé sau. Một tay cầm có thể đặt câu hỏi kẻ nào lại mở cửa đi vô Công ty Norton Electronics vào lúc hơn 10 giờ đêm, nhưng một khi đã lọt qua cổng chính thì chẳng có gì đáng lo nữa.

... Và thế là tôi bước vô phòng của ông Norton, giám đốc hãng, nơi mới khi sáng ông ta bỏ vô ngăn kéo bàn 5.000 đô-la. Tôi cần số tiền này, để trả nợ do thua bài và trả góp để xe hơi khỏi bị tịch thu.

Tôi bấm chiếc đèn pin nhỏ, vừa đủ lọt ra khe sáng, dò đường tiến đến gần chiếc bàn. Tôi rút chìa khoá ngăn kéo (chìa khoá giả tôi làm hồi tháng trước, khi ông Norton đi ăn trưa bỏ lại trên bàn. Ông vốn tin cậy cả 22 nhân viên trong hãng, thường nói: “Hãng là một gia đình. Tôi tin các bạn.”). Tay tôi run run khi nghĩ thầm biết đâu ông

Norton đã đổi ổ khoá, và tự nhiên tôi đâm hoảng. Nhưng chìa khoá vô ngọt xốt ... Và đây là 5.000 USD nằm thành từng bó 1.000 đô. Tôi vừa định cầm tiền bỏ vô túi áo khoác thì có tiếng động phía ngoài cửa và ánh điện ngoài hành lang bật sáng. Tim tôi đập liên hồi. Tôi đứng chết lạng như trời trồng, quên cả bỏ tiền vô túi. Vài giây sau có tiếng chân bước vô cùng lúc với mùi nước hoa sực nức quen thuộc.

Chỉ một người trong công ty xài thứ nước hoa này. Cửa phòng bật mở và Penny Orlando, nữ thư ký của ông Norton, đứng trước mặt tôi!

Cô nhìn tôi, đôi mắt mở rộng, môi hơi hé. Rồi cô nhìn xuống ngăn kéo bàn, nhìn bó tiền nơi tay tôi. Cô lên tiếng:

— Jack, anh... đang làm gì vậy?

— Không... có gì đâu...

— Trông anh hơi lạ, lại vào giờ này... Có phải... tiền của ông Norton?

Tôi có ba cách chọn: Khử Penny – nhưng tôi không phải tên giết người và chẳng hề chuẩn bị chút nào cho việc này; nói láo, chối tuốt tuốt – nhưng tôi không biết nói láo ra sao; và cuối cùng trâng tráo nhận tội.

Cô ta là nhân chứng duy nhất, tôi bỗng nghĩ ra. Một thư ký tầm thường. Còn tôi là trưởng phòng kinh doanh của công ty. Người ta sẽ tin ai? Penny hay tôi nào?

Tôi đóng ngăn kéo, khoá lại và nhìn Penny:

— Cô không thấy gì hết. Vậy đó.

Mặt cô đỏ lên, môi dưới run run:

— Nhưng, anh không thể làm vậy, Jack.

— Tôi chưa bao giờ đến đây, Penny. Và cô không hề trông thấy tôi.

À, mà cô làm gì ở đây, vào giờ này?

— Tôi quên một lá thư cần gửi ngay trong đêm nay.

Có lẽ cô ta nói thật. Penny là mẫu người luôn nói thật. Đáng tin. Có trách nhiệm.

— Nhưng anh không định lấy tiền chứ?

— Có đấy. Tôi cần tiền.

— Jack, nếu vậy, tôi gọi cảnh sát.

— Sao? Cứ gọi đi. Ai mà tin cô. Chính cô lấy tiền rồi đổ vấy cho tôi!

Cô tròn mắt nhìn tôi như không tin điều tôi vừa thốt ra và đứng thộn mặt. Tôi bỏ ra ngoài, vừa đi vừa nghĩ về điều Penny dọa. Giả sử cô gọi cảnh sát thật, hoặc gọi báo ông Norton, chưa biết chừng đã gọi rồi. Nếu vậy tôi sẽ bị cảnh sát đến bắt quả tang, hết đường chối. Nhưng nếu họ không tìm thấy tiền?

Một kế hoạch hình thành trong tôi, từ từ. Tôi tưởng tượng Penny nói hết với ông Norton. Nếu ông Norton tin cô ta, tôi tiêu đời. Nhưng nếu tôi không cất giữ tiền, thì người bị nghi vấn nhiều nhất lại chính là Penny. Và tôi có cách để dẫn dụ ông Norton theo chiều hướng này.

Tôi biết Penny rất ưa dùng loại nước hoa đặc trưng, để ngay trong học bàn của cô, phía ngoài phòng ông Norton, học bàn lại không khoá. Tôi đứng im, gần như không thở trong bóng tối của tiền sảnh, chờ Penny vừa ra tới sân là lén trở lại phòng của cô. Tôi dễ dàng tìm thấy lọ nước hoa trong học bàn, nhỏ vài giọt lên hai tờ

giấy, nhẹ nhàng chuôi chiếc chìa khoá giả vào sâu trong hộc bàn của Penny.

Văn phòng im ắng và tối như một nấm mồ. Hình như có tiếng động mơ hồ, nhưng bóng tối cũng có tiếng động của nó, tôi thăm nhủ, cẩn răng nhẹ nhàng trở qua phòng của tôi. Tôi mở ngăn kéo bên trái, dấu 1.000 USD gói trong tờ giấy tắm nước hoa vô đó. Số tiền còn lại, tôi gói vô tờ giấy còn lại, để dưới đáy thùng rác.

Như vậy nếu ông Norton tin Penny và lục soát phòng của tôi, ông ta sẽ tìm ra 1.000 USD trong ngăn kéo, với mùi nước hoa của Penny. Nếu tìm tiếp trong thùng rác, phát hiện số tiền còn lại, cũng sặc mùi Penny nốt. Nhưng ít ai quăng tiền vô thùng rác, nên rất có thể ông ta bỏ qua chỗ cất giấu này, và tôi có cơ may kiếm được 4.000 USD, mà bao nhiêu nghi ngờ lại đổ hết lên đầu Penny!

* * *

Sáng hôm sau tôi đến công ty mà lòng ngổn ngang suy tính. Tôi cố ý tránh mặt Penny, hồi hộp chờ đợi. Đến gần 11 giờ trưa điện thoại của tôi reo vang: ông chủ gọi tôi lên phòng của ông.

Ông Norton ngồi sau bàn giấy, nét mặt bồn chồn, và trên ghế bành phía trước là cô Penny. Tôi lại ngửi thấy mùi nước hoa của cô.

Vậy là cô ta đã báo hết với ông chủ. Ông Norton lên tiếng:

— Jack, vừa xảy ra một chuyện không hay...

Giọng ông hơi do dự. Tôi cố làm ra vẻ ngây thơ pha ngạc nhiên:

— Thật vậy sao? Có chuyện gì?

Penny và Norton trao đổi ánh mắt thật nhanh, rồi ông chủ hỏi:

— Jack, anh có chìa khoá học bàn tôi phải không?

— Học bàn của ông? Không. Sao vậy?

— Anh có mặt tại văn phòng công ty tối qua, khoảng 10 giờ rưỡi?

Tôi vẫn chối bai bãi:

— Tôi? Ở đây? Tối qua? Nhưng rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì?

Ông Norton nhìn ngay mặt tôi:

— Jack, có ai đó đã tới đây đêm qua, mở học bàn của tôi, và lấy mất 5.000 USD – Ông đứng dậy, bước lại gần tôi – Cô Penny có mặt ở văn phòng đêm qua, và cô ấy nói đã nhìn thấy anh làm việc đó!

Tôi phản ứng quyết liệt:

— Rất tiếc. Tôi không rõ tại sao cô Penny ghét tôi, nhưng cô nói láo. Tôi không thể mở học bàn của ông, dù tôi muốn. Tôi không hề có mặt tại đây. Và hơn hết, tôi không phải thành ăn cắp.

— Anh có thể chứng minh được không?

— Tôi không việc gì phải chứng minh mình vô tội. Chỉ là ông nghe cô gái này buộc tội tôi. Rất có thể cô ta vừa ăn cướp vừa la làng, ai mà biết được!

Penny đứng bật dậy, quắc mắt:

— Anh đang nói dối và anh thừa biết điều này. Jack, tôi đã nhìn thấy anh đêm qua, tại đây!

Không thèm để ý đến Penny, tôi ra về thành thật nói với ông Norton:

— Ông hẳn sẽ rõ hơn câu chuyện thù ghét của cô Penny nếu ông biết giữa chúng tôi...

Mặt Norton đỏ rần và ông cau mày chặn ngang, quay sang Penny:

— Cô cảm phiền cho chúng tôi một phút, được không Penny? Tôi muốn nói chuyện riêng với Jack.

Về miễn cưỡng, Penny rời phòng, khép cửa. Tôi nhìn thấy mồ hôi trên trán Norton khi ông bảo tôi:

— Giữa anh và Penny đã xảy ra chuyện gì?

— Tôi mời cô ấy đi ăn tối. Hình như tôi đã có cử chỉ bậy bạ do uống hơi nhiều rượu, chỗ đàn ông nói thật với nhau. Nhưng tôi cũng dừng lại ngay khi cô phản đối. Tuy nhiên cô rất giận, dọa tống tôi vô tù... Tôi nghĩ cô ta muốn trả thù tôi.

Ông Norton im lặng một lát trước khi lên tiếng, vẻ mặt nghiêm trọng:

— Jack, tôi chưa biết tính sao. Tôi tin Penny, cô là người trong “gia đình”. Nhưng anh cũng trong “gia đình”, và cũng tin anh không kém. Tôi nghĩ cách tốt nhất để giải quyết là... chúng ta sẽ nhìn qua phòng làm việc của anh.

Tốt quá. Tôi nghĩ. Đúng phóc như kế hoạch. Nhưng tôi vẫn làm bộ:

— Phòng làm việc của tôi? Để làm gì?

— Nếu anh lấy số tiền ấy, tôi nghĩ anh không dại gì mang ra khỏi văn phòng sau khi bị cô Penny bắt gặp. Chỉ cần Penny gọi cảnh sát là bị bắt quả tang. Vì vậy nếu anh lấy tiền, và tôi nói chỉ nếu anh lấy, hẳn anh phải dấu đầu đó, trong phòng làm việc của anh.

Tôi làm ra vẻ bị xúc phạm và nổi giận:

— Hãy gọi cảnh sát tới, nếu ông cáo buộc tôi

— Tôi không cáo buộc ai cả, dù anh hay Penny. Cứ coi qua phòng của anh. Nếu số tiền không có trong đó, chúng ta sẽ nghĩ tiếp xem

phải làm gì.

Và thế là chúng tôi cùng vô phòng làm việc của tôi.

Vừa bước vô phòng, ông Norton tiến đến bàn giấy của tôi. Tôi hồi hộp đưa ánh mắt theo dõi từng cử chỉ nhỏ của ông.

Tiền không có ở trống, cả tờ giấy gói tiền với mùi nước hoa của Penny cũng không. Tim tôi đập loạn xạ. Đã xảy ra cái quái quỷ gì? Norton thở ra. Ông nhìn quanh và bước lại thùng rác... Tôi bắt đầu đổ mồ hôi, nín thở chờ ông lôi từ trong đó ra gói tiền tôi cất giấu.

Nhưng ông không lôi ra gói tiền mà là chiếc chìa khoá ngăn kéo!

— Trông giống chìa khoá bàn của tôi!

Đầu óc tôi rối tung rối mù. Sao vậy kìa? Norton đưa mắt nhìn khắp phòng, dừng lại nơi gần máy điều hoà gắn trên cao. Ông như nói một mình:

— Một miếng lót máy hơi nghiêng.

Bao tử tôi muốn lộn ra ngoài khi ông trèo lên bàn, đưa tay sờ thử chỗ nghi vấn, lôi ra chiếc phong bì dày cộm. Nhảy xuống sàn trở lại, ông mở phong bì: 5.000 USD nằm gọn gàng trong đó. Ông chủ nhìn tôi:

— Anh còn chối nữa không? Jack? Anh hãy ngồi im trong phòng để tôi gọi cảnh sát. Anh có cần luật sư không?

Tôi không trả lời ông vì còn đang mải nghĩ về những gì đã xảy ra làm đảo ngược kế hoạch của mình. Hẳn là Penny. Cô ta đêm qua đã rình tôi và bố trí lại màn kịch. Phải, tôi nhớ hình như đã nghe tiếng động mơ hồ trong văn phòng khi đang hành động. Phải...

**(Phóng tác theo “*Your Word Against Mine*” của Malcolm
McClintick)**

PHILBY BIẾN ĐI ĐÂU?

James Philby là một anh chàng khoảng tam tuần, chỉ xuất hiện tại thị trấn vào đầu mùa hạ, chở theo đủ thứ hàng lật vật trên xe hơi để bán tại chỗ. Đôi khi tôi bắt chuyện với Philby, và suốt mùa đông anh ta biến mất, nhưng nay đã lại là tháng Năm rồi.

Lần này Philby lái chiếc xe tải nhỏ màu xanh lá cây, thùng xe chất đầy hàng hoá lật vật. Anh ta khá bảnh trai nhưng hơi thấp người với mái tóc đen dài chải ngược và hàng ria mép lún phún. Vợ những bác nông dân thường mời anh ly cà-phê nóng khi chồng con họ làm việc ngoài đồng.

Tôi gặp anh ta ngay đường rẽ từ xa lộ vô nhà bà goá phụ Gaines. Tên bà là Abby Gaines và chưa đến 50 tuổi, nhưng từ khi chồng mất, mọi người đều gọi bà là goá phụ Gaines. Trang trại của chồng bà bán cho Douglas Crawford, nghe đâu có rắc rối gì về tiền nong, và bà sống một mình trong căn nhà với mảnh vườn nhỏ, phía trước là hàng rào bằng cọc sắt. Philby dừng xe, thò đầu ra khỏi cửa:

— Chào bác sĩ. Nhớ tôi chớ?

— Phải James Philby không?

Anh ta cười:

— Đúng rồi. Bà Gaines muốn mua một cây cột thu lôi, tôi để mẫu cho bà ấy xem nhưng quên lấy lại.

Anh ra khỏi xe, đi vô nhà. Tôi la lên: “Philby! Anh chặn ngang đầu xe của tôi!”. Quả vậy, chiếc xe tải nhỏ choán gần hết chỗ rẽ và

hàng rào sắt khiến tôi không cách nào vòng xe ra được. Philby không ngoái cổ lại, đáp: “Chỉ vài giây thôi mà.”

Tôi đành ngồi yên trên xe, nhìn theo Philby và thấy anh ta mở cửa chính căn nhà, bước vô trong.

Một giây thành 10 giây, thành phút... tôi mất kiên nhẫn. Thực ra tôi đến thăm bà Gaines không có gì gấp, mà chỉ kiểm tra lại bệnh cảm cúm mà tôi đang điều trị cho bà. Chờ thêm hai phút nữa, tôi xuống xe và bước theo lối Philby vừa dùng, la lớn: “Philby! Lái xe của anh để tôi còn đi chớ!”

Abby Gaines từ trong bếp chạy ra: “Bác sĩ, tôi... tôi không biết ông tới.”

— Anh chàng Philby chặn lối vô nhà bà. Anh ta đâu?- Philby hả? Anh ta đi khỏi đây khoảng 10 phút rồi.

— Tôi biết, nhưng anh ta quay lại, do bỏ quên chiếc cọt thu lôi mẫu.

Bà hơi bối rối:

— Đúng rồi, anh ta dựa nó vô tường, giờ cây cọt đâu còn ở đó nữa. Nhưng tôi không biết anh ta quay lại.

Tôi nhìn thang gác dẫn lên tầng trên:

— Hay anh ta ở đâu đó trong nhà chăng?

— Đâu, chúng ta thử kiểm xem.

Bà dẫn tôi đi vòng quanh khắp căn nhà, từ tầng trệt lên hết tầng lầu, rồi cả nhà bếp, vựa lúa... Không thấy Philby đâu cả! Abby Gaines nói:

— Hẳn ông nhìn lầm.

Tôi kéo màn cửa, chỉ ra đường:

— Bà có thể thấy xe hơi của anh ta vẫn còn đậu ở đó!

Bà lắc đầu ra vẻ không thể hiểu nổi, còn tôi quyết định quên anh chàng Philby ấy đi, ra xe lấy túi đồ nghề vào khám cho bà Gaines. Bệnh đã bớt nhiều, tôi khuyên bà tiếp tục dùng thuốc thêm một tuần nữa.

Trở về văn phòng, tôi kể lại câu chuyện Philby biến mất với cô y tá Mary Best. Cô đáp:

— Hẳn phải có cách giải thích chỗ.

— Để tôi gọi điện lại hỏi bà Gaines xem sao.

Bà đáp:

— Tôi chắc Philby đã quay lại vì chiếc xe đã chạy đi rồi.

— Nhưng bà không thấy anh ta sao?

— Không, vì tôi nằm nghỉ một lát và hình như thiếp ngủ trong ít phút.

* * *

Vẫn bị ám ảnh bởi việc Philby tự nhiên biến đâu mất, tôi quyết định đến gặp cảnh sát trưởng Lens. Chúng tôi là bạn thân đã hàng chục năm nay. Nghe xong câu chuyện, Lens cau mày:

— Bác sĩ cứ tha hồ tưởng tượng. Nhưng không có việc vi phạm pháp luật trong câu chuyện, không có tội trạng nào. Và tôi nghĩ nếu anh nhìn kỹ hơn...

Tiếng chuông điện thoại ngắt ngang và tôi đã đứng dậy dợm ra về thì chợt ngưng bước. “Cảnh sát trưởng Lens đây,” mắt ông nhìn tôi ra dấu. Chắc có chuyện gì vừa xảy ra. “Bình tĩnh nào, bà Crawford.

Chúng tôi đến ngay bây giờ. Tôi và bác sĩ Hawthorne.” Tôi hỏi khi Lens vừa gác điện thoại:

— Chuyện gì vậy?

— Bà Crawford vừa gọi. Chồng bà mới bị Philby bắn chết.

* * *

Bà Crawford kể:

— Philby dừng xe, bước vào nhà mang theo cây cột thu lôi mẫu. Tôi gọi chồng tôi đang ở phía sau bếp. Ông bước ra, thế là Philby bắn liền, xong hắn vọt lên xe chạy về hướng này.

Tay bà chỉ về hướng nam, hướng nhà của goá phụ Gaines. Cảnh sát trưởng Lens kéo tôi lên xe chạy theo hướng bà vừa chỉ. Xe vừa qua khỏi khúc quanh là tôi nhận ra chiếc xe tải nhẹ màu xanh lá cây, cũng choán chỗ đường rẽ vô nhà goá phụ Gaines y như lần trước. Khi tới gần, chúng tôi còn kịp thấy Philby lao ra khỏi xe, tay cầm cần thu lôi.

Lens thẳng gấp sát bên xe Philby, vọt khỏi xe, rút súng, quát:

— Dừng lại! Philby! Anh đã bị bắt!

Anh chàng nhỏ con quay nhìn chúng tôi, vội vàng mở cửa, chui tọt vào trong, đóng sầm cánh cửa lại. Tôi cũng nhanh nhẹn chạy đến nối gót Lens, nhưng cửa nhà đã cài then bên trong. Tôi bấm chuông.

Abby Gaines mở cửa, hỏi:

— Có chuyện gì vậy?

Chĩa súng vào trong nhà, Lens đáp:

— Chúng tôi muốn bắt James Philby. Anh ta vừa chạy vô nhà.

Bà Gaines tỏ vẻ ngạc nhiên giống y lần trước:

— Đâu có ai chạy vô đây. Cửa trước luôn khoá mà.

Cảnh sát trưởng Lens súng vẫn trên tay:

— Tôi phải vô lục soát mới được.

— Dĩ nhiên, nếu ông không tin tôi – Bà quay sang phía tôi như muốn nhờ tôi nói giúp – Mặc mớ gì tôi phải nói láo?

Tôi giải thích gọn:

— Douglas Crawford vừa bị bắn chết. Vợ ông ta nói thủ phạm là Philby.

Bà Gaines ngồi phịch xuống ghế, đưa hai tay lên:

— Trời đất!

Tôi ngồi với bà trong khi Lens lục soát căn nhà một cách cẩn thận và có phương pháp, bước qua cả sân cỏ để mở cửa nhà kho phía sau. Nhưng rồi ông tỏ ra thất vọng, vừa bỏ súng vô bao vừa nói với tôi:

— Không thấy gì cả, bác sĩ.

— Giống y lần trước. Cứ làm như anh ta bốc hơi vậy.

Bà Gaines hỏi:

— Nhưng tại sao Philby lại giết Crawford?

— Tôi cũng chưa rõ. Để tôi coi qua xe hơi của anh ta xem thử.

Lens bước ra chiếc xe tải nhẹ. Một lát sau, ông kêu lên:

— Khẩu súng đây rồi. Vừa mới bắn xong. Tôi không hiểu sao anh ta lại bỏ nó ở đây.

Trong khi ấy tôi đi lòng vòng trong nhà, coi thật kỹ mọi xó xỉnh.

Bà Gaines dường như không hài lòng:

— Ông nghĩ tôi nói láo sao?

— Tôi không nghĩ gì cả. Nhưng rõ ràng đã hai lần tôi thấy Philby vô đây rồi biến mất. Anh ta chọn nhà bà hẳn phải có ý riêng. Thí dụ anh ta nghĩ bà che giấu cho anh ta.

— Tầm bậy! Anh ta chỉ là một gã bán hàng rong.

— Còn bà là một goá phụ cô đơn.

Bà Gaines quắc mắt:

— Tôi cấm ông ăn nói bậy bạ, bác sĩ.

Cảnh sát trưởng Lens vừa quay lại, và có lẽ đó là điều tốt cho cả hai chúng tôi.

Cô y tá Mary Best lần này nghe tôi kể xong, trầm ngâm giây lát:

— Vậy là Philby lại biến mất nữa?

— Phải, cả cảnh sát trưởng Lens cũng chào thua.

Cô cau mày, nói tôi lấy giấy bút ra vẽ lại sơ đồ căn nhà, hỏi chi li từng chút, xong nói chắc như đinh đóng cột:

“Philby chẳng biến mất đi đâu cả. Anh ta chính là bà Abby Gaines cải trang. Cho nên hai người mới không bao giờ xuất hiện cùng lúc. Khi trước anh có nhắc đến chuyện mua bán đất đai giữa chồng bà Gaines và Crawford có rắc rối gì đó, và đó cũng chính là nguyên nhân khiến bà ta ra tay giết ông ấy.”

(Phóng tác)

CANH BẠC

Tôi chưa hề là một luật sư hình sự.

Tốt nghiệp trường luật, tôi trở về thành phố quê hương, làm trong văn phòng luật sư Madison & Hargis. Văn phòng có 10 luật sư, khá lớn so với Asheville vào hồi ấy. Cũng giống như hầu hết văn phòng luật sư tại tỉnh lẻ, việc kiện tụng chẳng có bao nhiêu, và luật sư chủ yếu đại diện cho công ty bảo hiểm trong các vụ tranh chấp dân sự.

Và tôi cũng nằm trong số đó, tuy tôi tính cố phấn đấu để cãi cho các vụ tai nạn giao thông và vi phạm hợp đồng làm ăn, nhưng nào mấy ai đoán được tương lai...

Đĩ nhiên tôi chỉ làm công ăn lương trong văn phòng, và hết sức khó khăn khi tìm kiếm thân chủ. Rồi một hôm cô tiếp tân báo với tôi:

— Có ông Ratcliff muốn gặp luật sư.

Tôi chẳng hề quen biết ai mang tên này nên hỏi lại:

— Ratcliff nào kia?

— Ông ta xưng là Jim Bob Ratcliff, tôi dẫn ông ấy vào được chớ ạ?

Tất nhiên là được. Vài phút sau, một người đàn ông lớn tuổi, râu ria, to như ông hộ pháp bước vào phòng tôi, giọng oang oang:

— Thưa ông Bearden, tôi mời ông bởi nghe nói ông là con trai của ông già Gabe Bearden. Ông già thường mua rượu của tôi trước khi qua đời.

Cửa phòng chưa khép và tôi nghe có tiếng cười khúc khích phía ngoài. Tôi vội đóng cửa. Họ cười là phải. Cả năm nay tôi cố thuyết phục mọi người rằng tôi là một luật sư thú thiệt, đến khi có thân chủ thì khách hàng đầu tiên của tôi lại là một tay buôn rượu lậu, tìm đến tôi chẳng qua do cha tôi khoái mua rượu của ông ta!

Tôi mời khách ngồi xuống. Chiếc ghế như không chịu nổi thân hình lực lưỡng của Ratcliff, với cơ bắp cuồn cuộn tuy đã ngoài ngũ tuần. Chính sức khoẻ của Ratcliff đã góp phần chính khiến tôi trở thành một luật sư “chuyên gia” về các vụ án hình sự. Nhưng đó là chuyện về sau. Còn bây giờ, ông rút ra một xấp hồ sơ đặt lên bàn làm việc của tôi, nói:

— Cóm bắt tôi về tội làm rượu lậu hồi năm ngoái, và tôi muốn luật sư Bob Butler. Ông lo cho tôi đóng tiền thế chân để tại ngoại. Nhưng giờ họ lại bắt quả tang tôi, và họ muốn thực hiện cái gọi là “tái phạm”, tống tôi vô tù, cho nên tôi mới đến với luật sư.

Tôi hỏi:

— Sao ông không tiếp tục mời Butler? Ông ta là một trong những luật sư hình sự giỏi nhất. Ông ta đã lo được để thẩm phán Samson Moore cho ông tại ngoại mà ?

— E hèm... như vậy... Anh biết C. L. Winters chớ?

Tôi gật đầu. Ai mà chẳng biết Winters, gần như “bố già” của Asheville. Từ nhiều năm nay, ông cai quản một hộp đêm nằm ngay khu trung tâm Gibson County. Ông công khai bán rượu mạnh trong khi chỉ bia và rượu vang được coi là hợp pháp tại bang Bắc Carolina. Ông là chủ nhiều bàn ru-lét mặc dù đánh bạc là phạm luật. Ai cũng nói ông ta đã trả tiền “mua đứt” cảnh sát trưởng. Rồi Quốc hội thông qua luật mới, dẹp hết các vụ làm ăn bất hợp pháp, cùng lúc

Gibson County có cảnh sát trưởng mới, và Winters lặn mất tăm vài năm. Khi tái xuất giang hồ, Winters buôn bán bất cứ thứ gì không hợp pháp miễn là lãi nhiều.

Ratcliff tiếp:

— Ông Winters rất chú ý đến vụ của tôi – tôi thăm hiểu nhu vậy cũng có nghĩa Winters có phần hùn làm ăn với Ratcliff – Ông nói tôi không nên đến với Butler nữa bởi ông ấy lấy mất quá, và lại cũng chẳng ăn thua gì. Ông nói khi đã bị bắt quả tang lúc đang tại ngoại thì chỉ có nước đi tù thôi, không ai cứu nổi và tôi dù có muốn luật sư vô ích. Tòa sẽ mở phiên xử vào thứ Hai tới. Nhưng tôi dò hỏi và có người mét nếu muốn luật sư, có khi giảm được mức án. Tôi nói lại với Winters, ông đồng ý, nhưng chỉ muốn luật sư với giá không quá 500 USD. Tôi thấy anh còn trẻ, lại là chỗ quen biết gia đình...

Tôi hiểu ra vấn đề. Nhưng văn phòng luật sư này vốn coi thường tôi không thể kiếm được khách hàng, còn giá cả tất nhiên tôi sẽ dấu nhẹm.

Tôi xin nói thêm, Ratcliff tìm đến gặp tôi vào chiều thứ Tư, như vậy tôi chỉ có rất ít thời gian để xoay trở. Văn phòng luật sư Mandison & Hargis chưa nhận bào chữa cho vụ án hình sự nào. May thay tôi tìm được ông Sluder, một quan chức chuyên phụ trách những người đang trong thời gian thử thách, bạn cũ của cha tôi. Ông kể:

— Xử kẻ phạm pháp khi đang trong thời gian thử thách không cần bồi thẩm đoàn. Luật sư có thể hỏi thân chủ bao nhiêu câu hỏi tùy ý, nhưng thẩm phán Moore không thích anh hỏi nhiều đâu. Đàng nào ông ta cũng tống thân chủ của anh vô tù thôi.

Tôi hỏi:

— Thẩm phán Moore ra sao?

— Ông ấy thích những luật sư thực hiện đúng đắn quyền hạn của mình. Đúng đắn theo nghĩa đen. Cho nên nếu anh đừng hỏi những câu quá khó, rồi bào chữa ngắn gọn rằng thân chủ anh chỉ là một kẻ đáng thương, hy vọng ông ta sẽ định mức án tương đối nhẹ, sáu tháng chẳng hạn.

Sáng thứ Hai, khi Ratcliff và tôi tới toà thì thấy phòng xử đông nghẹt binh sĩ, nhân viên FBI, phóng viên báo chí... Họ tới đây chẳng phải để theo dõi vụ án của thân chủ tôi: Cuối tuần rồi toà mở phiên xử hai tên chuyên cướp ngân hàng, và sáng nay toà tuyên án chúng trước khi nghe vụ Ratcliff.

Vậy là Ratcliff và tôi dành ngồi nghe đọc bản án kết tội hai tên cướp suốt nửa giờ trước khi đưa ra mức hình phạt 20 năm cho mỗi tên. Cảnh sát áp giải chúng ra khỏi phòng xử dẫn vào phòng cách ly, và đến lượt chúng tôi.

Công tố viên phát biểu trước. Ông kể hai nhân viên đã mai phục suốt ba đêm để theo dõi Ratcliff và họ đã bắt quả tang thân chủ của tôi.

Tôi không chối tội của Ratcliff (có muốn chối cũng chẳng được), mà bào chữa theo hướng dẫn của Sluder. Tôi đọc bài diễn thuyết ngắn nói về tất cả những gì tốt đẹp của Ratcliff. Tôi chỉ ra rằng ông ta không hề chống cự lại những người bắt mình. Tôi nhấn mạnh Ratcliff không giàu có, điều này cũng có nghĩa tuy rượu của Ratcliff trốn thuế nhưng không phải rượu dỏm có thể gây chết người hoặc tổn thương não bộ.

Toà họp kín 10 phút để định mức án. Ratcliff nói nhỏ với tôi: “Luật sư bào chữa giỏi lắm.” Bản án cho thấy điều này khi chánh án

Moore tuyên đọc: “Bởi những gì mà luật sư đã phát biểu về nhân thân của bị cáo, tòa xử bị cáo sáu tháng tù giam.”

Cảnh sát áp giải Ratcliff vào phòng cách ly nơi nhốt hai tên cướp ngân hàng khi này. Chánh án Moore bãi tòa, và tôi cũng vào phòng cách ly nói với thân chủ rằng tôi rất tiếc do không thể làm tốt hơn được, và hỏi xem ông ta có muốn nhấn nhủ gì với gia đình hay không.

Lúc tôi vô phòng cách ly, hai nhân viên cảnh sát áp giải đã bước ra phía ngoài. Một người giữ cho cánh cửa mở. Ông đã còng thân chủ tôi vào giữa hai tên cướp để áp giải cả ba cùng một lượt cho tiện. Người kia đứng ở cuối phòng, súng ngắn rút ra cầm tay. Nhân viên thứ nhất đã còng xong ba người chung với nhau. Nhưng hình như những viên cảnh sát áp giải này vốn chỉ quen với những tay nấu rượu lậu hơn là bọn cướp ngân hàng hung hãn. Người cầm súng đứng ngay trước cửa ra vào mở vào phía trong, ngoài ra còn có một nhân viên cảnh sát thứ ba đứng ngay gần cửa phía ngoài. Đúng lúc đó, viên cảnh sát này đẩy mạnh cánh cửa, và cánh cửa đập mạnh vào tay cảnh sát đang cầm súng khiến khẩu súng rớt xuống nền nhà, văng ngay vào tầm tay của một tên cướp. Gã này lập tức cúi người xuống lượm súng lên, chia ngay cầm nhân viên áp giải:

— Không ai được động đây, nếu không tôi sẽ bắn!

Chúng tôi đứng như trời trồng trước diễn biến quá bất ngờ, trong khi tên cướp ra lệnh tiếp:

— Mang chìa khoá lại đây!

Và hắn quay qua đồng bọn sau khi hai tay đã thoát khỏi còng:

— Chúng ta hãy mau chóng rời đây, dẫn theo tay cớm này. Chúng ta cần con tin.

Đúng lúc ấy Ratcliff hành động. Cánh tay lực sĩ của ông ta giáng xuống ba lần nhanh như chớp: lần đầu tay phải của ông đánh văng khẩu súng trên tay tên cướp, hai lần sau là hai tay cùng lúc đập ngay ót hai tên cướp đang đứng hai bên ông khiến cả hai đều đổ gục.

Sự việc được nhanh chóng báo cáo lên thẩm phán. Tôi yêu cầu quan toà xét khoan hồng cho Ratcliff nhờ hành động dũng cảm mới rồi của ông ta. May quá, phán quyết bản án của Ratcliff còn chưa kịp đóng dấu. Chánh án Moore đồng ý với lý luận của tôi “Chúng ta cần nhốt tù Ratcliff để ông ta hoàn lương, nay ông ta đã hoàn lương.”

Vừa bước ra khỏi phòng xử, có người chặn tôi lại. Tôi nhận ngay ra Winters mà hình ảnh đã nhiều lần xuất hiện trên báo chí. “Bố già” bắt tay tôi chúc mừng:

— Andy Bearden, anh là một luật sư cừ khôi đấy. Tôi rất mong từ nay sẽ là luật sư riêng chuyên lo về các vụ việc hình sự cho tôi.

(Phóng tác)

TAI NẠN TRONG TUẦN TRĂNG MẬT

Hélène và Râymond Garcia chạy như bay trên con đường Tây Ban Nha vào đầu tháng Chín năm 1988. Thời tiết rất đẹp. Mùa hạ kéo dài và những người nghỉ hè đã làm việc trở lại từ cuối tháng Tám. Nên đối với cặp vợ chồng đi nghỉ tuần trăng mật này mọi chuyện dường như đều tuyệt vời.

Hélène và Râymond vừa kết hôn ngày 1-9 ở Perpignan, một tỉnh thuộc miền nam nước Pháp. Giờ Râymond đang ngồi sau tay lái chiếc Renault màu trắng, vui vẻ nhớ lại những kỷ niệm vui trong ngày cưới: “Em có nhớ chiếc áo dài của dì Isabelle không? Nó y như chiếc bình cắm bông.”

Râymond cười lớn, gặp người trên vô lăng. Hélène quay đầu nhìn chồng, âu yếm. Anh ấy mới đẹp trai làm sao!

Cũng nên nói thêm, Râymond là đại diện thương mại, nên nói chuyện rất có duyên. Chiều xuống nhanh vào tháng Chín. Chẳng mấy lúc bóng tối đã thay cho ánh mặt trời. Họ sắp tới khách sạn mà họ đã đăng ký tại Costa Brava, nghỉ tại đó 20 ngày để hưởng trọn vẹn tuần trăng mật.

Râymond Garcia nhấn mạnh bàn đạp. Con đường dài hơn dự kiến, nhưng dù sao họ cũng sẽ đến khách sạn trước Mười giờ đêm. Họ đang chạy trên con đường chính xuyên ngang một ngôi làng lớn. Đường thẳng băng như một dải lụa loang loáng dưới ánh đèn pha. Râymond vẫn không giảm tốc độ: Đường vắng tanh, không một bóng người qua lại.

Bồng Hélène nghiêng đầu qua phía chòng: “Cẩn thận, có tấm bảng ‘hạn chế tốc độ dưới 45 km’, mà anh đang chạy đến 120 km”.

Râymond Garcia cười lớn: “Đó là 45 km bằng tiếng Tây Ban Nha, mà anh không biết tiếng Tây Ban Nha.” Anh còn đang thú vị về câu nói đùa của mình thì vợ anh la lớn: “Có người đi với đèn pha sáng chói kìa!”

Một chiếc xe tải nặng chạy ngược chiều, đèn pha sáng quắc. Râymond Garcia kêu lên một tiếng, quặt tay lái sang bên phải. Hélène rú lên. Có một tiếng rung nhẹ, giống như họ vừa đụng phải lề đường. Chiếc tải nặng tiếp tục lăn bánh. Tiếng ầm ầm của nó tắt dần trong bóng đêm.

Râymond Garcia tắt máy xe. Anh giận đến tái mặt, bước ra khỏi xe và xem xét phía bên phải xe: “VẬY ĐÓ! Nguyên dàn cánh của tiêu hết. Em có đọc được số xe tải không?”

Bồng anh ngưng ngang. Hélène thấy anh bước vô phía lề đường, và đột nhiên, chị hiểu đã có chuyện bất thường vừa xảy ra. Chị la lên: “Râymond, anh yêu! Có chuyện gì thế? Râymond. Đừng để em ở đây một mình em sợ lắm!”

Râymond Garcia chậm chậm tiến lại gần một bóng người nằm dài trên đường, sát bên lề. Anh đã nhận ra một chiếc xe đạp đổ kế bên, bánh xe vẫn còn quay... Anh nghiêng người xuống nạn nhân:

“Thôi rồi... Vô phương cấp cứu.”

Đó là một thanh niên trạc 17 tuổi, da nâu, đầu đầy máu, nằm bất động. Thì ra tiếng động mà khi nãy anh tưởng xe đụng lề đường. Tiếng kêu ngay phía sau làm anh quay đầu lại. Đó là Hélène. Đến lượt chị cúi người xuống, nâng đầu nạn nhân dậy. Vô ích. Râymond lên tiếng:

“Lỗi tại xe tải với đèn pha. Anh không thể nhìn thấy người đi xe đạp.”

Hélène không trả lời, lát sau chị thì thầm như nói với chính mình:

“Chúng ta đi thôi – Rồi chị bật khóc, tiếp tục nói qua nước mắt – Chúng ta đi thôi, đi nhanh thôi!”

Râymond nhanh chóng nhận định tình thế. Anh phải làm theo lời Hélène. Anh liếc nhìn nạn nhân thêm lần nữa. Người đi xe đạp đã chết. Anh nhìn quanh: Đường vẫn trống trơn. Từ lúc xảy ra tai nạn, chưa có chiếc xe nào chạy ngang. Tại chỗ này không hề có dân cư, chỉ có một nhà máy cửa đóng then cài.

Có ai nhìn thấy anh đâu, vậy còn chần chờ gì nữa? Tai nạn không phải lỗi do anh. Anh ở đây cũng chẳng ích gì. Việc tiếp theo là của người Tây Ban Nha. Họ sẽ tự giải quyết lấy. Râymond Garcia kéo vợ lên ghế sau, còn anh nhảy vội vô sau tay lái, chiếc Renault vọt tới, bỏ lại đằng sau xe đạp bánh vẫn còn quay, nhưng chậm dần.

Tháng Chín 1988. Trong khách sạn trên bờ biển Costa Brava, đôi vợ chồng mới cưới vui hưởng tuần trăng mật. Đôi khi Hélène nhớ lại tai nạn trên đường đi và lộ vẻ lo buồn thì Râymond Garcia trấn an vợ ngay: “Phải quên chuyện ấy đi, em yêu. Chúng ta đang hưởng tuần trăng mật. Điều quan trọng, là chúng ta. Chúng ta hãy nghĩ đến mình đã.” Và anh thêm: “Nỗi bực mình duy nhất, là không có xe hơi riêng để chạy trong dịp này. Đáng rằng không có nhân chứng, nhưng cẩn thận vẫn hơn. Cho nên anh không đưa xe vào sửa trong ga-ra tại Tây Ban Nha. Lại càng không nên đi dạo với một xe hơi bị hỏng cánh cửa.” Rồi anh cười, kết luận: “Không sao, em yêu, nhờ vậy chúng mình có dịp đi bộ cho khoẻ.”

Tuần trăng mật của họ cứ thế lặng lẽ trôi bên bờ biển Costa Brava. Nhưng những gì tươi đẹp nhất rồi cũng phải kết thúc. Ngày 20 tháng Chín, vợ chồng Garcin lại lên chiếc Renault màu trắng trở về Pháp.

Chiếc xe lăn bánh nhanh hướng về biên giới. Râymond tránh con đường cũ. Anh theo lời khuyên của vợ, đàn bà vốn nhạy cảm. Vả lại, dầu sao, ai mà biết trước chuyện gì sẽ xảy ra, cẩn thận vẫn hơn.

Đến biên giới, Râymond Garcin mới cảm thấy vui. Anh nghiêng người qua phía vợ: “Vậy là, rốt cuộc, chúng ta lại trở về với thế giới văn minh.”

Anh mỉm cười đưa giấy tờ cho cảnh sát Tây Ban Nha. Nhưng cảnh sát không trao lại giấy tờ cho anh, mà cầm xấp giấy, đi một vòng quanh xe hơi. Râymond tái mặt khi cảnh sát dừng trước cánh cửa xe bên trái và xem xét rất cẩn thận. Rồi cảnh sát quay sang người lái xe:

“Tôi rất tiếc, thưa ông. Mời ông và bà nhà theo tôi vô văn phòng.”

Râymond làm bộ khó chịu:

“Tôi chẳng có việc gì phải theo ông! Tôi phải về nước để làm việc.”

Vô ích. Lễ phép nhưng rất kiên quyết, viên cảnh sát dẫn họ vô trạm ở biên giới. Tay sĩ quan trong văn phòng, sau khi nhận giấy tờ do viên cảnh sát đưa, có vẻ giật mình, rồi ông ta bước ra:

“Ông Garcin, tôi bắt ông về tội lái xe gây nguy hiểm chết người do thiếu thận trọng và không cứu người trong tình trạng nguy hiểm. Còn bà Garcin, tôi bắt bà về tội không cứu người trong tình trạng nguy hiểm.”

Râymond Garcin vẫn chưa mất tự chủ. Từ lúc viên cảnh sát yêu

cầu vợ chồng anh đi theo, anh đã có thời gian cân nhắc tình thế. Tai nạn không có nhân chứng, anh tin chắc. Do đó anh cứ chối tội, thật quyết liệt. Cảnh sát Tây Ban Nha hẳn phải chặn tất cả những xe hơi có cánh cửa bên trái bị hỏng, nhưng họ chẳng có bằng chứng nào... Anh trả lời, làm ra vẻ giận dữ:

“Tôi không hiểu các ông nói gì. Hẳn là do cửa xe? Chúng tôi bị một chiếc xe lạ đâm vào tại bãi đậu, vậy thôi. A, phải chi tôi biết tay nào đã tông vô xe tôi!”

Nhưng viên cảnh sát nhìn Garcin, vẻ khi dễ và khó chịu:

“Tôi biết ông đang nghĩ gì, thưa ông: tai nạn không có nhân chứng... Nhưng có đấy, ông ạ, có một nhân chứng: chính là nạn nhân. Tôi kể ông nghe chuyện xảy ra sau khi ông bỏ mặc nạn nhân bên lề đường. Anh ta chưa chết liền. Khoảng 15 phút sau, một xe hơi trở tới và nhận ra nạn nhân. Anh ta vẫn tỉnh, nói: “Đôi vợ chồng người Pháp trên chiếc xe Renault màu trắng... Cả hai đã bước ra khỏi xe. Họ tiến về phía tôi... Nhưng rồi họ bỏ đi...” Nạn nhân sau đó đã qua đời tại bệnh viện.

(Phóng tác một truyện của Bellemare)

CHIẾC KẾT Ở ĐÂU?

Honoré Bayard là một người bình thường. Khi bị động viên, năm 1939, ông đang mở tiệm tạp hoá ở Bordeaux cùng cô vợ trẻ xinh đẹp Micheline. Như nhiều người khác, ông bị bắt làm tù binh tháng 6-1940 và bị giam tại Đức.

Hai năm sau, ông lâm bệnh nặng nên được Đức thả, trở lại Bordeaux với tiệm tạp hoá và cô vợ. Mọi chuyện bắt đầu...

Ngày 2-7-1942, lúc 2g sáng, có tiếng động cửa mạnh. Honoré thức giấc, mở cửa, chạm mặt với bốn người đàn ông. Dù trời nóng, họ đều mặc áo khoác. Hai người đội mũ mềm, hai người đội bê-rê.

Ai cũng biết ngay đó là Gestapo: hai người Pháp, hai người Đức.

Một người Pháp lên tiếng:

— Khoác áo vét ngoài áo ngủ. Không có thời gian thay đồ đâu. Nhanh lên!

Chẳng hiểu đầu của tai nheo ra sao, Honoré chỉ biết vâng lời.

Nhưng ông vẫn hy vọng đó chẳng qua là làm lần.

Tại văn phòng Gestapo, nhân viên mật vụ gắt gỏng hỏi:

— Honoré, đừng mất thời gian. Chiếc kết ở đâu?

— Tôi xin lỗi...

— Trả lời ngay: Chiếc kết ở đâu?

— Tôi không hiểu gì cả. Tôi vừa được thả ra khỏi nhà tù, ở Đức.

Tay Gestapo dường như không nghe ông trình bày:

— Chiếc két ở đâu?

— Két nào? Nó đựng gì?

— Không trả lời tùy ông. Chúng tôi sẽ có biện pháp.

Honoré được lôi lên căn phòng trên lầu hai một khách sạn. Một người đàn ông cao lớn tóc vàng ngồi sau bàn giấy, chung quanh đầy lính. Ông ta ra lệnh bằng tiếng Đức. Lập tức Honoré bị trói vô ghế tựa và cuộc hỏi cung bắt đầu. Thực ra hỏi cung chỉ có một câu:

— Chiếc két ở đâu?

— Nhưng tôi đâu biết chiếc két nào! Ông có thể nói rõ hơn được không.

Và thế là tra tấn dã man của Gestapo: rút móng tay, cho đi “tàu thủy”, gí sắt nung đỏ, điện giật...

Đêm, Honoré bị tống vô biệt giam.

Sáng hôm sau, một người Pháp hơi thấp tóc nâu, một trong hai kẻ đã bắt ông, bước vô:

— Đi với tôi, ông bạn. Tôi sẽ chỉ cho ông bạn thấy chiếc két.

Anh ta đưa cho Honoré chiếc áo khoác và cặp kính mát:

— Mang vào!

Honoré tuân lệnh. Ông vẫn chưa biết gì, nhưng cố gắng tìm hiểu dần.

Ít phút sau, ông thấy mình ngồi trong xe hơi cùng với tay người Pháp và nhiều Gestapo Đức khác. Phải chăng đây là chuyến đi cuối cùng của cuộc đời ông? Họ sẽ chở ông đến bên một bờ sông vắng vẻ hay tuốt trong rừng sâu? Nhưng không, xe chạy tới trung tâm Bordeaux, ngừng bánh ngay một con đường đông người qua lại.

Người Pháp dẫn Honoré bước ra. Những Gestapo khác gạt những

kẻ tò mò sang một bên. Họ cùng đi bộ khoảng 100 mét, rồi bỗng nhiên dắt Honoré quay ngược trở lại. Trước sau chẳng nói tiếng nào, họ đưa ông lên xe hơi về lại phòng biệt giam.

Honoré không bị hỏi cung hay tra tấn nữa. Hơn một tuần sau, ông được chuyển tới Paris, ra trước toà án quân đội Đức.

Honoré bình thản. Chắc chắn ông sẽ bị kết án tử hình. Nhưng trước khi chết, ít nhất ông cũng biết. Các thẩm phán hẳn sẽ giải thích chiếc kết bí mật là cái thứ gì...

Nhưng không. Nghe gọi tên mình, Honoré bước lên và chỉ nghe tuyên bố:

— Honoré Bayard, anh bị kết án tử hình về tội khủng bố.

Người ta dẫn ông đi, hai tay bị còng. Ông lại bị đẩy lên xe hơi giữa những người mặc áo khoác. Và, đến đây trong vô số sự kiện khó hiểu diễn ra, lần đầu tiên Honoré gặp may.

Tài xế cho xe chạy quá nhanh, dừng phải một xe khác vừa từ hẻm lao ra. Tai nạn không khiến ai bị thương, nhưng tất cả mọi người trên xe đều hoảng hốt bất động, trừ Honoré. Không để mất một giây, như một thằng điên, ông lao ra khỏi xe hơi, chạy vắt giò lên cổ vào cửa xe điện ngầm gần đó. Cả một đám đông tại đây, khi thấy ông với hai tay bị còng, hiểu ngay sự việc. Họ cản ngang lối đi, một người nói nhỏ:

— Theo tôi...

Vậy là Honoré thoát khỏi Gestapo, tham gia kháng chiến tại Paris, sử dụng giấy tờ giả, chờ ngày giải phóng đất nước. Có điều, thỉnh thoảng một câu hỏi vẫn ám ảnh ông:

— Không hiểu chiếc kết quái ác ấy là cái gì nhỉ?

* * *

Đức Quốc xã đầu hàng. Đầu năm 1945, Honoré trở lại Bordeaux. Con ác mộng của ông chấm dứt. Ông sẽ gặp lại cô vợ xinh đẹp Micheline và tiếp tục cuộc sống bình thường.

Nhưng ông đã lầm. Ông tìm thấy tiệm tạp hoá, nhưng Micheline biến đâu mất. Chẳng có gì đáng ngại, hẳn vợ ông về bên gia đình của bà. Rồi ông sẽ nhận được tin của vợ mình. Nhưng Honoré không có thời gian: Sáng sớm 12-2-1945, ông giật mình thức giấc vì có tiếng đập cửa rất mạnh, kèm theo tiếng người quát:

— Cảnh sát đây... Mở cửa!

Cửa vừa mở, Honoré nhận thấy hai nhân viên cảnh sát đứng chờ:

— Ông Honoré Bayard? Mời theo chúng tôi. Ông có thể mang theo đồ dùng cá nhân.

— Nhưng tại sao lại bắt tôi?

— Chúng tôi cũng không rõ. Ông sẽ trả lời trước cấp trên.

Cấp trên, mà Honoré trình diện sau đó không lâu với hai tay bị còng, nói rõ lý do ông bị bắt:

— Anh bị cáo buộc tội phản quốc!

Honoré phản đối, la hét dữ dội. Không thể nào! Hẳn lại là chiếc kết phi lý nó hại ông. Ông mà phản quốc? Ông đã từng chẳng bị Đức kết án tử hình đó sao?

Vào thời gian ấy, cảnh sát tràn ngập. Đó là lúc cần giải quyết mọi việc nhanh, gọn. Nhân viên cảnh sát cấp trên chỉ đáp:

— Được rồi, anh sẽ giải thích mọi chuyện trước toà.

Và, nửa tháng sau, Honoré ra trước toà đại hình Bordeaux. Toà

đầy cảnh sát đứng gác. Các vụ xử diễn ra liên tục và không khi chẳng có vẻ khoan nhượng chút nào.

Ít nhất, trước các thẩm phán, Honoré cuối cùng cũng biết mình phạm tội gì. Nhiều nhân chứng ra trước vành móng ngựa. Họ nhìn mặt ông. Họ khẳng định, theo đúng thủ tục:

— Chính hấn! Tôi đã thấy hấn trên đường phố Bordeaux, hồi tháng Bảy 1942, đi cùng với Gestapo.

Honoré nhớ lại: chiếc áo khoác và cặp kiếng mát. Chuyện này thật phi lý, cũng như toàn bộ câu chuyện. Chiếc kết mà người ta nói sẽ chỉ cho ông thấy, nhưng rồi chẳng có chiếc kết nào cả. Ông la lên:

— Nhưng tôi là tù nhân của Gestapo! Tôi bị tra tấn. Tôi bị bọn Đức kết án tử hình...

Chẳng ai nghe ông. Sau một thoáng hội ý, tòa đưa phán quyết:

— Honoré Bayard, anh bị kết án tử hình về tội phản bội Tổ quốc.

Honoré mặc cho cảnh sát lôi đi. Ông chẳng buồn tìm hiểu nữa. Ông chẳng buồn kháng cự nữa. Tất cả đều phi lý. Và rồi sao? Há chẳng phải số phận của bao nhiêu con người bị đày trong các trại tập trung cũng đều phi lý đó sao?

Ông trở thành một nạn nhân chấp nhận số phận của mình. Vậy mà, chính vào lúc ấy, Honoré lại được biết sự thật.

Trong trại giam tử tù, ông gặp những người Pháp theo Gestapo trước đây, và đặc biệt, trong số đó có tay thấp người tóc nâu. Nhận ra ông, anh ta lại gần. Anh ta không tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng dường như hối hận:

— Ông bạn già tội nghiệp, tôi cần nói hết với ông. Đối với tôi, thế là xong, tôi chẳng còn gì để mất nữa cả.

Và anh chàng Gestapo thấp người tóc nâu này kể hết đầu đuôi:

— Chắc chắn chẳng bao giờ có chiếc kết nào. Chính vợ ông chịu trách nhiệm về tất cả mọi chuyện. Bà ta ngủ với một viên tướng Đức. Nhưng rồi ông lại bất ngờ được tha về khiến viên tướng yêu cầu chúng tôi phải kiếm cách trừ khử ông. Nhưng bởi ông đâu có làm gì bậy, nên không lẽ tự nhiên xách ông ra bắn bỏ. Thế là ông ta có ý kiến ngộ nghĩnh. Ông ta ra lệnh tôi dắt ông ra đường phố Bordeaux, ăn mặc y như bọn chúng tôi. Như vậy, khi dàn cảnh cho ông trốn thoát, ông cũng sẽ bị quân kháng chiến lột da.

Vậy đó. Đó là lời giải thích khó tin của hàng loạt các sự kiện khiến Honoré Bayard bị hai lần lãnh án tử hình.

Nhưng câu chuyện của ông chưa kết thúc tại đây. Được Honoré thuyết phục, tay Gestapo thấp người tóc nâu đồng ý chính thức viết đơn ký tên thú tội và đề nghị ân xá cho Honoré.

Ân xá chớ không phải phục hồi danh dự. Bởi công lý không dễ gì thay đổi quyết định đã ban hành. Honoré, sém chết dưới sự tra tấn của Gestapo, thoát khỏi bị quân kháng chiến bắn bỏ, được ân xá từ tử hình xuống còn chung thân khổ sai.

Mặc dù mọi khiếu tố, ông vẫn phải ở tù suốt bảy năm. Phải nhờ đến một chiến dịch của các phương tiện thông tin đại chúng ông mới được trả tự do trước thời hạn. Ông ra tù năm 1952 và tới 1956 mới được phục hồi, sau 14 năm chịu đựng bất công. Honoré sau đó tái kết hôn. Người vợ trước của ông, nàng Micheline xinh đẹp, người chịu trách nhiệm về mọi việc, chẳng biết đã biến đi đâu mất. Ông bắt đầu trở lại cuộc sống như bao nhiêu người dân bình thường khác.

Ông kể: “Nhưng, cho đến lúc chết, tôi vẫn còn nghe văng vẳng

trong những cơn ác mộng tiếng mình thét lên: Chiếc két ở đâu?”

(Theo “*Où sont les Caisses?*” của Bellemare)

MỘT TAI NẠN XE HƠI

Xe hơi của Klaus Meyer lăn nhanh trên đường từ Francfort theo hướng tây tiến ra ngoại ô. Klaus Meyer, 45 tuổi, bác sĩ tại Francfort, đã cho xe chạy trên 160 km/giờ, bởi tại Đức tốc độ không bị giới hạn.

Ngồi cạnh Meyer là cô con gái lớn của ông, Ingrid, 21 tuổi, tóc vàng mắt xanh, như hầu hết người Đức. Trên băng sau là Annelies, 13 tuổi, em Ingrid. Lúc ấy là giữa trưa ngày 11-4-1980. Klaus Meyer nói với vợ trước khi lên xe: “Anh lái xe một vòng cho khuây khoả, một tiếng nữa sẽ trở về.” Hai cô con gái rảnh rỗi, theo bố dạo chơi. Tất cả dường như vô nghĩa, nhưng lại dẫn đến hậu quả khủng khiếp – mà người ta hay gọi là định mệnh...

Định mệnh đang đến dưới dạng một chiếc xe hơi khác chạy ngược chiều. Cũng như Klaus Meyer, Ludwig Hofmann cho xe chạy hết tốc độ, và ngồi cạnh ông cũng là cô con gái Carlotta Hofmann cùng tuổi với Ingrid, cũng tóc vàng mắt xanh. Phía sau là Gunter Goschen, 25 tuổi, hôn phu của Carlotta. Và họ cũng lên xe chạy chơi mà chẳng có lý do quan trọng đặc biệt nào. Klaus Meyer vượt qua một xe khác không có gì nguy hiểm. Nhưng xe này không thấy Klaus, và đúng lúc ấy lại muốn qua mặt xe phía trước. Vậy là hai xe tông nhẹ vào nhau, khiến xe của Klaus Meyer lao qua dải phân cách, đâm đầu trực diện đúng vào xe của Hofmann.

Cú va chạm thật khủng khiếp. Cả hai xe đều biến dạng, bốc cháy. Người ta lôi ra được bốn xác chết. Ba trên xe của Klaus Meyer: người cha, Ingrid cạnh ông, và Annelies ở phía sau. Trên xe Hofmann,

người cha cũng chết ngay trên tay lái. Cạnh ông là Carlotta, phỏng toàn thân rất nặng, trong tình trạng nguy kịch. Hôn phu của cô, Gunter Goschen, là người duy nhất thoát nạn thật khó tin, chỉ với vài vết trầy suốt nhỏ.

Tội nghiệp nhất là bà Meyer, mất hết tinh thần, ngày hôm sau phải tới nhà xác nhận thi thể đã bị biến dạng của chồng và hai cô con gái. Người ta không dám để bà lại gần nhìn tử thi, mà chỉ để bà đứng tuốt đằng xa, nghe bà nghẹn ngào xác nhận: “Phải... đúng rồi.”

Trong khi ấy, Carlotta được mẹ và hôn phu chăm sóc, đang cố chống cự với tử thần. Toàn thân cô – kể cả khuôn mặt, tay, chân – đều quán băng. Người ta chỉ nhìn thấy đôi mắt cô, nhưng mắt lại nhắm nghiền. Cô đang hôn mê.

Ít ra đó là bề ngoài. Bởi sự thật lại khác hẳn. Đây là một trong những tai nạn kỳ lạ nhất. Kẻ thoát nạn đang chống chọi với tử thần trong bệnh viện Francfort lại chẳng phải là Carlotta Hofmann, mà là cô gái trong chiếc xe kia: Ingrid Meyer! Do một trùng hợp không thể tin nổi, hai cô gái đã văng qua cửa kính chắn gió xe hơi của nhau, đổi chỗ cho nhau... Do áo họ bị rách nát và cháy gần hết, khuôn mặt lại bị biến dạng, nên chuyện nhầm lẫn sau đó là điều có thể hiểu được. Bà Meyer đáng lẽ nhận ra sai lầm của mình khi nhận diện tử thi tại nhà xác, nhưng chuyện ấy đã qua...

13 tháng Tư, hai ngày sau tai nạn. Ingrid đã hồi tỉnh trong bệnh viện. Cô còn đang mơ mơ màng màng thì nghe giọng nói lạ:

— Cô ấy tỉnh rồi kìa...

— Em yêu, có nghe anh nói không? Gunther đây mà... Mọi việc ổn cả...

Trong đầu óc đang rối bời của Ingrid Meyer, cô biết chắc một điều: chẳng có gì ổn cả, ngược lại là khác... Cô cố ngồi dậy và la lên. Nhưng cô không thể làm bất cứ thứ gì, ngay cả đưa một ngón tay, quay đầu, mấp máy môi. Tuy nhiên cô có thể mở mắt chớp chớp...

Cô cảm thấy có một sai lầm đâu đó thật khủng khiếp... Gunther là ai vậy? Đúng lúc ấy một phụ nữ nghiêng đầu xuống bên cô:

— Carlotta, mẹ đây...

Cô đã nhận ra. Cô tên Ingrid, Ingrid Meyer, không phải Carlotta... Họ đã làm cô với một người khác. Cô cố lắc đầu nhưng vô ích.

— Hình như cô ấy không nhận ra chúng ta.

— Phải gọi y tá mới được.

“Y tá”: vậy cô đang nằm trong một bệnh viện... Bỗng cô nhớ lại tất cả: xe chạy, cha cô và em cô... Cha và Annelies, họ đâu cả rồi? Và mẹ nữa, sao mẹ không ở đây?

Đúng lúc bóng áo trắng của y tá đến bên cô:

— Không có gì đáng lo, thưa cô Hofmann. Cô sẽ qua khỏi thôi.

Cô Hofmann?... với cố gắng tốt cùng, Ingrid định lắc nhẹ đầu.

— Không được cử động!... Tuyệt đối không được cử cựa!... Tôi sẽ chích cho cô liều thuốc an thần.

Và chút xíu sau, Ingrid lại rơi vào cõi vô thức...

* * *

Ingrid Meyer dần dần nhớ lại. Đã bao lâu rồi? Một giờ? Một ngày?

Làm sao biết được? Vẫn những con người ấy luôn ở bên cô: Hai kẻ lạ mặt tưởng cô là Carlotta Hofmann.

Cô mở mắt... Gunther Goschen, đang mãi nói chuyện với bà Hofmann, không để ý đến cô.

— Không phải cháu muốn lời thôi...

— Coi nào, Gunther!

— Chính xe của họ đã lao qua dải phân cách, đúng không? Chính do họ mà Carlotta của cháu xem chết...

Vừa nói anh vừa quay đầu lại phía giường... Ingrid vội nhắm mắt lại. Nên nghe anh ta nói tiếp. Đó là cách duy nhất để cô nắm được sự việc, dù có đau lòng cách mấy... Gunther tiếp tục:

— Chúng ta cũng vậy, chúng ta đau khổ...

— Không bằng họ đâu... Bà Meyer mất hết chồng con, không khéo bà chết theo họ mất.

Ingrid muốn ngồi phắt dậy, la lên. Vậy là cha và em cô đều tử nạn, còn mẹ cô đang đau khổ muốn chết... Gunther Goschen và bà Hofmann yên lặng, mỗi người như đang theo đuổi ý nghĩ của mình.

Rồi bà Hofmann thở dài:

— Bác muốn gặp bác sĩ của bà Meyer để hỏi thăm.

— Bác muốn hỏi gì?

— Nghe nói bà ấy xuống tinh thần quá lắm, người ta tin rằng không khéo bà ấy sẽ tự tử...

Ingrid Meyer giờ mới hiểu ra tình trạng của mẹ cô: Bà muốn tự tử vì tưởng rằng cô đã chết. Nếu bà biết cô còn sống, hẳn bà thay đổi ý kiến. Cô sẽ cứu bà... Nhưng không thể được. Ingrid Meyer không còn trên đời này nữa. Chỉ còn Carlotta Hofmann.

Với một cố gắng phi thường, cô hơi ngóc đầu dậy. Gunther và bà Hofmann cùng lúc nhận ra. Họ lao lại giường:

— Carlotta!

Ingrid Meyer đảo mắt nhìn trong tuyệt vọng. Mắt cô, phần duy nhất người ta nhìn thấy... Phải chi mắt cô màu đen hay hạt dẻ, hẳn cô không cần nói người ta cũng biết. Khổ thay, mắt cô lại xanh biếc giống hệt mắt Carlotta. Bà Hofmann lo lắng:

— Carlotta giãy giụa dữ quá. Phải kêu y tá.

Y tá tới ngay. Ingrid cố nhìn cô ta với ánh mắt khẩn cầu để cô đừng tiêm thuốc an thần. Nhưng vô ích. Câu sau cùng cô nghe được trước khi lại chìm vào cõi vô thức là của Gunther:

— Thật lạ: Cháu có cảm tưởng Carlotta muốn nói gì đấy...

* * *

Trên giường bệnh, Ingrid Meyer dần dần tỉnh dậy. Bà Hofmann và Gunther vẫn luôn canh chừng cạnh giường. Không nên cho họ biết cô đã tỉnh, kéo họ lại gọi y tá tới chích thuốc ngủ. Cô suy nghĩ. Cô phải nói, nhưng hàm cô bị băng quấn chặt. Phải gỡ băng ra...

Cô thở ra hài lòng khi thấy mình có thể lắc nhẹ cánh tay phải. Cô đưa tay lên mặt, thật chậm để hai người kia không biết. Và, thành công, cô giật phăng miếng băng ngang miệng. Gunther đã nhận ra và vội lao tới. Mặc dù yếu nhót, cô gái vẫn kháng cự. Tất nhiên, Gunther giữ cô lại chẳng mấy khó khăn vừa lúc cô y tá nghe tiếng động chạy lại, nghiêng người xuống bệnh nhân. Nhưng Gunther đưa tay ngăn y tá:

— Cõi kĩa, tay cô ấy...

Ingrid Meyer hiểu ra: cô không gõ được băng trên miệng mà lại làm tuột băng bàn tay phải. Gunther tiếp:

— ... Bộ người ta sơn móng tay đỏ cho bệnh nhân sao?

— Anh đừng giỡn!

Gunther chỉ bàn tay với móng tay sơn đỏ của người bệnh:

— Không, tôi không giỡn. Carlotta rất ghét sơn móng tay.

— Nhưng bữa xảy ra tai nạn cô ấy sơn...

— Không! Tôi biết rằng không. Tôi cầm bàn tay cô ấy trước khi tai nạn xảy ra mà!

Tiếng bà Hofmann xen vào:

— Hãy thử gõ băng mặt cô gái này.

— Nhưng thua bà...

— Ít nhất băng quanh miệng... Cô ấy muốn nói!

— Chỉ bác sĩ mới có quyền.

— Vậy hãy đi tìm bác sĩ ngay!

15 phút sau, bác sĩ đến. Câu đầu tiên bệnh nhân thốt lên là: - Tôi là Ingrid Meyer...

* * *

Ingrid Meyer phải nằm bệnh viện thêm ba tháng nữa. Người ở bên cạnh giường cô kể từ ngày ấy chính là mẹ của cô, và lòng yêu thương chân thành cùng sự chăm sóc tận tình của bà đã cứu mạng sống của cô, và ngược lại, chính sự sống của cô đã cứu mạng cho mẹ

cô. Đó cũng chính là những lời đầu tiên bà Meyer kêu lên khi hay tin cô còn sống và lao vào phòng bệnh:

— Cảm ơn con, con đã cứu mẹ!

(Theo “*La rescapée*” của Bellemare)

CONTIN KỶ LẠ

Carole, 22 tuổi, đang đi trên đường phố Paris. Đi đâu? Cô cũng chẳng biết. Để làm gì? Cô càng không hay. Carole sao vậy? Nếu có ai đặt câu hỏi, cô không thể trả lời...

Lúc ấy là 11 giờ trưa, ngày 17 tháng Sáu năm 1990, ngoài ra cô chẳng còn biết gì nữa. Thật ra, cô chỉ biết duy nhất một điều: Ngày hôm ấy không giống như những ngày khác.

Và quả cô không làm. Vâng, Carole không làm.

* * *

Vẫn trong trạng thái gần như vô thức, Carole đi đến một con đường yên tĩnh thuộc quận 12. Cách ít trăm mét trước mặt cô là tiệm bán đồ nữ trang “L’Éclat d’Or”. Bắt đầu từ đây, diễn biến rất nhanh...

Chiếc Peugeot 205 dừng lại trước cửa tiệm. Một thanh niên bước ra, với chiếc mũ trùm đầu và khẩu súng ngắn. Chỉ vài bước, gã xông vào tiệm, chia súng ngay người vợ chồng chủ tiệm. Gã đưa cho người phụ nữ chiếc bao plastic:

— Cầm lấy bao, bỏ hết đồ trong tủ kiếng vô tròng! Còn lão già kia, đưa tay lên và đừng có la lối!

Giọng gã rắn danh. Vợ chồng chủ tiệm run lấy bầy tuân lệnh gã.

Một phút trôi qua, và bỗng nhiên các sự kiện dồn dập xảy ra. Gã thanh niên liếc mắt nhìn qua cửa ra vào vẫn mở và văng ra tiếng chửi thề: một chiếc xe cảnh sát đang chầm chậm chạy sát lề đường. Không kịp quơ chiếc bao đầy đồ nữ trang, gã lao ra vỉa hè và đụng mạnh vào Carole, đúng lúc cô vừa bước tới, chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra. Cô té xuống đất, còn gã thanh niên mất thăng bằng. Gã chia luôn mũi súng về phía cô:

— Cô gái! Đứng dậy đi với tôi ngay! Nhanh lên, đứng dậy!

Carole nhìn gã, miệng há hốc. Chẳng để ý gì đến mọi việc, cô vẫn ngồi trên vỉa hè, mắt mở lớn. Gã vội chụp cánh tay cô, kéo cô đứng dậy, đẩy bừa cô vô chỗ ngồi trước xe hơi, không quên luôn chia khẩu súng ngay đầu cô... Xe cảnh sát đã dừng lại cách gã khoảng hơn 10 mét. Gã quát:

— Dừng lại, không tôi bắn!

Gã lên xe, đóng cửa, và chiếc Peugeot 205 lao tới.

Trên đường phố Paris, rồi ngoại ô, chiếc Peugeot cứ thế chạy như bay trước xe cảnh sát, và ngày càng có thêm nhiều xe cảnh sát khác nối đuôi theo. Một vụ cướp không thành, một con tin, chuyện quá tầm thường? Nếu câu chuyện chỉ có thế thì đâu có gì đáng viết dài dòng. Ngay cả cuối cùng khi thảm kịch đã xảy ra, cũng chỉ lên truyền hình địa phương. Đó là chuyện xảy ra thường ngày nước nào cũng có, từ xưa đến nay.

Tuy nhiên, trong vụ này, mọi việc lại khác hẳn và chưa từng xảy ra...

* * *

Đã 11g30. Sĩ quan cảnh sát Philippe Brunel, người chịu trách nhiệm tại quận 12, ra khỏi xe hơi. Chung quanh ông, nhiều xe cảnh sát vây quanh khu đất rộng Ivry, mà cuối khu đất là một căn nhà bỏ hoang. Chính tại đó, tên côn đồ ẩn náu cùng con tin của gã.

Brunel biết ông đang vây bắt ai. Chiếc Peugeot 205 mới bị đánh cắp khi hôm ở Beauvais; theo cảnh sát, kẻ cắp chính là Patrick Bénoni, vừa vượt ngục cách nay hai ngày. Gã bị xử 15 năm tù do đã gây ra một loạt các vụ cướp. Gã bị coi là thành phần cực kỳ nguy hiểm. Đặc điểm là gã có học: đã tốt nghiệp kỹ sư, nhưng do không tìm được việc làm, gã lao vào con đường cướp bóc.

Sau khi lọt vào căn nhà hoang, Patrick Bénoni quay sang cô gái.

Cô đang ngồi trên một đồng gạch vụn:

— Nào, đi một vòng quanh nhà coi!

— Không!

— Mày cứng đầu hả? Đi không tao táng cho bây giờ!

— Táng thì táng!

Lần đầu tiên Patrick để ý đến con tin của gã: Cô tóc vàng, hơi cao và gầy, với đôi mắt đẹp xanh biếc. Cô không thiếu vẻ duyên dáng, nhưng nơi cô có vẻ gì đó dễ đổ vỡ và thậm chí bệnh hoạn.

— Cô vừa nói gì?

— Tôi nói: “Táng thì táng!”- Bộ cô muốn chết hả?

— Phải, nếu anh thích...

— Nhưng... cô đẹp mà!

— Tốt đẹp quái gì! Chẳng tốt. Chẳng đẹp gì hết... Có điều tôi không đủ can đảm để tự tử, vậy nếu anh giết tôi chính là đã giúp tôi...

Về phần cô gái bị bắt làm con tin, Brunel không có một thông tin nào. Patrick không cố ý tìm cô, cô tình cờ đi ngang, vậy thôi. Ông cầm loa phóng thanh:

— Ra ngay, Patrick Bénoni! Anh không có cơ may nào đâu!

Không có tiếng trả lời.

— Đừng làm tình hình thêm nghiêm trọng! Anh đang bị truy nã khắp nơi. Nếu anh thả con tin, anh sẽ được xét khoan hồng, nếu không, đừng trách...

Lần này, có câu trả lời: một tiếng cười vang lên từ trong căn nhà hoang, tiếng cười điên loạn, kéo dài, rồi giọng nói:

— Đừng tưởng tao là thằng ngốc! Tao sẽ đi ra cùng với cô gái và lại lên xe hơi. Hề thấy có gì khác, tao tặng ngay cô bé một viên đạn!

Sĩ quan cảnh sát Brunel không nói thêm. Ông ra lệnh mọi người để mặc hai người trở ra. Đừng làm bất cứ điều gì có thể gây nguy hiểm cho cô gái. Cần theo dõi họ từ xa và can thiệp sau, khi có cơ hội thuận tiện nhất.

Mọi người quanh căn nhà hoang ngồi chờ đợi rất lâu, trong không khí căng thẳng. Nhưng không ai có thể tưởng tượng điều gì đang diễn ra trong nhà, bởi sự việc vượt ra ngoài tưởng tượng của bất cứ ai.

* * *

Patrick Bénoni buông tay cô ra. Với cử chỉ bất ngờ, hắn giật chiếc mũ trùm đầu xuống. Đó là một thanh niên tóc nâu với gương mặt không đến nỗi khó coi nếu không có bộ râu ba ngày không cạo và đôi

mất đồ kè vì mất ngủ.

— Hừ! Một đứa con gái tuyệt vọng! Thế quái nào mà ta lại tóm phải một đứa con gái đang muốn tự tử! Số con rệp chắc! Này, cô gái, như vậy, trước khi gặp tôi, cô đang tính tìm chỗ nhảy xuống sông hả?

— Có thể... Tôi cũng không rõ nữa... Tôi không tính gì hết...

Và cô gái bật khóc nức nở... Patrick Bénoni kinh hoàng. Không, không được hoảng sợ! Phải trấn tĩnh lại, phải làm sao cho cô gái lên tinh thần. Đó là cơ may duy nhất cho gã thoát khỏi nơi đây. Và, bên trong căn nhà hoang bị cảnh sát vây tứ phía, gã bắt đầu xuống nước, nói năng nhỏ nhẹ với cô gái. Bởi gã đã rơi vào tình huống không thể lường trước, một nghịch lý: Gã phải thuyết phục sao cho cô gái thềm sống, bởi gã cần một con tin bình thường, một cô gái run lẩy bẩy, năn nỉ gã đừng giết, để làm lá chắn cho gã.

— Này, cô tên gì?

— Carole.

— Cô bao nhiêu tuổi?

— Hai mươi hai.

— Vậy Carole, chuyện gì đã xảy ra với cô? Người yêu phụ bạc cô phải không?

— Phải, nhưng không chỉ nhiều đó...

— Còn gì nữa?

— Tất cả!...

— “Tất cả” nghĩa là sao?

Carole càng khóc tợn:

— Tất cả là tất cả! Chẳng ăn thua gì! Tôi chết phút đi cho rồi! Tôi

là đồ chẳng ra gì! Mọi người đều chẳng ra gì! Cuộc sống chẳng ra gì!
Tôi muốn chết!

Gã thanh niên nghiêng rằng, dần cơn giận. Gã muốn thẳng cánh quất cho cô gái hai cú bợp tai, nhưng hậu quả sẽ... Phải kiên nhẫn. Hết sức kiên nhẫn... Phía ngoài, có tiếng động của những nhân viên cảnh sát. Gã bắn một phát chỉ thiên. Mọi người lùi lại nấp sau xe hơi. Gã quay sang cô gái:

— Chết thì cũng được thôi. Nhưng vào lúc này thì không nên; có thể sắp xếp mà!

— Không sắp xếp gì hết! Chẳng ăn thua gì!

— Chúa ơi! Cô mới hai mươi hai tuổi! Cô còn cả tương lai ở phía trước!

— Tôi không tin tương lai!

Patrick Bénoni tức muốn phát điên. Gã không có lựa chọn nào khác. Gã phải dùng bạo lực cưỡng bức cô gái này đi theo gã. Một kẻ như gã phải biết ước lượng tình hình và biết tự chủ... Chỉ có điều tất cả chỉ thành công đối với kẻ sợ chết. Nhưng với với một con mụ điên muốn tự tử! Mụ dám đoạt súng, rồi bắn vô ngực mình lắm!

Patrick Bénoni gượng mím cười... Cuối cùng gã đã nghĩ ra cách thuyết phục cô gái:

— Cô không tin ở tương lai sao?

— Không.

— Cô có bao giờ nghĩ đến chuyện gì đang xảy ra không?

— Tôi không hiểu.

— Vây nè: Cách nay 15 phút cô đang ở trên đường và tự hỏi mình làm cách nào đi tới sông Seine, còn tôi, lúc ra khỏi tiệm nữ trang, vô

tình dụng phải cô và bắt cô làm con tin. Cô có thể đoán trước điều này không?

— Không, tất nhiên...

— Như vậy, nói về tương lai, không ai có thể tiên đoán và biết đâu hạnh phúc lại rơi trúng đầu cô giữa lúc cô không chờ đợi nhất!

Yên lặng một lát... Lần đầu tiên cô gái tỏ ra suy nghĩ. Cuối cùng, cô thốt lên, giọng nghi hoặc:

— Tôi chưa nghĩ đến điều này...

Vậy là, trong suốt 45 phút, Patrick Bénoni ra sức lý luận. Gã sợ cảnh sát hạ lệnh tấn công do tưởng gã đã giết con tin, nhưng không. Gã tập trung hết tài hùng biện, nhờ trời gã nói chuyện không đến nổi tẻ... Carole dần dần cảm thấy bị thuyết phục, nét mặt cô thay đổi, không còn vẻ bất cần đời như lúc ban đầu. Gã nắm cánh tay cô gái:

— Nào, đi thôi! Cô đi trước!

— Tôi... tôi sợ...

— A! Rốt cuộc cô sợ! Thế thì tốt!

Và vài phút sau, Patrick ra khỏi căn nhà với cô gái làm lá chắn. Lúc này cô run lẩy bẩy và thét lên nghe chói tai.

* * *

Patrick Bénoni tiến về phía chiếc Peugeot 205. Gã la lớn:

— Ai ở đâu đứng yên đó! Lộn xộn tao bắn liền!

Carole hoàn toàn hoảng sợ:

— Hãy nghe lời anh ta, xin các người, không anh ta giết tôi mất!

Brunel ra lệnh ngắn gọn:

— Để họ đi.

Luôn đẩy cô gái phía trước, Patrick Bénoni chui vào xe hơi và rồ ga hết cỡ. Cuộc truy đuổi kéo dài có mấy giây đồng hồ. Với sự bình tĩnh đáng kinh ngạc, Carole mở cửa xe và lăn người ra ngoài... Hoàn toàn bị bất ngờ, Patrick Bénoni không kiểm soát được tay lái. Lúc gã bình tĩnh trở lại thì đã quá trễ: Một chiếc xe cảnh sát đã vượt lên chặn đầu xe của gã. Gã cố tránh qua, nhưng những phát đạn đã vang lên, và gã gục xuống tay lái... Brunel nhào ra khỏi xe: Hai viên đạn trúng đầu đã kết liễu đời tên cướp. Brunel tiến về phía cô gái, cô đang đứng dậy, rõ ràng không hề hấn gì.

— Sao? Cô không việc gì chứ?

Carole nhìn ông. Mặc dù vừa trải qua biến cố, dường như cô đã tự chủ được:

— Không sao, cảm ơn...

— Xin khen ngợi cô. Tôi hiếm khi thấy một cô gái can đảm và bình tĩnh như cô.

Carole mỉm cười:

— Tại tôi muốn sống!

(Theo “*L’envie de vivre*” của Bellemare)

BÀ WINTER TỐT BỤNG

Chiếc xe hơi sang trọng dừng lại trước cổng ngôi biệt thự lộng lẫy gần Boston. Tài xế mở cửa xe, cúi đầu:

— Thưa bà, chúng ta đã đến nơi.

Trong xe, một giọng nói giận dữ đáp lại:

— Bám chuông, Walter! Ở tuổi tôi mà phải đi bộ vô trong ấy hả?

Tài xế nhăn mặt, vâng lời. Cánh cổng mở hé và người gác cổng nói gì đó với tài xế, và tài xế lại đến gần xe hơi:

— Bà thủ lỗi, nhưng người gác cổng không cho xe hơi chạy vô.

— Một tên gác cổng mà dám ra lệnh? Bộ đây là nhà tù sao? Anh coi lại xem có đúng chỗ không?

— Thưa bà đúng. Ở cổng có ghi “Nhà an dưỡng Chim Hoạ mi”.

— An dưỡng! Làm như tôi bị bệnh không bằng!

Walter lại nhăn mặt. Anh làm tài xế cho vợ chồng June và Harold Winter, vâng lệnh họ đưa bà mẹ của Harold tới đây vì bà già 79 tuổi này ngày càng gây khó chịu cho mọi người và làm những điều ngốc nghếch. Anh có thể cứ việc bỏ rương quần áo và bà già xuống đây, mặc bà xoay xở. Nhưng anh vẫn ôn tồn:

— Bà có thể vịn tay tôi, tôi sẽ dẫn bà vô phòng tiếp tân, rồi tôi quay lại xe mang đồ vào sau.

Bà Winter “hừ” một tiếng, xuống xe, te te đi vô biệt thự, quát người gác cổng:

— Anh gác tù phải không? Tại sao không mang đồ giúp tôi?

Người gác cổng không trả lời, nhưng khi bà già đã vô phòng tiếp tân, anh hỏi nhỏ tài xế:

— Bà già khó chịu quá hả?

— Hả vậy. Chủ tôi đưa bà đến đây theo lời khuyên của bác sĩ...

— Ừa!

— Tháng trước, bà xem giết chết đứa cháu nhỏ khi làm bánh sandwich lại nêm thêm thuốc chui đồ đồng. May mà bác sĩ cứu kịp.

Bà ta ngày càng lú lẫn. Có điều bà rất giàu.

— Bà ta mà lộn xộn nhốt lại là xong, khó gì!

— Khó đấy. Có cả một đồng luật sư sau lưng bà, bọn cá mập ấy. Và bà ta nói thẳng thừng, nếu bà bị nhốt, bà sẽ kiện con cháu bà ra tòa do muốn chiếm đoạt gia tài nên viện cớ bà bị điên.

— Thiệt là rắc rối. Nhưng rốt cuộc bà ấy có điên hay không?

— Tùy lúc. Riêng tôi, tôi chẳng hiểu gì ráo, bà ấy làm tôi sợ. Cả ngày bà ấy hết đi lễ lại ra nghĩa địa, chăm cho người chết hơn là người sống.

Bà Lynn Winter đã được dẫn vô phòng riêng. Bỗng bà nổi giận quắc mắt nhìn các cô y tá, nhìn giám đốc nhà an dưỡng, quát:

— Phòng ốc gì mà như vậy? Bộ cho tôi ở phòng đầy tớ hả?

Tuy nhiên đó là một căn phòng đầy đủ tiện nghi với nhà tắm, căn bếp nhỏ, máy thu thanh và màn cửa bằng vải hoa. Một bác sĩ được mời đến. Ông còn trẻ, gương mặt cởi mở và dễ có cảm tình, giọng từ tốn:

— Bà Winter, bà mới tới nên bị mệt...

— Tôi chẳng mệt chút nào. Tôi muốn nói tôi chẳng có việc gì mà

phải ở đây và tôi cần về nhà ngay. Tôi có bốn phận chăm sóc năm mộ cho chồng tôi. Hai ngày nữa là ngày giỗ ông ấy rồi.

— Tôi có thể khám bệnh cho bà được không?

— Tôi không hề bệnh hoạn!

— Hẳn là vậy, nhưng đó là quy tắc ở đây.

— Ra thế. Khám lệ lên!

Bác sĩ lập mưu:

— Bà có vẻ hoàn toàn khoẻ mạnh. Nhưng nếu bà muốn tôi cấp giấy chứng nhận, bà phải cho phép tôi khám kỹ.

Rồi ông vừa khám bệnh vừa nói chuyện với bà, cuối cùng lấy cốc cho bà uống thuốc bổ, ông thêm ít giọt thuốc vô ly nước chanh của bà. Đợi bà ngủ yên đầu đó, bác sĩ nói chuyện với giám đốc:

— Tôi không rõ tại sao ông nhận bà Winter. Chắc hẳn bà ta rất khó chịu, nhưng có điều hoặc bà ta cần một bác sĩ tâm thần và nơi ở đặc biệt, hoặc bà ta cứ việc sống ở nhà. Bà ta sẽ gây ra cho chúng ta nhiều rắc rối nếu phải dùng đến sức mạnh để giữ bà ta ở lại đây.

— Gia đình bà trả rất nhiều tiền... Bà ta còn có vị trí trong một số hoạt động xã hội. Chúng ta sẽ giải quyết các vấn đề phát sinh.

Nhưng cả bác sĩ lẫn giám đốc nhà an dưỡng Chim Hoạ mi đều không thể ngờ vấn đề phát sinh đối với bà già 79 tuổi, triệu phú đô-la đó, khi vào 6 giờ sáng hôm sau bà tuyên bố:

— Mọi người cấm tôi ra khỏi phòng phải không? Được lắm! Tôi bị tù ở đây phải không? Được lắm! Vậy hãy dẫn tôi đến gặp bọn “cóm”, tôi có nửa tá vụ giết người cần thú tội! Ấy là chưa kể vụ mới đây!

Viên bác sĩ trẻ đưa tay cản đường bà Winter với nụ cười hoà giải:

— Nào, nào, đừng nói vậy thưa bà, chúng tôi sẽ giải quyết!

— Ông bạn trẻ, tôi không giận lấy ông bạn đâu. Tôi biết rõ tại sao tôi vô đây. Con gái và con rể tôi sợ scandal bởi tôi muốn đầu độc con chúng nó chó gì. Ai cũng muốn coi đó là một sự làm lẩn của tôi, chúng tỏ tôi đã lú lẩn rồi. Không đâu. Thằng bé nhản mặt, nhưng tôi vẫn bắt nó ăn hết chiếc bánh. Có điều nhiều bác sĩ đến kịp thời, cho nó ói ra nên mưu kế của tôi không thành...

— Thôi thôi, tôi xin bà!

— Đừng làm bộ. Tôi không điên đâu. Đưa điện thoại đây để tôi gọi cảnh sát. Đã muốn scandal thì cho scandal luôn!

— Có ai nói gì bà đâu...

— Đã hơn 30 năm nay rồi, nếu tôi chết thì còn ai nói ra sự thật nữa. Để tôi giải thích cho bác sĩ hiểu. Theo thứ tự, trước hết là cha tôi, Jackson Clark. Ông chết bất đắc kỳ tử vào lúc chỉ có mình tôi săn sóc ông. Rồi đến cha mẹ chồng tôi, ông Alphaeus và bà Louisa Winter cách nay 37 năm. Cả hai chết cách nhau ít ngày, trong trường hợp lạ lùng, nhưng chẳng ai để ý gì. Tiếp đó là bà chị tôi, Lorena, lúc bà ấy 53 tuổi, việc xảy ra sau đó 13 năm. Và rồi tôi phải chờ khá lâu, đến 20 năm, trước khi khiến cậu em Clinton của tôi biến mất. Người ta cho rằng Clinton bị truy tìm mạch. Cuối cùng là chồng tôi, Edouard, mới năm rồi. Tất cả bọn họ được chôn trong nghĩa trang của gia đình. Trừ Roy, thằng lỏi vừa rồi. Nó mới ba tuổi ranh mà thoát được tay tôi. Hừ!

Bác sĩ vẫn nghĩ mình đang nghe một người điên và ông tìm động cơ của lời thú tội ghê gớm ấy:

— Bà Winter, bà tự buộc tội mình giết sáu người để hòng ra khỏi đây là hoàn toàn vô ích. Nếu cảnh sát nghe được, tin bà, nhốt bà vô tù thì sao? Nếu bà muốn, tôi sẽ liên hệ với gia đình bà để giải

quyết...

— Ông chỉ là một tên ngốc. Đối với tôi thế là đủ rồi. Nếu không cho tôi gọi cảnh sát tôi sẽ điện thoại cho luật sư của tôi.

Bác sĩ không còn cách nào khác hơn là nhìn bà già mang mắt kiếng vào, tìm trong sổ tay của bà, quay số điện thoại. Và ông ngẩn người theo dõi cuộc nói chuyện:

— Stenson hả? Tôi đây. Hãy nghe đây, và làm theo lời tôi. Trước hết hãy tới chỗ tôi, nhà an dưỡng “Chim Hoạ mi” chết tiệt, nhớ mang theo giấy tờ tôi ghi chép bỏ trong két sắt của ông. Tiếp đó báo với công chứng viên rằng tôi có ý nói với ông ta về sáu người trong gia đình tôi mà tôi đã đầu độc chết. Cấm không được tiết lộ với con gái và con rể tôi. Nhanh lên. Từ chỗ ông đến đây mất hai giờ. Tôi muốn buổi trưa nay ông phải có mặt tại nhà an dưỡng, cùng với công chứng viên.

Bà Winter bỏ điện thoại xuống, tay không hề run:

— Tôi khoái vậy đấy. Ông biết không, thời bây giờ khó đánh thuốc độc lắm. Thời cha tôi, mua thạch tín dễ ợt. Đừng nhìn tôi như thế. Bộ ông ngạc nhiên lắm hả? Tôi phải làm vậy mới chiếm được trọn vẹn gia tài chớ...

* * *

Qua xét nghiệm pháp y, ba trong số các tử thi được khai quật có dấu hiệu nhiễm độc thạch tín. Các tử thi khác do chôn đã quá lâu nên kết quả không thể xác định, tuy nhiên trường hợp độc tử kỳ lạ của những người này khiến người ta không khỏi đặt nghi vấn.

Chính vào lúc ấy, bà Winter lại phủ nhận lời thú tội trước đây của mình: “Tôi tốt bụng, tôi yêu mến gia đình tôi. Tôi chẳng có lý do gì để giết họ. Tôi đặt hoa trên mộ họ mỗi năm, cầu nguyện cho họ và tôi chẳng biết gì về thạch tín cả. Cháu tôi ấy à? Đó là một tai nạn, tôi cầm lọ chai thuốc, do tuổi già mắt kém... ”.

Tuy nhiên trước các chứng cứ cũng như lời khai của viên bác sĩ trẻ, nhân chứng ban đầu nghe thủ phạm tự thú, bà Lynn Winter bị kết án tù chung thân ở độ tuổi 82. Và khó ai ngờ bà sống thêm 11 năm trong tù trước khi nhắm mắt xuôi tay.

(Dịch từ “*La bonne et longue vie de Mrs Winter*” của Bellemare)

CUỘC TRÀ THÙ NGỌT NGÀO

Paola Ambrosio liếc nhìn quanh ngôi biệt thự. Sự sang trọng không làm cô ấn tượng bởi cô cũng có tài sản chẳng đến nỗi tồi, nhưng phải nói rằng ngôi biệt thự được trang trí tuyệt hảo, không còn chỗ chê. Nhà riêng của Carlo Albertini, nơi cô bước đến vào cận dịp Noel năm 2000 quả là lộng lẫy và lịch sự. Cũng chẳng mấy ngạc nhiên, vì Carlo Albertini là một trong những tỉ phú hàng đầu của nước Ý.

Không phải ngẫu nhiên mà Paola Ambrosio bước vào đây. Và cô tin chắc tấm ảnh của cô gửi đến chủ biệt thự trước đó khiến ông ta phải đích thân tiếp đón cô. Vừa lúc cửa mở: Chính là Carlo Albertini.

Đó là một người đàn ông trạc tứ tuần, rất quyến rũ với dáng dấp thể thao, nét mặt cương nghị và tóc ở hai bên thái dương sớm đổi màu muối tiêu. Nhưng lúc này, hình như chủ nhà là người ngạc nhiên hơn khách. Ông ta lùi lại một bước, miệng há rộng:

— Cô Verga?

— Phải. Chính tôi. Sao ông nhìn tôi dữ vậy?

— Xin lỗi, nhưng nhìn cô còn giống hơn cả trong tấm hình mà cô đã gửi.

— Giống à? Ông nói giống ai? Tôi đến đây để xin làm một chân hầu phòng theo như báo đăng ông cần người giúp việc.

— Mong cô thứ lỗi. Nhưng cô giống vợ tôi đến đáng ngạc nhiên.

Vợ tôi mới qua đời cách nay nửa năm.

— Vợ ông?

Paola Ambrosio mở to đôi mắt xanh biếc ra vẻ kinh ngạc. Đó là một bi kịch mà cô đã biết hết, hay gần hết, về vụ Angela Albertini, tên thời con gái là Ambrosio, tự tử. Angela chính là chị ruột của cô. Cô còn giữ trong xác tay lá thư cuối cùng của chị mình, với nội dung: “Carlo là một con quỷ. Chị sợ lắm. Tất cả mọi người sẽ đều tin rằng đó là một vụ tự tử, nhưng chính hắn sẽ giết chị. Trong trường hợp này, chị mong em hãy trả thù cho chị.”

Trả thù cho Angela, đó là ý đồ của Paola Ambrosio. Vì vậy cô đã rời nước Mỹ nơi cô đang sống, mang theo một lọ nhỏ cyanure trong xác tay, cùng với lá thư.

Giữa nhà tỉ phú và cô Verga-giả-danh, cuộc đối thoại vẫn tiếp tục:

— Vấn đề không phải là người hầu phòng. Tôi nghĩ cô xứng đáng hơn thế nhiều...

— Tuy nhiên đó mới là công việc của tôi. Tôi đã đọc trên báo.

Mong ông nhận tôi vào làm việc...

Paola Ambrosio làm bộ mở xác tay. Carlo Albertini chặn ngang:

— Tôi tin cô... Nhưng tôi muốn đề nghị cô đảm nhận một việc khác. Cô có thể vui lòng làm nhiệm vụ giống như một người quản gia không?

— Tôi sẽ phải làm những gì?

— Tôi... tôi phải tiếp rất nhiều khách khứa, nhất là trong dịp Noel và Tết. Cô có thể ở bên tôi để giúp tôi tiếp khách. Như vậy sẽ giúp tôi tự tin hơn, và cũng đỡ mệt hơn. Tôi tuy trông bề ngoài như vậy nhưng thiếu tự tin.

— Người ta có thể nghĩ ông mới... đổi vợ.

— Tôi sẽ công bố rõ mọi chuyện. Cô yên tâm, không thể có hiểu lầm.

— Nếu không hiểu lầm và tiền lương kha khá...

* * *

Ba ngày đã trôi qua, Paola Ambrosio vẫn chưa ra tay. Cô chỉ quan sát và tìm hiểu. Mục đích của cô, thực ra không phải chỉ là khử Carlo Albertini; cô muốn trước hết phải biết rõ chị mình đã chết như thế nào. Đã tới lúc dò la qua vô số những gia nhân, và cô chọn Lisa, người hầu phòng của chị mình trước đây.

— Bà Albertini tội nghiệp. Hình như bà ấy rất giống tôi... Sao bà ấy lại qua đời khi tuổi còn trẻ vậy nhỉ?

— Bà ấy tự tử. Thật là một nỗi đau lớn cho tất cả chúng tôi.

— Nhưng sao bà lại tự tử? Bà ấy gặp chuyện buồn?

— Không. Trầm cảm thành linh. Bác sĩ nói thế. Bà ấy uống nguyên cả một ống thuốc ngủ, để rồi không bao giờ tỉnh dậy nữa.

— Ông Albertini có khi nào ngoại tình không?

— Không đời nào! Sao cô nghĩ kỳ vậy?

Và Lidia bỗng tỏ ra nghi ngờ:

— Cô đặt ra những câu hỏi này để làm gì?

— Không, không có gì. Chẳng qua tôi tò mò.

— Nay, tôi không thích những kẻ tò mò tọc mạch.

Paola Ambrosio không hỏi thêm. Tuy nhiên cô hầu phòng đã nói dối. Carlo Albertini, ít ra trong những tháng cuối cuộc đời của vợ

mình, đã có một người tình. Chị cô, Angela, đã nói đến rất nhiều trong những bức thư gửi cho cô: “Chị không biết tên cô ta. Chị chỉ biết cô ta có họ Josefa. Đó là một cô gái tầm thường, có mái tóc nâu, dài, luôn trét son phấn đầy mặt. Cô ta đầy vẻ tự mãn. Gần như bữa nào cổ cũng tới đây. Mới hôm qua, Carlo nói với chị: ‘Chẳng mấy lúc Josefa sẽ là chủ ngôi biệt thự này đấy’...”

Umberto, người tài xế, có vẻ dễ khai thác hơn là cô hầu phòng. Lý do đơn giản: Anh ta nổi tiếng là người hay chạy theo các cô gái duyên dáng, và Paola Ambrosio hẳn không phải ngoại lệ.

— Sao, cô nói gì? Vào buổi chiều ấy à?

— Nói thiệt, tôi không tin đàn ông lắm. Anh có nhớ chuyện gì đã xảy ra với bà Albertini không?

— Bà Albertini? Có liên quan gì?

— Nghe nói chồng bà ấy có bồ. Một cô Josefa nào đấy.

— Nhưng cô muốn nói tới ai kia?

— Giữa chúng ta, anh có thể nói thẳng. Umberto, bộ anh không tin tôi sao?

— Tin chớ, có điều tôi không hiểu...

— Cô gái tóc nâu son phấn quá trời ấy. Hẳn anh phải có lần thấy cô ả. Hầu như ngày nào cổ cũng tới đây mà. Có khi anh còn lái xe chở cổ không chừng.

Nét mặt Umberto bỗng nghiêm hẳn. Không còn nụ cười cầu tài thường nở trên môi nữa. Cũng không còn vẻ tán tỉnh của anh chàng mê gái nữa. Anh tỏ ra còn khó chịu hơn cả cô hầu phòng: “Cô nói cái quái quỷ gì vậy?”

Paola Ambrosio không hỏi thêm. Cô bối rối khi rời Umberto. Mọi

diễn biến hoàn toàn không như cô mong đợi. Ngược lại là khác, khiến cô mất phương hướng. Không những chẳng biết thêm được gì, cô còn thiếu điều bị lột mặt nạ. Lidia và Umberto là những người làm thuê trong nhà, xứng đáng được trả công khi từ chối trả lời những câu hỏi liên quan đến ông chủ khiến cô không dám hỏi sâu hơn. Vậy nên chẳng chuyển liền sang hành động? Hay rón chờ thêm vài hôm nữa, vì đằng nào cũng năm hết Tết đến nơi rồi?

Paola suy nghĩ khi rời người tài xế, bước trở vào lại ngôi biệt thự. Nhưng cô đã tự hứa chỉ hành động sau khi biết rõ sự thật. Và cô thừa nhận mình chưa biết thêm chút xiu nào từ khi đặt chân tới đây.

Vừa lên hết mấy bậc thềm, tiếng gọi sau lưng khiến cô giật mình:
— Cô Verga, mời cô theo tôi vào phòng khách.

Paola Ambrosio biết lẽ ra cô nên bỏ chạy, nhưng giọng nói oai nghiêm của nhà tỉ phú như ra lệnh khiến cô không thể không nghe theo. Chờ cô bước vào phòng, ông ta khoá cửa cẩn thận, xong mới lên tiếng:

— Mời cô ngồi. Chúng ta sẽ nói chuyện thẳng thắn.

Paola cảm thấy hết sức bối rối. Linh cảm cho cô biết mình đã bị lật tẩy. Cô cố nhớ lại kế hoạch tự bảo vệ mà cô từng tưởng tượng một khi lâm vào trường hợp này: Cô là nữ phóng viên một tạp chí Mỹ, nhận lệnh điều tra vụ mất tích của vợ nhà tỉ phú. Kế hoạch trả thù của cô bay đầu mất tiêu. Tất cả những gì cô mong vào lúc này là bị tống cổ ra khỏi phòng khách, để cô rời khỏi nước Ý một cách an toàn.

Carlo Albertini ngồi xuống ghế đối diện, nhìn ngay cô với ánh mắt nghiêm nghị:

— Bây giờ, chúng ta nói chuyện đàng hoàng. Tôi muốn tự cô nói ra cô đến đây để làm gì.

— Để xin việc... Tôi chẳng hiểu gì cả.

— Nếu vậy, tôi không cần thiết phải nói với cô tại sao chị cô lại chết.

Paola như nghe một luồng khí lạnh chạy ngang sống lưng.

Nhưng cuối cùng cô cũng lên tiếng, hơi lắp bắp:

— Vậy... ông biết... tôi là ai?

— Hẳn nhiên. Cô là Paola Ambrosio, em gái của Angela, vợ tôi.

— Cô hầu phòng đã nói lại với ông?

— Cô hầu phòng nào? Tôi biết rõ ngay từ trước khi cô tới đây. Vừa nhận được thư và hình của cô, tôi lập tức nhờ thám tử tu điều tra. Tôi nhận đầy đủ mọi thông tin cần thiết chỉ sau 24 giờ.

— Vậy... khi gặp tôi lần đầu, ông đã biết hết?

— Rằng cô là ai và cô đến đây để làm gì? Phải, tôi biết.

— Tuy nhiên ông vẫn tự đặt mình vào hiểm hoạ? Nhưng... tại sao?

— Từ khi Angela qua đời, cá nhân tôi coi sống chết không mấy quan trọng. Và tôi nghĩ cô sẽ chưa hành động khi chưa biết rõ sự thật.

— Tôi không hiểu.

— Bởi cô đã làm lần ngay từ đầu. Xin lỗi, tôi đã đọc lá thư Angela gửi cho cô mà cô để trong xác tay. Angela tội nghiệp! Câu chuyện về cô gái có mái tóc nâu dài, mặt đầy son phấn ấy, ôi, thật đáng thương! - Ông muốn nói đó là nhân vật do chị tôi tưởng tượng ra?

— Phải. Có khi nào cô tự hỏi tại sao chúng ta lại chưa bao giờ gặp

nhau hay không? Mặc dù chúng ta là anh rể em dâu?

— Bởi ông cấm chị tôi. Angela đã viết thư cho tôi nói ông không thích gặp những người bà con bên vợ. Và chị đã tha thiết yêu cầu tôi đừng nhắc tới chuyện này.

— Thì ra vợ tôi viết vậy. Còn với tôi, Angela đơn giản nói gia đình chẳng còn ai. Trước khi thám tử báo cáo về cô, tôi hoàn toàn không biết có cô trên cõi đời này. Tôi chẳng hay biết gì về những lá thư của vợ tôi. Hẳn Angela đã giấu tôi.

— Nhưng tại sao? Điều này thực vô nghĩa.

Carlo Albertini buông tiếng thở dài. Ông bỗng tỏ ra mệt mỏi:

— Cô đã không tin khi nói rằng điều này thực vô nghĩa. Làm sao Angela có thể làm việc có ý nghĩa, khi cô ấy bị điên?

— Điên!

— Tâm thần phân liệt và chúng lo cuồng bị ngược đãi... Căn bệnh được phát hiện sau đám cưới của chúng tôi không lâu. Tôi đã mời những giáo sư giỏi nhất của nước Ý, và cả của thế giới. Không ai cho tôi tia hy vọng nhỏ nhoi nào. Bệnh của Angela cứ thế phát triển cho đến một hôm cô ấy tự kết liễu đời mình mặc dù mọi đề phòng.

— Không thể như vậy được!

— Tôi biết cô nghi gì: nếu đó đúng là sự thực, rồi cô sẽ từ từ hiểu ra. Tôi đã tốn biết bao nhiêu tài sản để cố giữ cho cô ấy có vẻ ngoài bình thường. Bác sĩ, y tá luôn ở bên cạnh vợ tôi. Khi cần tiếp khách, họ cho cô ấy dùng thuốc thích hợp và không ai nhận thấy điều gì bất thường... Về phần các gia nhân, họ đều biết. Nhưng tôi trả họ đủ tiền để họ giữ im lặng. Hẳn cô cũng rõ điều này.

Paola Ambrosio khó trấn tĩnh tinh thần trước những gì nhà tỉ phú vừa tiết lộ. Một câu hỏi đến tự nhiên:

— Tại sao ông lại làm như vậy?

— Hẳn cô dễ dàng nghĩ rằng tôi sợ scandal, do vị trí xã hội của tôi. Nhưng thật ra còn lý do khác quan trọng hơn. Tôi muốn hình ảnh của Angela không bị vấy bẩn dưới mắt mọi người. Tôi rất yêu chị cô.

Paola yên lặng. Sau một lúc lâu, Carlo Albertini ngập ngừng lên tiếng:

— Xin lỗi, nhưng thám tử đã cho tôi nghe hết về cô. Tôi biết cô đã ly dị và không có con. Như vậy, cô không có việc gì phải trở về Mỹ gấp... Cô có thể vui lòng ở lại đây thêm một thời gian nữa hay không? Ít ra là qua năm mới? Sự hiện diện của cô sẽ... an ủi tôi rất nhiều.

Paolo Ambrosio đã đồng ý. Thậm chí không phải sau Tết, mà là ở lại luôn, vì sau đó cô đã... thành hôn với Carlo Albertini.

Phải chăng đó cũng là điều Angela tội nghiệp đã tiên đoán khi gọi cô em mình tới, với lý do để trả thù? Có thể Angela đã tưởng tượng trước đoạn kết của câu chuyện, bởi nào ai có thể đoán được ý nghĩ của một cô gái điên?

(Phóng tác từ một truyện của Bellemare)